

XXIV

PHẨM CA DIẾP BỒ TÁT

Thứ hai mươi bốn

Ca Diếp Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Đức Như Lai thương xót tất cả chúng sanh. Có thể điều phục, kẻ chẳng điều phục, có thể thanh tịnh kẻ chẳng thanh tịnh, có thể quy y kẻ chẳng quy y, có thể giải thoát kẻ chưa giải thoát, được tám môn tự tại là bậc đại Y Sư, đại Dược Vương.

Bạch Thế Tôn ! Thiện Tinh Tỳ Kheo là con trai của đức Phật lúc chưa xuất gia, sau khi làm Tỳ Kheo, Thiện Tinh thọ trì, đọc tụng, giải thuyết mười hai bộ kinh, phá kiết sử cõi Dục chứng được Tứ thiên. Tại sao đức Như Lai nói Thiện Tinh là hạng nhứt xiển đề, là người hạ tiện người không thể trị được phải ở nơi địa ngục cả kiếp. Có gì đức Như Lai chẳng trước diễn nói chánh pháp cho Thiện Tinh, để được làm Bồ Tát. Nếu đức Thế Tôn chẳng

cứu được Thiện Tinh Tỳ Kheo, thời đâu được gọi là có đại từ bi, có đại phương tiện ?".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Ví như cha mẹ chỉ có ba người con trai : Người trai thứ nhất cung kính cha mẹ có lòng tin thuận, thông minh trí huệ có thể làm xong được sự nghiệp trong đời; người trai thứ hai không cung kính tin thuận cha mẹ, thông minh trí huệ có thể làm xong sự nghiệp trong đời; người trai thứ ba không cung kính tin thuận cha mẹ, ngu si vô trí.

Này Thiện nam tử ! Nếu lúc cha mẹ muốn dạy bảo điều gì, thời nên dạy đứa con nào trước, thân ái đứa con nào trước, nên bảo đứa nào làm sự nghiệp trước ?

- Bạch Thế Tôn ! Cha mẹ đó nên trước dạy bảo đứa con có lòng cung kính tin thuận thông minh trí huệ hiểu biết sự nghiệp trong đời, kế đến dạy bảo đứa thứ hai, rồi sau mới đến đứa con thứ ba. Hai đứa sau dầu không lòng cung kính tin thuận, nhưng vì xót thương nên cũng lần lượt dạy bảo.

- Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai cũng như vậy. Đứa con thứ nhất dụ cho Bồ Tát, đứa giữa dụ cho hàng Thanh Văn, đứa thứ ba dụ cho hạng nhứt xiển đề.

Như trong kệ kinh, những nghĩa lý vi tế ta đã trước giảng nói cho các vị Bồ Tát. Những nghĩa cạn cợt thời giảng nói cho hàng Thanh Văn. Những

nghĩa thế gian thời giảng nói cho hạng nhứt xiển
đề phạm tội ngũ nghịch, dầu trong đời hiện tại họ
không được lợi ích, nhưng cũng làm chủng tử lành
cho đời sau.

Này Thiện nam tử ! Ví như ba ruộng : Ruộng
thứ nhứt nước chảy lưu thông, không có ngói đá gai
gốc, trồng một trâu được trăm. Ruộng thứ hai dầu không
ngói đá gai gốc, nhưng đường nước không được lưu
thông nên hoa mầu kém ruộng trên phân nửa. Ruộng
thứ ba đường nước khó khăn lại nhiều ngói đá gai gốc
cỏ mọc lan tràn trồng một chỉ trâu được một.

Này Thiện nam tử ! Đến mùa gieo trồng thời
nông phu nên gieo trồng ruộng nào trước ?

- Bạch Thế Tôn ! Nông phu kia nên gieo trồng
ruộng thứ nhứt trước, kế đến ruộng thứ hai, sau rốt
đến ruộng thứ ba.

- Này Thiện nam tử ! Ruộng thứ nhứt dụ cho Bồ
Tát, ruộng thứ hai dụ cho Thanh Văn, ruộng thứ ba
dụ cho hạng nhứt xiển đề.

Này Thiện nam tử ! Ví như ba cái chậu : Cái thứ
nhứt nguyên vẹn, cái thứ hai rịn chảy, cái thứ ba
bể. Nếu muốn đựng sữa, lạc, nước, tô, thời trước
nên dùng chậu nào ?

- Bạch Thế Tôn ! Nên trước dùng chậu lành, kế
dùng chậu nứt, sau rốt mới đến chậu bể.

- Nay Thiện nam tử ! Chậu lành dụ cho Bồ Tát, chậu nứt dụ cho hàng Thanh Văn, chậu bể dụ hạng nhứt xiển đề.

Nay Thiện nam tử ! Như có ba người bệnh đồng đến y sĩ : Người thứ nhứt dễ trị, người thứ hai khó trị, người thứ ba không thể trị. Y sĩ nên trước trị cho người nào ?

- Bạch Thế Tôn ! Nên trị cho người dễ trước, kế đến người thứ hai, sau rốt đến người thứ ba, vì là hàng thân thuộc.

- Nay Thiện nam tử ! Người bệnh dễ trị dụ cho Bồ Tát, người bệnh khó trị dụ cho Thanh Văn, người bệnh không thể trị dụ cho hạng nhứt xiển đề. Dầu hạng sau rốt này đối với chánh pháp không được quả lành trong đời hiện tại, nhưng vì xót thương nên đức Như Lai cũng gieo trồng chủng tử lành cho họ ở đời sau.

Nay Thiện nam tử ! Ví như nhà vua có ba hạng ngựa : Hạng thứ nhứt điều thuận mạnh mẽ, hạng thứ hai không điều thuận nhưng mạnh mẽ, hạng thứ ba không điều thuận là già yếu. Lúc muốn cỡi, nhà vua nên cỡi hạng ngựa nào trước ?

- Bạch Thế Tôn ! Nhà vua nên trước cỡi hạng ngựa điều thuận mạnh mẽ, kế đến hạng thứ hai, sau cùng đến hạng thứ ba.

- Nay Thiện nam tử ! Hạng điều thuận mạnh mẽ dụ cho Bồ Tát, hạng thứ hai dụ cho Thanh Văn,

hạng thứ ba dụ cho nhứt xiển đề. Dầu hạng sau rốt này không được lợi ích trong đời hiện tại, nhưng vì xót thương nên đức Như Lai vun trồng chủng tử lành đời sau cho họ.

Này Thiện nam tử ! Như lúc bố thí lớn có ba hạng người đến xin : Hạng thứ nhứt giòng sang thông minh giữ giới hiền lành, hạng thứ hai giòng trung lưu ngu tối nhưng cũng giữ giới hiền lành, hạng thứ ba giòng hạ tiện ngu tối phá giới hung ác.

Này Thiện nam tử ! Thí chủ kia nên bố thí cho hạng nào trước ?

- Bạch Thế Tôn ! Nên trước bố thí cho hạng thứ nhứt, kế đến hạng thứ hai, sau rốt đến hạng thứ ba.

- Này Thiện nam tử ! Hạng thứ nhứt dụ cho Bồ Tát, hạng thứ hai dụ cho Thanh Văn, hạng thứ ba dụ cho nhứt xiển đề.

Này Thiện nam tử ! Như đại sư tử lúc giết hương tượng thời dùng hết sức lực, lúc giết thỏ cũng dùng hết sức lực chẳng khinh thường. Chư Phật cũng như vậy, lúc thuyết pháp cho chư vị Bồ Tát dụng công cũng như lúc thuyết pháp cho hạng nhứt xiển đề.

Này Thiện nam tử ! Trước kia lúc ta ở thành Vương Xá, Thiện Tinh Tỳ Kheo làm thị giả. Đầu hôm ta nói pháp cho Thiên Đế Thích. Theo phép của thị giả, phải đi nằm sau thầy.

Lúc đó vì ta ngồi lâu nên Thiện Tinh sanh niệm ác bạch với ta rằng mau đi vào thiền thất quí Bát Câu La đến kia kia. Ta bảo Thiện Tinh, người là kẻ ngu si, người chẳng biết rằng đức Như Lai là bậc Vô sở úy ư !

Đế Thích hỏi ta rằng : Bạch Thế Tôn ! Hạng người như vậy mà cũng được vào trong Phật pháp ư ?

Ta nói với Thiên Đế : Hạng người ấy cũng đặng vào trong Phật pháp, họ cũng có Phật tánh sẽ chứng được Vô Thượng Bồ Đề.

Dầu ta vì Thiện Tinh mà thuyết pháp, nhưng Thiện Tinh vẫn không có lòng tin.

Này Thiện nam tử ! Lại có một lúc ta ở nước Ca Thi, thành Thi Bà Phú La, ta muốn vào thành khát thực. Vô lượng chúng sanh khao khát muốn thấy dấu chơn của ta. Thiện Tinh Tỳ Kheo theo hầu phía sau chà bỏ dấu chơn của ta, nhưng không chà mất được, lại làm cho chúng sanh có quan niệm . chẳng lành.

Khi vào thành rồi, thấy trong nhà cất rượu có một Ni Kiên Tử ngồi xồm khum lưng ăn bã rượu.

Thiện Tinh bạch với ta rằng : Nếu trong đời có bậc A La Hán thời người đó là hơn tất cả, vì người đó tuyên bố rằng không hơn không quả. Ta bảo Thiện Tinh : Người là người ngu si. Người chẳng nghe rằng bậc A La Hán chẳng uống rượu, chẳng

hại người, chẳng khi dôi, chẳng trộm cướp, chẳng dâm dật ư ! Ni Kiền Tử đó giết hại cha mẹ, ăn bã rượu sao người nói là bực A La Hán. Người đó sau khi chết quyết định đọa địa ngục A Tỳ. Bực A La Hán dứt hẳn ba đường ác, sao người gọi người đó là A La Hán.

Thiện Tinh liền nói : Tánh của tứ đại còn có thể chuyển đổi, quyết không có lẽ người đó đọa địa ngục A Tỳ.

Ta nói : Người là người ngu si. Người chẳng thường nghe rằng chư Phật luôn luôn nói lời thành thật ư ?

Dẫu ta khuyên dạy Thiện Tinh, nhưng Thiện Tinh tuyệt không có lòng tin.

Này Thiện nam tử ! Có một lúc kia ta cùng Thiện Tinh ở thành Vương Xá, trong thành có một Ni Kiền Tử tên là Khổ Đắc. Người này thường tuyên bố rằng : Chúng sanh phiền não không hơn không duyên, chúng sanh giải thoát cũng không hơn không duyên.

Thiện Tinh bạch với ta rằng : Nếu trong đời có bực A La Hán thời ông Khổ Đắc là trên hết.

Ta nói người là kẻ ngu si. Ni Kiền Tử Khổ Đắc thiệt chẳng phải A La Hán chẳng hiểu được đạo A La Hán.

Thiện Tinh nói rằng : Tại sao bực A La Hán lại tạt đổ với A La Hán ?

Ta nói người là người ngu. Ta chẳng sanh tật đố với A La Hán, chính là người tự sanh quan niệm ác tà. Nếu người nói Khổ Đắc là A La Hán, thời ông nên nghe đây, bảy ngày sau Khổ Đắc sẽ bị trúng thực đau bụng mà chết, chết rồi sẽ sanh trong loài quỷ ăn đồ ối mưa khạc nhổ của người. Bạn đồng học sẽ mang thân của Khổ Đắc bỏ trong rừng Tha Ma.

Thiện Tinh liền đem lời này thuật lại với Khổ Đắc rồi bảo Khổ Đắc rằng : Trưởng lão nên khéo tư duy, tu tập phương tiện, làm cho lời ông Cù Đàm thành vọng ngữ.

Sau khi nghe Thiện Tinh nói, Khổ Đắc liền đoạn thực, từ một ngày đến ngày thứ sáu, nhịn đói đủ bảy ngày, Khổ Đắc bèn ăn đường đen, rồi uống nước lã, đau bụng mà chết. Bạn của Khổ Đắc liền mang thi hài bỏ trong rừng Tha Ma, Khổ Đắc sanh làm quỷ đói ăn đồ ối mưa, quanh quẩn ở bên tử thi.

Thiện Tinh hay được việc này liền đến trong rừng Tha Ma, thấy Khổ Đắc thọ thân quỷ đói, ở bên tử thi ngồi xồm khum lưng. Thiện Tinh hỏi quỷ đói : Đại Đức đã chết rồi ư ?

Khổ Đắc đáp : Tôi đã chết.

- Tại sao mà chết ?

- Vì đau bụng mà chết.

- Ai mang thân Đại Đức ra đây ?

- Bạn học của tôi.
- Mang thầy bỏ chỗ nào ?
- Ông là người ngu ! Ông há chẳng biết rằng đây là rừng Tha Ma ư !

- Đại Đức thọ thân gì ?

- Tôi mang lấy thân quý ăn đồ ổi mưa. Ông nên nghe kỹ ! Lời nói của đức Như Lai, là lời lành, lời chơn thật, lời phải thời, lời đúng nghĩa, lời đúng pháp. Sao ông lại chẳng tin lời chơn thật của Như Lai. Nếu có kẻ nào chẳng tin lời nói chơn thật của Như Lai thời kẻ đó cũng sẽ phải thọ lấy thân như tôi.

Thiện Tinh trở về bạch với ta rằng : "Thế Tôn ! Ni Kiền Tử Khổ Đắc sau khi chết được sanh lên cõi Trời Đạo Lợi.

Ta nói : Này người ngu ! Bực A La Hán là bực Vô sanh, sao người lại nói Khổ Đắc được sanh lên cõi trời Đạo Lợi ?

Thiện Tinh bạch rằng : Thế Tôn ! Ni Kiền Tử Khổ Đắc thiết chẳng sanh lên cõi trời, hiện nay đương thọ thân quý đối.

Ta nói : Này người ngu ! Lời của chư Phật là lời thành thật, không bao giờ nói sai.

Thiện Tinh liền bạch rằng : "Dầu lúc đó đức Như Lai nói như vậy, nhưng tôi trọn không có lòng tin".

Này Thiện nam tử ! Ta cũng thường thuyết pháp cho Thiện Tinh Tỳ Kheo, mà Thiện Tinh tuyệt đối không có lòng tin thuận.

Này Thiện nam tử ! Dầu Thiện Tinh đọc tụng mười hai bộ kinh, chứng được Tứ thiền, nhưng chẳng hiểu nghĩa một kệ một câu nhứt đến một chữ. Vì gần gũi bạn ác nên mất Tứ thiền, sanh kiến chấp tà ác mà nói rằng không Phật, không Pháp, không có Niết Bàn. Sa Môn Cù Đàm giỏi tương số nên có thể biết được tâm niệm của người.

Ta bảo Thiện Tinh : "Những pháp của ta giảng nói : Ban đầu, chặng giữa, rốt sau, điều lành, lời khéo, nghĩa chánh, không xen tạp, thành tựu đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh.

Thiện Tinh lại nói rằng : Dầu đức Như Lai vì tôi mà thuyết pháp, nhưng tôi vẫn nói quyết rằng không hơn không quá.

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Này Thiện nam tử ! Nếu ông chẳng tin những việc như vậy, nay Thiện Tinh ở gần sông Ni Liên Thiện, ta cùng ông có thể đến đó để hỏi".

Liền đó đức Như Lai cùng Ca Diếp Bồ Tát đến chỗ Thiện Tinh Tỳ Kheo.

Thiện Tinh thấy Phật từ xa đi đến liền sanh tâm tà ác. Do tâm ác này, hiện thân đọa vào địa ngục A Tỳ.

**Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Này Thiện nam tử !
Thiện Tinh dầu vào trong Phật pháp vô lượng công
đức, nhưng trọn không đặng mảy mún lợi ích, đó là
vì phóng dật, vì gần bạn ác.**

**Ví như có người dù vào biển lớn thấy nhiều châu
báu, nhưng vì phóng dật nên không được của báu.**

**Lại như người vào biển thấy châu báu, hoặc tự giết
mình chết, hoặc bị ác quỷ giết chết. Cũng vậy, Thiện
Tinh dầu vào trong Phật pháp nhưng bị bạn ác giết hại.**

**Này Thiện nam tử ! Do đây nên đức Như Lai xót
thương thường bảo rằng Thiện Tinh phóng dật quá
nhiều.**

**Này Thiện nam tử ! Nếu là người trước kia nghèo
cùng, với người này dầu có xót thương nhưng lòng
thương không nhiều lắm. Nếu là người trước kia
giàu lớn, về sau suy sụp nghèo cùng với người này,
lòng xót thương sâu đậm hơn.**

**Thiện Tinh Tỳ Kheo cũng như vậy, đã thọ trì, đọc
tụng mười hai bộ kinh, chứng đặng Tứ thiền, rồi để thói
thất rất đáng xót thương. Do đây nên ta nói Thiện Tinh
phóng dật quá nhiều nên dứt mất những căn lành. Hàng
đệ tử của ta người nào nghe thấy việc này đều sanh lòng
xót thương sâu đậm đối với Thiện Tinh Tỳ Kheo.**

**Tử nhiều năm ta thường cùng Thiện Tinh Tỳ
Kheo gần gũi nhau, mà Thiện Tinh tự sanh lòng tà
ác, chẳng bỏ ác kiến.**

Này Thiện nam tử ! Từ xưa ta thấy Thiện Tinh có chút ít căn lành như lông tóc, trọn chẳng huyền ký Thiện Tinh là dứt tuyệt căn lành, là hạng hạ tiện nhứt xiển đề phải đọa địa ngục. Bởi Thiện Tinh tuyên bố rằng không như không quả, không có tạo nghiệp, do đây nên ta huyền ký Thiện Tinh là hạng nhứt xiển đề hạ tiện dứt hẳn căn lành phải đọa địa ngục cả kiếp.

Này Thiện nam tử ! Như có người té chìm trong hầm phẩn, có bạn lành đưa tay mò đó, nếu nắm đặng đầu tóc, bèn muốn kéo lên, mò lâu chẳng được mới có tâm niệm thôi vớt. Cũng vậy, ta tìm chút ít căn lành nơi Thiện Tinh để cứu vớt, nhưng trọn ngày tìm cầu mà chẳng được mảy lông tóc căn lành, do đây nên chẳng cứu được tội đọa địa ngục của Thiện Tinh".

Ca Diếp Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Đức Như Lai có gì huyền ký Thiện Tinh sẽ đọa địa ngục A Tỳ ?".

- Này Thiện nam tử ! Thiện Tinh Tỳ Kheo có quyến thuộc đông, đều cho rằng Thiện Tinh đã chứng được đạo quả A La Hán. Vì ta muốn phá tâm niệm tà ác của họ nên huyền ký Thiện Tinh do phóng dật phải đọa địa ngục.

Này Thiện nam tử ! Ông nên biết rằng lời nói của Như Lai là lời chơn thật không sai. Nếu Phật huyền ký sẽ đọa địa ngục, thời chẳng bao giờ không đọa.

Hàng Thanh Văn, Duyên Giác huyền ký thời có hai thứ hoặc đúng, hoặc chẳng đúng. Như Mục Kiền Liên bảo người nước Ma Già Đà sau bảy ngày trời sẽ mưa, đến kỳ trời trợn chẳng mưa. Có lúc ông dự ký bò cái sẽ đẻ bò con trắng, đến lúc sanh sản lại đẻ bò con vá. Ông ấy dự ký sanh trai, về sau lại sanh con gái.

Này Thiện nam tử ! Thiện Tinh thường tuyên bố với vô lượng chúng sanh rằng tất cả đều không có quả lành quả dữ, do đó dứt hẳn tất cả căn lành không còn mảy mún như lông tóc.

Từ lâu ta biết rõ Thiện Tinh sẽ dứt mất căn lành, ta vẫn cố ý cùng Thiện Tinh ở chung cả hai mươi năm. Vì nếu ta không ở gần Thiện Tinh, thời Thiện Tinh sẽ khuyên bảo vô lượng chúng sanh tạo những nghiệp ác. Đây gọi là trí lực thứ năm của đức Như Lai".

- Bạch Thế Tôn ! Hạng nhứt xiển đề do nhơn duyên gì mà không có pháp lành ?

- Này Thiện nam tử ! Vì hạng nhứt xiển đề dứt căn lành. Chúng sanh đều có năm căn : Tín, tấn, niệm, định và huệ, mà hạng nhứt xiển đề dứt hẳn căn lành này. Do nghĩa đây nên giết hại con kiến còn mắc phải tội sát sanh, nhưng giết hại hạng nhứt xiển đề không mắc tội sát sanh.

- Bạch Thế Tôn ! Vì nhứt xiển đề trợn không pháp lành nên gọi là nhứt xiển đề ư ?

- Đúng như vậy !

- Bạch Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh có ba thứ pháp lành : Quá khứ, vị lai và hiện tại. Hạng nhứt xiển đề không thể dứt được pháp lành đời vị lai, sao lại nói rằng dứt hết pháp lành gọi là nhứt xiển đề.

- Nay Thiện nam tử ! Luận về sự dứt có hai thứ : Một là hiện tại dứt, hai là hiện tại chướng ngại vị lai. Hạng nhứt xiển đề đủ cả hai thứ này nên ta nói rằng nhứt xiển đề dứt hết căn lành.

Nay Thiện nam tử ! Ví như có người té chìm trong hầm phẩn, dầu còn một sợi tóc chưa chìm, nhưng một sợi tóc không thể kéo nổi toàn thân. Hạng nhứt xiển đề cũng như vậy, dầu đời vị lai sẽ có căn lành nhưng không thể cứu được khổ địa ngục. Đời vị lai dầu có thể cứu khỏi, nhưng đời hiện tại không thể làm sao được. Do đây nên gọi là kẻ không thể cứu vớt.

Do Phật tánh làm nhơn duyên thời cứu vớt được, vì Phật tánh chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai chẳng phải hiện tại, nên Phật tánh không bị dứt mất.

Như hột mục hư thời không thể mọc mộng, hạng nhứt xiển đề cũng như vậy.

- Bạch Thế Tôn ! Hạng nhứt xiển đề chẳng dứt Phật tánh, Phật tánh là pháp lành, tại sao nói rằng dứt tất cả pháp lành ?

Này Thiện nam tử ! Nếu chúng sanh nào trong đời hiện tại có Phật tánh thời chẳng được gọi là nhứt xiển đề. Như ngã tánh trong thế gian. Phật tánh là thường chẳng thuộc về ba đời. Nếu thuộc về ba đời thời gọi là vô thường. Vì đời vị lai sẽ thấy Phật tánh, nên nói rằng chúng sanh đều có Phật tánh. Do nghĩa này nên bậc Thập trụ Bồ Tát trang nghiêm đầy đủ công hạnh mới thấy được phần ít.

- Bạch Thế Tôn ! Phật tánh là thường dường như hư không, tại sao đức Như Lai nói rằng vị lai ?

Nếu đức Như Lai nói rằng hạng nhứt xiển đề không có pháp lành, lẽ đâu hạng này không có lòng thương tưởng đối với bạn bè, cha mẹ, vợ con, thân quyến. Nếu họ có lòng thương tưởng thời lòng thương này chẳng phải là lành ư ?

- Lành thay ! Lành thay ! Lời ông hỏi rất hay Phật tánh dường như hư không, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại. Tất cả chúng sanh có ba thứ thân : Thân quá khứ, thân vị lai, thân hiện tại. Đời vị lai chúng sanh trang nghiêm đầy đủ thân thanh tịnh thấy được Phật tánh, nên ta nói rằng Phật tánh đời vị lai.

Này Thiện nam tử ! Ta vì chúng sanh có lúc hoặc nói nhơn là quả, có lúc hoặc nói quả là nhơn, do đây nên trong kinh nói rằng mạng căn là ăn

uống, thấy sắc là chạm xúc. Vì thân đời vị lai thanh tịnh nên nói Phật tánh.

- Bạch Thế Tôn ! Như ý nghĩa của đức Phật nói như vậy, sao lại nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh ?

- Nay Thiện nam tử ! Dầu Phật tánh hiện tại không, nhưng chẳng được nói rằng chúng sanh không Phật tánh. Như tánh hư không kia, dầu không hiện tại mà chẳng được nói là không. Dầu tất cả chúng sanh là vô thường, còn Phật tánh là thường trụ không biến đổi, do đây nên trong kinh ta nói rằng Phật tánh của chúng sanh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, dường như hư không. Nếu có trong có ngoài thì chẳng được gọi là duy nhất, là thường trụ, cũng chẳng được gọi là tất cả chỗ đều có. Dầu hư không chẳng phải trong chẳng phải ngoài nhưng tất cả chúng sanh đều có, Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy.

Ông nói rằng hạng nhứt xiển đề có pháp lành đó, lời này không đúng nghĩa. Vì hạng nhứt xiển đề tất cả hành động nói năng đều là tà nghiệp, vì họ chẳng tin chẳng cầu nhơn quả. Như gốc, cây, nhánh, lá, bông, hột, trái A Lê Lạc đều đắng, tất cả hành nghiệp của nhứt xiển đề cũng như vậy.

Nay Thiện nam tử ! Đức Như Lai thành tựu đầy đủ tri chur căn trí lực, do đây nên biết rõ căn tánh

thượng, trung, hạ của tất cả chúng sanh : Biết rõ rằng người này từ bậc hạ lên bậc trung, biết rõ rằng người này từ bậc trung lên bậc thượng, biết rõ rằng người này từ bậc thượng thành bậc trung, biết rõ rằng người này từ bậc trung thành bậc hạ. Do đây nên biết rằng căn tánh của chúng sanh không quyết định. Vì không quyết định nên hoặc đã dứt căn lành rồi trở lại sanh căn lành. Nếu căn tánh của chúng sanh là quyết định thì trọn không có đã dứt mà lại sanh, cũng chẳng nên nói rằng hạng nhứt xiển đề đọa địa ngục một kiếp.

Này Thiện nam tử ! Do đây nên đức Như Lai nói rằng tất cả pháp không có tướng quyết định.

- Bạch Thế Tôn ! Đức Như Lai đầy đủ tri chur căn trí lực, biết chắc rằng Thiện Tinh sẽ dứt mất căn lành, tại sao lại cho Thiện Tinh xuất gia ?

- Này Thiện nam tử ! Thuở ta mới xuất gia, em ta là Nan Đà, em họ là A Nan và Đề Bà Đạt Đa, con trai ta là La Hầu La, những người đó đều theo ta xuất gia tu hành. Nếu ta chẳng cho Thiện Tinh xuất gia, thì Thiện Tinh sẽ nối ngôi vua có quyền thế sẽ phá hoại Phật Pháp, do đó nên ta cho Thiện Tinh xuất gia.

Này Thiện nam tử ! Nếu Thiện Tinh chẳng xuất gia cũng dứt mất căn lành trong vô lượng đời đều không lợi ích. Nay đã xuất gia dầu mất căn lành, nhưng có thể

trì giới, cung kính, cúng dường bậc đức hạnh, tu tập Sơ thiền nhãn đến Tứ thiền, những điều này gọi là nhơn lành, nhơn lành này có thể sanh pháp lành, pháp lành đã sanh thời có thể tu tập đạo hạnh, đã có thể tu tập đạo hạnh thời có thể được Vô Thượng Bồ Đề, do đây nên ta cho Thiện Tinh xuất gia.

Nếu ta chẳng cho Thiện Tinh xuất gia thọ giới, thời ta chẳng được gọi là Như Lai Thế Tôn đầy đủ mười trí lực.

Này Thiện nam tử ! Đức Phật quán sát chúng sanh đủ cả pháp lành và pháp chẳng lành. Vì những người này dầu đủ hai pháp như vậy, nhưng chẳng bao lâu sẽ dứt mất tất cả căn lành mà đủ cả pháp chẳng lành. Vì những chúng sanh này chẳng gần gũi bạn lành, chẳng nghe chánh pháp, chẳng khéo tư duy, chẳng thật hành đúng pháp, do đây nên sẽ dứt mất căn lành.

Đức Như Lai lại biết người này hiện đời hoặc đời vị lai, lúc trẻ hoặc lúc già, sẽ gần gũi bạn lành được nghe chánh pháp, thời có thể sanh căn lành trở lại.

Ví như có khe suối gần xóm làng, nước suối ngọt ngon đủ tám công đức. Có người nóng nảy khát nước muốn đến khe suối, người trí quyết định biết rằng người khát này sẽ đến bên nước, vì không còn con đường nào khác. Đức Như Lai quán sát

chúng sanh cũng như vậy. Do đây nên Như lai gọi là có đủ tri chur căn trí lực.

Đức Thế Tôn lấy chút đất để trên móng tay rồi bảo Ca Diếp Bồ Tát rằng : "Đất này nhiều hay đất nơi mười phương thế giới nhiều ?".

- Bạch Thế Tôn ! Đất dính trên móng tay đâu có thể sánh với đất trong mười phương thế giới !

- Nay Thiện nam tử ! Có người đã chết trở lại được thân người, bỏ thân trong ba đường ác mà được thân người, căn thân đầy đủ, sanh nơi trung quốc, có đủ chánh tín, có thể tu tập đạo hạnh, có thể tu tập chánh đạo, có thể được giải thoát, có thể nhập Đại Niết Bàn. Được những điều trên đây thật là hy hữu như số lượng đất trên móng tay.

Bỏ thân người mang thân ba đường ác, bỏ thân ba đường ác trở lại thọ thân ba đường ác, thân căn chẳng đầy đủ, sanh nơi biên địa, tà kiến điên đảo, thật hành đạo tà, chẳng được giải thoát, chẳng được Niết Bàn, những hạng này đông nhiều như số lượng đất trong mười phương thế giới.

Nay Thiện nam tử ! Người hộ trì cấm giới tinh tấn chẳng biếng trễ, chẳng phạm bốn tội trọng, chẳng gây năm tội nghịch, chẳng lạm dụng vật của Tăng, chẳng dứt căn lành, chẳng làm nhứt xiển đề, tin thọ kinh điển Đại Niết Bàn này, những người đây rất hy hữu như lượng số đất trên móng tay.

Người lười biếng phá giới, phạm bốn tội trọng, gây năm tội nghịch, lạm dụng của Tăng, làm nhứt nhứt xiển đề dứt mất căn lành, chẳng tin kinh Niết Bàn này, số lượng đông nhiều như đất trong mười phương thế giới.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai biết rõ căn tánh thượng, trung, hạ của chúng sanh như vậy nên gọi là đầy đủ tri chur căn trí lực.

Bạch Thế Tôn ! Đức Như Lai có đủ tri chur căn trí lực như vậy, nên biết rõ căn tánh thượng, trung hạ của tất cả chúng sanh, biết rõ căn tánh của chúng sanh đời hiện tại, cũng biết rõ căn tánh của chúng sanh đời vị lai, biết rõ những chúng sanh này sau khi Phật nhập diệt sẽ nói rằng đức Như Lai rốt ráo nhập Niết Bàn, hoặc nói rằng đức Như Lai không rốt ráo nhập Niết Bàn, hoặc nói có ngã, hoặc nói không ngã, hoặc cho rằng có trung ấm, hoặc không trung ấm, hoặc nói có thối thất, hoặc không thối thất, hoặc nói thân Như Lai là hữu vi, hoặc nói là vô vi, hoặc có kẻ nói mười hai nhơn duyên là pháp hữu vi, hoặc nói là pháp vô vi, hoặc nói tâm là thường trụ, hoặc nói tâm là vô thường, hoặc có người nói hưởng vui ngũ dục thời hay chướng Thánh đạo, hoặc nói chẳng chướng ngại, hoặc có kẻ nói thế đệ nhứt chỉ thuộc về cõi Dục hoặc nói thuộc về cả ba cõi, hoặc nói bố thí chỉ thuộc nơi ý nghiệp, hoặc nói bố thí thuộc nơi ngũ ấm, hoặc

nói có ba pháp vô vi, hoặc nói không ba pháp vô vi, hoặc nói có tạo sắc, hoặc nói không tạo sắc, hoặc nói có vô tác sắc, hoặc nói không vô tác sắc, hoặc nói có tâm sở, hoặc nói không tâm sở; hoặc nói có năm đại chủng, hoặc nói có sáu đại chủng; hoặc nói giới Ưu Bà Tắc thọ đầy đủ Bát quan trai, hoặc nói chẳng thọ được đầy đủ; hoặc nói Tỳ Kheo đã phạm tội tứ trọng mà giới Tỳ Kheo vẫn còn, hoặc nói chẳng còn; hoặc nói bực Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, đều được thành Phật, hoặc nói chẳng được thành ; hoặc nói chính nơi chúng sanh có Phật tánh, hoặc nói rời chúng sanh có Phật tánh; hoặc nói hạng nhứt xiển đề phạm bốn tội trọng, năm tội nghịch đều có Phật tánh, hoặc nói không có Phật tánh; hoặc nói có chư Phật mười phương, hoặc nói không có chư Phật mười phương.

Đức Như Lai thành tựu đầy đủ trí chư căn trí lực như vậy, tại sao hôm nay chẳng nói quyết định ?

Này Thiện nam tử ! Những nghĩa như vậy chẳng phải là nhãn thức biết được nhãn đến chẳng phải là ý thức biết được, đây là chỗ biết của trí huệ. Nếu với người có trí huệ, thời ta trọn chẳng nói phân hai, người trí này cũng cho rằng Phật chẳng nói phân hai. Với người vô trí thời ta nói bất định, người vô trí này cũng cho rằng Phật nói bất định.

Này Thiện nam tử ! Tất cả công hạnh lành của Như Lai đều vì điều phục chúng sanh. Như tất cả

phương thuốc của lương y đều để chữa trị những bệnh khổ.

Này Thiện nam tử ! Vì quốc độ, vì thời tiết, vì ngôn ngữ của người, vì độ người, vì căn tánh sai khác, nên đức Như Lai ở trong một pháp mà nói phân hai, nơi một danh từ nói thành vô lượng danh từ, nơi trong một nghĩa nói thành vô lượng, nơi trong vô lượng nghĩa nói thành vô lượng.

Thế nào là một danh từ nói thành vô lượng danh từ ? Như Niết Bàn, cũng gọi là Niết Bàn, là vô sanh, là vô xuất, là vô tác, là vô vi, là quy y, là nhà cửa, là giải thoát, là quang minh, là đèn sáng, là bờ kia, là vô úy, là bất thối, là chỗ an ổn, là tịch tịnh, là vô tướng, là bất nhị, là nhứt hạnh, là thanh lương, là không tối tăm, là không chướng ngại, là vô tránh, là vô trước, là quảng đại, là cam lộ, là cát tường.

Thế nào là một nghĩa nói thành vô lượng ? Như Đế Thích, cũng gọi là Đế Thích, cũng gọi là Kiều Thi Ca, là Bà Ta Bà, là Phú Lan Đà La, là Ma Pháp Bà, là Nhơn Đà La, là Thiên Nhân, là Xá Chỉ Thiên, là Kim Cang, là Bửu Đảnh, là Bửu Tràng.

Thế nào là nơi vô lượng nghĩa nói thành vô lượng ? Như Phật Như Lai cũng gọi là Như Lai, vì nghĩa khác nên tên cũng khác, gọi là A La Ha, cũng gọi là Tam Miệu Tam Phật Đà, cũng gọi là Thuyền Sư, cũng gọi là Đạo Sư, là Chánh Giác, là Minh Hạnh Túc, là Sư Tử

Vương, là Sa Môn, là Bà La Môn, là Tịch Tĩnh, là Thích Chủ, là Đáo Bĩ Ngạn, là Đại Y Vương, là Đại Tượng Vương, là Đại Long Vương, là Thích Nhân, là Đại Lực Sĩ, là Đại Vô Úy, là Bửu Tự, là Thượng Chủ, là Đắc Thoát, là Đại Trượng Phu, là Thiên Nhơn Sư, là Đại Vân Đà Lợi, là Vô Đẳng Lữ, là Đại Phước Điền, là Trí Huệ Hải, là Vô Tướng, là Bát Trí.

Lại có một nghĩa mà nói thành vô lượng danh từ, như ấm, cũng gọi là ấm, cũng gọi là điền đảo, là đế, là tứ niệm xứ, là tứ thực, là chỗ ở của tứ thức, là hữu, là đạo, là thời, là chúng sanh, là thế, là đệ nhút nghĩa, là ba pháp tu : thân, giới và tâm, là nhơn quả, là phiền não, là giải thoát, là mười hai nhơn duyên, là Thanh Văn, là Bích Chi Phật, là Phật, là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhơn, Thiên, là quá khứ, hiện tại, vị lai.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai vì chúng sanh nên trong rộng mà nói lược, trong lược mà nói rộng, nơi đệ nhút nghĩa đế nói thành thế đế, nơi thế đế nói thành đệ nhút nghĩa đế.

Thế nào là trong rộng mà nói lược ? Như ta bảo các Tỷ Kheo : Hôm nay ta giảng nói mười hai nhơn duyên. Thế nào gọi là mười hai nhơn duyên ?

Chính là nhơn quả.

Thế nào gọi là trong lược mà nói rộng ? Như ta bảo các Tỷ Kheo : Hôm nay ta giảng nói khổ, tập,

diệt, đạo. Khổ là vô lượng sự khổ, tập là vô lượng phiền não, diệt là vô lượng giải thoát, đạo là vô lượng phương tiện.

Thế nào gọi là nơi đệ nhứt nghĩa đế nói là thế đế ? Như ta bảo các Tỳ Kheo. Thân của ta đây có già, bệnh, chết.

Thế nào gọi là nơi thế đế nói là đệ nhứt nghĩa đế ? Như ta bảo Kiều Trần Như : Vì ông đắc pháp nên gọi là A Nhã Kiều Trần Như.

Do vì tùy theo người, tùy theo ý, tùy theo thời như vậy, nên gọi đức Như Lai có đủ tri chur căn trí lực.

Này Thiện nam tử ! Đối với những nghĩa như vậy nếu ta nói quyết định thời ta chẳng được gọi là đức Như Lai có đủ tri chur căn trí lực. Người có trí biết rằng chỗ mang chở của hương tượng chẳng phải lừa ngựa mang nổi. Tất cả chúng sanh có vô lượng hành nghiệp, nên đức Như Lai vì họ mà nói vô lượng pháp, đó là do vì chúng sanh có vô lượng phiền não. Nếu đức Như Lai nói một hạnh một pháp thời chẳng gọi là đức Như Lai có đủ tri chur căn trí lực. Do đây nên trong các kinh khác ta nói rằng có năm hạng chúng sanh chẳng nên vì họ nói năm thứ pháp : Vì người chẳng có lòng tin thời chẳng tán thán Chánh tín ; vì người phá giới cấm thời chẳng tán thán Trì giới ; vì người xan tham thời chẳng tán thán Bố thí ; vì người giải đãi thời

chẳng tán thán Đa văn ; vì người ngu si thời chẳng tán thán Trí huệ. Nếu người trí vì năm hạng này mà nói năm việc trên đây, thời nên biết rằng người thuyết pháp này chẳng có đủ tri chur căn trí lực, cũng chẳng được gọi là thương xót chúng sanh. Vì năm hạng này nếu nghe giảng nói năm điều trên đây thời họ sẽ sanh lòng nghi, lòng ác, lòng sân hận, mà phải chịu quả báo khổ trong vô lượng đời. Do đây nên trước kia trong các kinh khác ta bảo Xá Lợi Phất rằng : Ông phải cẩn thận chớ vì người lợi căn mà rộng thuyết pháp, chớ vì người độn căn mà lược thuyết pháp. Xá Lợi Phất bạch rằng tôi chỉ vì thương xót mà thuyết pháp, chẳng phải là có đủ tri chur căn trí lực mà thuyết pháp.

Này Thiện nam tử ! Thuyết pháp hoặc rộng hoặc lược là cảnh giới của Phật, chẳng phải hàng Thanh Văn và Duyên Giác biết được.

Này Thiện nam tử ! Như ông nói rằng sau khi Phật nhập Niết Bàn hàng đệ tử đều nói khác nhau, những người đó đều vì điên đảo nên chẳng được chánh kiến, chẳng thể lợi mình lợi người.

Này Thiện nam tử ! Chúng sanh chẳng phải chỉ có một tánh, một hạnh, một căn, một quốc độ, một Thiện tri thức. Do đây nên đức Như Lai vì chúng sanh mà tuyên nói nhiều pháp yếu. Do nhơn duyên này nên chur Phật trong mười phương ba đời vì chúng sanh mà khai thị diễn thuyết mười hai bộ kinh.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai nói mười hai bộ kinh đây chẳng phải để lợi cho mình mà chỉ vì lợi ích cho người, nên trí lực thứ năm của Như Lai gọi là giải lực. Do hai trí lực này nên đức Như Lai biết rõ người này hiện tại có thể dứt căn lành người này đời sau có thể dứt căn lành, người này hiện tại có thể được giải thoát, người này đời sau có thể được giải thoát, do đây nên đức Như Lai được là Vô thượng Lực sĩ.

Này Thiện nam tử ! Nếu nói rằng đức Như Lai rốt ráo nhập Niết Bàn, hoặc nói chẳng rốt ráo nhập Niết Bàn, những người này chẳng hiểu ý của Như Lai nên nói những lời như vậy.

Này Thiện nam tử ! Trong núi Hương Sơn có năm mươi ba ngàn vị Tiên nhơn, những vị này đã tu tập công đức nơi đức Phật Ca Diếp thuở quá khứ, họ chưa được chánh đạo, chưa được gần gũi Phật để nghe chánh pháp. Vì muốn độ những vị Tiên nhơn này nên đức Như Lai bảo A Nan rằng ba tháng sau ta sẽ nhập Niết Bàn. Chư Thiên truyền lời này đến núi Hương Sơn. Các vị Tiên nhơn nghe tin Phật sắp nhập Niết Bàn bèn sanh lòng hối hận mà bảo nhau rằng tại sao chúng ta được sanh trong nhơn đạo mà chẳng được gần gũi Phật. Chư Phật ra đời rất khó gặp như hoa Ưu Đàm. Nay chúng ta nên đến ra mắt đức Thế Tôn để được nghe chánh pháp.

Này Thiện nam tử ! Lúc đó năm mươi ba ngàn Tiên nhơn liền đến ra mắt ta. Ta bèn theo cơ của

họ mà thuyết pháp : Này các Đại sĩ ! Sắc là vô thường, vì nhơn duyên của sắc là vô thường. Đã từ nhơn vô thường mà sanh thời sắc đâu phải là thường trụ. Như sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Các Tiên nhơn sau khi nghe pháp yếu trên đây tất cả đều chứng được quả A La Hán.

Này Thiện nam tử ! Trong thành Câu Thi Na Kiệt có ba mươi muôn lực sĩ tự thị sức mạnh của mình ngạo nghễ không chịu tùng phục ai.

Vì muốn điều phục các lực sĩ này nên ta bảo Mục Liên đến điều phục các lực sĩ ấy. Lúc đó Mục Liên tuân lệnh ta, trọn năm năm giáo hóa nhiều cách, nhưng chẳng thể điều phục được một lực sĩ. Do đây nên ta bảo A Nan rằng sau ba tháng đức Phật sẽ nhập Niết Bàn.

Các lực sĩ nghe được tin này bèn họp nhau sửa sang đường sá.

Đến ngày ta từ nước Tỳ Xá Ly đến thành Câu Thi Na. Giữa đường thấy các lực sĩ, ta liền hóa thân làm vị Sa Môn hỏi các lực sĩ rằng : Bọn đồng tử kia làm việc gì thế ? - Các lực sĩ đều nổi giận nói rằng : "Này Sa Môn ! Tại sao ông gọi chúng ta là đồng tử ?".

- Ta bảo các lực sĩ bọn người đến ba mươi muôn người mà không đủ sức dời nổi hòn đá nhỏ nhít này, nên ta gọi là đồng tử đâu phải lời quá đáng.

- Các lực sĩ nói nếu ông gọi chúng ta là đồng tử, thời ông phải là bậc Đại nhơn.

- Nay Thiện nam tử ! Lúc đó ta dùng hai ngón chơn hất văng hòn đá ấy. - Các lực sĩ thấy như vậy liền hết khinh ngạo mà nói rằng : Nay Sa Môn ! Nay ông có thể dời hòn đá này ra khỏi đường chẳng ? - Ta nói này các đồng tử ! Do nhơn duyên gì mà các người sửa sang con đường này ?

- Các lực sĩ nói : Nay Sa Môn ! Đức Thích Ca Như Lai sẽ do con đường này đi đến rừng Ta La mà nhập Niết Bàn, nên chúng ta họp nhau lại sửa sang.

- Ta khen rằng : Lành thay ! Các đồng tử đã phát tâm tốt như vậy, ta sẽ dời hòn đá này cho các ông.

Nói xong ta liền lấy tay bưng hòn đá dôi lên giữa hư không. Các lực sĩ kinh hãi muốn chạy tránh. Ta liền bảo họ rằng : Các người chẳng nên kinh sợ ! Rồi ta lấy tay hứng bắt hòn đá để trên bàn tay mặt.

- Các lực sĩ đều vui mừng khen ngợi hỏi rằng : Nay Sa Môn ! Hòn đá ấy là thường hay vô thường ?

- Ta liền dùng miệng thổi hòn đá tan nát ra như cát bụi.

- Các lực sĩ thấy như vậy đồng cất tiếng xưng rằng : Hòn đá ấy là vô thường ! Họ sanh lòng hổ thẹn không còn có tâm niệm kiêu mạn.

- Ta liền hiện lại hình Phật mà vì họ thuyết pháp. Ba mươi muôn lực sĩ đều phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Nơi thành Câu Thi Na có người thợ tên Thuần Đà. Người này nơi thời kỳ đức Phật Ca Diếp đã phát nguyện rằng : Lúc Thích Ca Như Lai nhập Niết Bàn ta sẽ là người cúng dường bữa ăn cuối cùng cho Phật. Do đây nên ta ở nước Tỳ Xá Ly bảo Tỳ Kheo Ưu Bà Ma Na rằng sau ba tháng ta sẽ nhập Niết Bàn nơi rừng Ta La trong thành Câu Thi Na, ông nên qua cho Thuần Đà hay !

Này Thiện nam tử ! Trong thành Vương Xá có vị ngũ thông Tiên nhơn tên là Tu Bạt Đà La được một trăm hai mươi tuổi. Tiên nhơn này thường tự xưng là bực Nhứt thiết trí sanh lòng kiêu mạn. Tiên nhơn này đã vun trồng căn lành nơi vô lượng chư Phật thuở quá khứ.

Vì muốn điều phục Tiên nhơn này nên ta bảo A Nan rằng sau ba tháng ta sẽ nhập Niết Bàn ! Tu Bạt Đà La nghe tin này sẽ sanh lòng kính tin mà đến ra mắt ta. Ta sẽ độ ông chứng quả A La Hán.

Này Thiện nam tử ! Nơi thành La Duyệt Kỳ, Thái Tử Thiện Kiến muốn hại vua cha là Tần Bà Ta La, mà chưa có dịp hại được. Lúc đó Đề Bà Đạt Đa cũng muốn hại ta, bèn tu tập chứng được ngũ thông, làm bạn thân với Thái Tử Thiện Kiến. Vì Thái Tử mà hiện thần thông. Thái Tử rất kính mến cúng dường trọng hậu.

Một lúc kia Thái Tử thưa với Đề Bà Đạt Đa rằng : Bạch Đại sư Thánh nhơn nay tôi muốn thấy hoa Mạn Đà La.

Đề Bà Đạt Đa liền đến cung trời Đao Lợi, xin bông Mạn Đà La, vì phước đã hết nên không vị trời nào chịu cho. Xin không được bông, Đề Bà Đạt Đa suy nghĩ rằng : Cây Mạn Đà La vốn không ngã không ngã sở, nếu ta tự lấy bông nào có tội gì. Nghĩ xong Đề Bà Đạt Đa đến bên cây muốn lấy bông, liền mất thần thông, trở lại thấy thân mình ở nơi Vương Xá, sanh lòng hổ thẹn chẳng dám đến gặp Thái Tử Thiện Kiến. Đề Bà Đạt Đa lại nghĩ rằng nay ta nên đến chỗ Phật đòi đại chúng. Nếu Phật cho ta sẽ tùy ý sai bảo Xá Lợi Phất v.v...

Đề Bà Đạt Đa liền đến chỗ Phật mà bạch rằng : Ngưỡng mong đức Như Lai đem đại chúng này giao phó cho tôi, tôi sẽ thuyết pháp giáo hóa họ.

Phật nói : Người ngu si ! Xá Lợi Phất v.v..., là bậc thông minh đại trí mọi người tin phục, mà ta còn chẳng đem đại chúng giao phó, huống người là người ngu si ăn nước miếng của kẻ khác ư !

Lúc đó Đề Bà Đạt Đa càng sanh ác tâm nói rằng : Nay Cù Đàm. Nay dầu ông điều phục đại chúng, nhưng thế cũng chẳng được lâu sẽ phải bị tiêu diệt ! Vừa nói xong đất liền rung động, Đề Bà Đạt Đa té xuống đất, bên ông ấy thân phát ra luồng gió mạnh thổi bụi đất lấm dơ cả mình.

Đề Bà Đạt Đa thấy tướng xấu này lại nói rằng : Nếu thân ta hiện đời phải đọa A Tỳ địa ngục, ta phải báo sự oán thù lớn này.

Đề Bà Đạt Đa liền đến chỗ Thái Tử Thiện Kiến. Thái Tử hỏi : Đại sư Thánh nhơn có sao dung nhan tiều tụy sắc diện lo buồn ?

Đề Bà Đạt Đa nói : Ta luôn luôn như vậy mà Thái Tử chẳng biết ư ?

Thái Tử hỏi : Có nhơn duyên gì như vậy ? Xin Đại sư dạy rõ.

Đề Bà Đạt Đa nói : Nay ta cùng Thái Tử thân mến nhau. Người ngoài mắng nhiếc Thái Tử, lẽ đâu ta chẳng lo buồn.

Thái Tử hỏi : Người ta mắng nhiếc tôi như thế nào ?

Đề Bà Đạt Đa nói : Mọi người mắng Thái Tử là Vị Sanh Oán.

Thái Tử hỏi : Sao lại gọi tôi là Vị Sanh Oán ? Ai đặt ra danh từ này ?

Đề Bà Đạt Đa nói : Lúc chưa sanh Thái Tử, tất cả tướng sư đều bảo rằng lúc đứa trẻ này lớn lên sẽ giết cha do đó người ngoài đều gọi Thái Tử là Vị Sanh Oán. Người trong cung vì muốn Thái Tử vui lòng nên đặt tên là Thiện Kiến.

Vi Đề Hy Phu nhơn nghe lời tướng sư, lúc sanh Thái Tử từ trên lầu cao ném xuống đất, làm gãy mất

một ngón tay của Thái Tử. Do có này nên mọi người lại gọi tên Thái Tử là Chiết Chỉ. Ta nghe những việc này trong lòng lo buồn, nhưng lại chẳng dám nói với Thái Tử.

Đề Bà Đạt Đa đem những việc ác như vậy xúi Thái Tử giết vua cha mà bảo rằng : "Nếu Thái Tử giết vua cha, thời ta cũng có thể giết Sa Môn Cù Đàm".

Thái Tử hỏi đại thần Võ Hành. Đại thần thuật sự tích đặt tên đúng như lời của Đề Bà Đạt Đa.

Thái Tử nghe xong liền cùng đại thần bắt Vua cha giam ở ngoài thành sai bốn đội binh giữ gìn nghiêm ngặt. Phu nhơn Vi Đề Hy đến thăm Vua. Người giữ cửa nhà giam chẳng cho vào. Phu nhơn cả giận bèn quở mắng. Người giữ cửa đem việc này thưa với Thái Tử. Thái Tử Thiện Kiến giận dữ vào cung nắm tóc mẹ rút gươm muốn chém.

Kỳ Bà liền đến can rằng : Tâu Đại Vương ! Từ khi lập quốc đến nay, dầu tội rất nặng cũng chẳng xử đến người nữ, huống là mẹ đẻ.

Thái Tử vì nể Kỳ Bà nên không giết Phu nhơn. Dứt hẳn sự uống ăn thuốc men của vua cha. Quá bảy ngày vua cha chết. Thiện Kiến Thái Tử mới sanh lòng hối hận.

Đại thần Võ Hành tâu rằng : "Tất cả hành nghiệp đều không có tội, sao Đại vương lại sanh lòng hối hận buồn rầu".

Kỳ Bà tâu rằng : "Đại Vương nên biết rằng việc làm của Đại Vương gồm hai tội nặng : Một là tội giết cha, hai là tội giết Tu Đà Hoàn. Tội nặng như vậy trừ Phật không ai có thể làm cho tội đó được trừ diệt".

Vua nói đức Như Lai thanh tịnh ta là người tội như uế làm sao dám đến thấy Phật.

Này Thiện nam tử ! Ta biết việc này nên bảo A Nan rằng sau ba tháng ta sẽ nhập Niết Bàn.

Thái Tử Thiện Kiến nghe tin này liền đến ra mắt ta. Ta vì Thiện Kiến mà thuyết pháp, do đây tội nặng được bớt nhẹ, Thiện Kiến được vô căn tín.

Này Thiện nam tử ! Hàng đệ tử của ta nghe những lời này chẳng hiểu ý của ta, nên cho rằng đức Như Lai quyết định nói rồi rảo nhập Niết Bàn.

(*) Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : Này Thiện nam tử ! Bồ Tát có hai hạng : Một là thật nghĩa, hai là giả danh.

Giả danh Bồ Tát nghe tin Phật sau ba tháng sẽ nhập Niết Bàn, đều sanh lòng thôi thối mà nói rằng : Đức Như Lai còn là vô thường, tại sao chúng ta lại vì sự vô thường mà phải cần khổ trong vô lượng đời. Đức Như Lai thành tựu đầy đủ vô lượng công đức mà còn không thể phá hoại được tử ma, huống là bọn ta.

Này Thiện nam tử ! Ta vì hạng Bồ Tát này mà nói rằng : Như Lai thường trụ không có biến đổi.

(*) Hán bộ quyển thứ 34.

Các đệ tử của ta nghe lời trên đây chẳng hiểu ý của ta bèn xướng rằng đức Như Lai trọn chẳng rớt ráo nhập Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Có những chúng sanh chấp đoạn kiến bảo rằng tất cả chúng sanh sau khi thân thể chết mất, những nghiệp thiện, nghiệp ác không có người lãnh thọ. Tà vì những người này mà nói rằng quả báo lành cũng như quả báo ác thiệt có người lãnh thọ. Do đâu biết rằng có ?

Như thuở quá khứ nơi thành Câu Thi Na có Thiện Kiến Vương : Lúc làm đồng tử trải qua tám muôn bốn ngàn tuổi, thời kỳ làm Thái Tử trải qua tám muôn bốn ngàn tuổi, đến lúc lên ngôi vua cũng trải qua tám muôn bốn ngàn tuổi. Thiện Kiến Vương ngồi riêng một mình suy nghĩ rằng : Chúng sanh phước mỏng tuổi thọ ngắn ngủi, thường có bốn thứ oan gia theo dõi mà chúng sanh chẳng hay biết, mãi phóng dật. Ta nên xuất gia tu hành dứt tuyệt bốn thứ oan gia sanh, già, bệnh, chết. Nhà Vua sai quan xây nhà thất bảo ở ngoài thành rồi bảo quần thần, hậu phi, các vương tử cùng tất cả quyến thuộc : Nay ta muốn xuất gia các người có bằng lòng chẳng ? Các đại thần cùng quyến thuộc đều bằng lòng. Thiện Kiến Vương đem theo một người hầu hạ qua ở nơi nhà thất bảo tu tập từ tâm trải qua tám muôn bốn ngàn năm. Do sự tu tập từ tâm này nên sau đó trải qua tám muôn bốn ngàn đời thường làm Chuyển

luân Thánh vương, ba mươi đời làm Thích Đề Hoàn Nhơn, vô lượng đời làm tiểu Quốc vương.

Này Thiện nam tử ! Thiện Kiến Vương thuở xưa đó chính là tiền thân của ta. Các đệ tử của ta nghe những lời trên đây chẳng hiểu được ý của ta bèn nói rằng : "Đức Như Lai quyết định nói có ngã và có ngã sở".

Lại một thời kỳ kia ta vì chúng sanh mà nói rằng ngã chính là tánh, nghĩa là những nhơn duyên trong thân ngoài cảnh, mười hai nhơn duyên, ngũ ấm, tâm, giới, công đức, hành nghiệp, Tự Tại Thiên chính đây gọi là Ngã. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai quyết định nói có ngã.

Này Thiện nam tử ! Ngày kia có một Tỳ Kheo đến bạch rằng : Thế Tôn ! Thế nào gọi là ngã ? Ai là ngã ? Duyên gì mà có ngã ? Ta bảo Tỳ Kheo đó rằng : Này Tỳ Kheo không có ngã không có ngã sở. Ngã đó chính là trước không mà nay có, có rồi trở lại không. Lúc nó sanh không từ đâu lại, lúc nó diệt cũng không đến đâu. Dầu có nghiệp quả mà không có tác giả, không có ai rời bỏ ngũ ấm cũng như không có ai thọ lấy ngũ ấm. Như lời ông hỏi thế nào là ngã ? Ngã đó chính là thời kỳ vậy. Ai là ngã ? Chính là nghiệp vậy. Duyên gì mà có ngã ? Chính là ái vậy. Này Tỳ Kheo ! Như hai tay vỗ nhau trong đó phát ra tiếng. Ngã cũng như vậy, chúng

sanh, nghiệp, ái, do ba nhơn duyên này mà gọi đó là ngã. Nay Tỳ Kheo ! Nơi tất cả chúng sanh, sắc chẳng phải là ngã, trong ngã không có sắc, trong sắc không có ngã, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nay Tỳ Kheo ! Các ngoại đạo đều nói là có ngã nhưng trọn chẳng lìa ngũ ấm. Không bao giờ có thể nói rằng riêng có ngã rời ngoài ngũ ấm. Tất cả chúng sanh, hành nghiệp như huyễn hóa, như dương diệm. Nay Tỳ Kheo ! Ngũ ấm đều là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh.

Này Thiện nam tử ! Lúc ta giảng dạy những lời trên đây, có vô lượng Tỳ Kheo quán ngũ ấm là vô ngã, là không ngã sở, mà chứng đặng quả A La Hán.

Này Thiện nam tử ! Các đệ tử của ta nghe lời nói trên đây chẳng hiểu được ý của ta cho rằng đức Như Lai quyết định nói vô ngã.

Này Thiện nam tử ! Trong khế kinh ta lại nói rằng do ba sự hòa hiệp mà có thân : Cha, mẹ, trung ấm. Hoặc có lúc ta nói bực A Na Hàm nơi hiện thân nhập Niết Bàn, hoặc nói nơi thân trung ấm nhập Niết Bàn. Hoặc nói rằng thân căn của trung ấm minh mẫn sáng suốt đều do nơi hạnh nghiệp đời trước, như đề hồ trong sạch.

Này Thiện nam tử ! Có lúc ta nói rằng chúng sanh tẻ ác thọ thân trung ấm xấu xí như vải bố thô. Chúng sanh thuần thiện thọ thân trung ấm tốt đẹp

như lụa trắng. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói có thân trung ấm.

Này Thiện nam tử ! Ta lại vì những chúng sanh phạm tội nghịch mà nói rằng kẻ tạo tội ngũ nghịch sau khi chết chẳng vào địa ngục A Tỳ.

Ta lại nói rằng Tỳ Kheo Đàm Ma Lưu Chi, sau khi chết chẳng vào địa ngục A Tỳ, nơi khoảng giữa không chỗ dừng ở.

Ta lại bảo Phạm Chí Độc Tử : Này Phạm Chí ! Nếu có thân trung ấm thời có sáu sự có. Ta lại nói chúng sanh cõi Vô sắc không có thân trung ấm. Các đệ tử của ta nghe lời trên đây chẳng hiểu được ý của ta bèn nói rằng đức Phật quyết định nói không thân trung ấm.

Này Thiện nam tử ! Trong khế kinh ta lại nói có thối thất. Nhơn nơi vô lượng sự giải đãi biếng trễ, các Tỳ Kheo chẳng tu hành đạo hạnh nên nói có năm điều thối thất : Một là thích nhiều việc ; hai là thích nói việc đời ; ba là ưa ngủ nghỉ ; bốn là ưa gần người tại gia ; năm là ưa thường dạo đi, do năm nhơn duyên này làm cho Tỳ Kheo thối thất.

Nhơn duyên thối thất lại có hai thứ : Một là nội nhơn, hai là ngoại nhơn, bực A La Hán dầu rời khỏi nội nhơn chẳng lìa ngoại nhơn. Do nhơn duyên ngoài nên sanh phiền não. Vì sanh phiền não thời thối thất.

Có Tỳ Kheo tên là Cù Đàm, sáu phen thôi thất, sanh lòng hổ thẹn lại tiến tu lần thứ bảy bèn được, được rồi sợ thôi thất lấy dao tự đâm mình mà chết.

Ta lại nói có lúc giải thoát, hoặc nói sáu hạng A La Hán. Các đệ tử ta nghe những lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai quyết định nói có thôi thất.

Này Thiện nam tử ! Trong kinh lại nói như đã cháy thành than thời chẳng còn trở lại làm cây gỗ. Như bình đã bể thời không còn công dụng của bình. Phiền não cũng như vậy, A La Hán đã dứt thời trọn chẳng có lại nữa.

Ta cũng nói chúng sanh nhơn duyên có phiền não do ba điều : Một là chưa dứt phiền não, hai là chẳng dứt nhơn duyên, ba là chẳng khéo suy nghĩ. Bực A La Hán không có hai điều : Nghĩa là đã dứt phiền não và đã khéo suy nghĩ. Các đệ tử của ta nghe lời này, chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai quyết định nói không thôi thất.

Trong khế kinh ta nói thân của Như Lai có hai thứ : Một là sanh thân, hai là Pháp thân. Sanh thân là thân phương tiện ứng hóa. Thân này có thể nói là sanh, già, bệnh, chết, cao thấp, đen trắng, là đây là kia, là học là vô học. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai quyết định nói thân Phật là pháp Hữu vi.

Pháp thân là thường, lạc, ngã, tịnh, là hẵn tất cả sanh, già, bệnh, chết, chẳng phải trắng đen, chẳng phải cao thấp, chẳng phải đây kia, chẳng phải học vô học, Phật ra đời hoặc chẳng ra đời vẫn thường trụ chẳng động không biến đổi. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta, bèn cho rằng đức Như Lai quyết định nói thân Phật là pháp Vô vi.

Này Thiện nam tử ! Trong khế kinh ta nói mười hai Nhơn duyên : Từ vô minh sanh ra hành, từ hành sanh ra thức, từ thức sanh ra danh sắc, từ danh sắc sanh ra lục nhập, từ lục nhập sanh ra xúc, từ xúc sanh ra thọ, từ thọ sanh ra ái, từ ái sanh ra thủ, từ thủ sanh ra hữu, từ hữu sanh ra sanh, từ sanh thời có già chết buồn khổ. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói mười hai Nhơn duyên quyết định là Hữu vi.

Lại một ngày kia ta bảo các Tỷ Kheo rằng mười hai Nhơn duyên tánh tướng là thường trụ không luận có Phật hay không Phật. Có mười hai duyên chẳng từ duyên sanh, có từ duyên sanh chẳng phải mười hai duyên, có từ duyên sanh cũng là mười hai duyên, có chẳng phải duyên sanh mà cũng chẳng phải là mười hai duyên.

Có mười hai duyên chẳng phải là duyên sanh, chính là mười hai chi đời vị lai. Có từ duyên sanh mà chẳng phải là mười hai duyên chính là thân ngũ ấm của A La Hán. Có từ duyên sanh cũng là mười

hai duyên chính là thân ngũ ấm của phàm phu. Mười hai Nhơn duyên chẳng phải duyên sanh, chẳng phải mười hai duyên chính là hư không Niết Bàn.

Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta, bèn cho rằng đức Như Lai nói mười hai Nhơn duyên quyết định là Vô vi.

Này Thiện nam tử ! Trong khế kinh ta nói tất cả chúng sanh tạo nghiệp thiện ác, lúc chết, tứ đại này liền hư hoại. Người tạo nghiệp thuần thiện tâm thức liền đi lên, người tạo nghiệp thuần ác tâm thức liền đi xuống. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói tâm quyết định là thường trụ.

Này Thiện nam tử ! Một thuở kia ta nói với vua Tần Bà Ta La rằng : Này Đại Vương ! Sắc là vô thường vì từ Nhơn vô thường mà sanh ra sắc. Nếu sắc đã từ Nhơn vô thường mà sanh, người trí không bao giờ nói sắc là thường. Nếu sắc là thường lẽ ra chẳng hoại diệt sanh các khổ não. Nay thấy sắc hoại diệt nên biết rằng sắc là vô thường. Như sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói tâm quyết định đoạn diệt.

Này Thiện nam tử ! Trong khế kinh ta nói hàng đệ tử lãnh thọ những hoa hương, vàng, bạc, vật báu,

vợ con, tôi tớ, tám vật bất tịnh, chúng được chánh đạo, đã chúng được chánh đạo cũng chẳng rời bỏ những vật ấy. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói hưởng thọ ngũ dục chẳng chương ngại Thánh đạo.

Lại có lúc ta nói người tại gia không thể chúng được chánh đạo. Hàng đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói hưởng thọ ngũ dục quyết định chương ngại chánh đạo.

Trong khế kinh ta nói xa lìa phiền não chưa được giải thoát như cõi Dục tu tập pháp thế đệ nhứt. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói pháp thế đệ nhứt chỉ là cõi Dục.

Trong khế kinh ta lại nói noãn pháp, đánh pháp, nhãn pháp, thế đệ nhứt pháp thuộc nơi Sơ thiên đến Tứ thiên. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói bốn pháp ấy thuộc nơi cõi Sắc. Trong khế kinh ta lại nói hàng ngoại đạo đã dứt được phiền não cõi Tứ thiên tu tập noãn pháp, đánh pháp, nhãn pháp, thế đệ nhứt pháp, quán tứ đế chúng quả A Na Hàm. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói thế đệ nhứt pháp thuộc nơi cõi vô Sắc.

Trong khế kinh ta từng nói trong bốn thứ bố thí có ba điều trong sạch : Một là thí chủ tin Nhơn tin quả tin bố thí ; người thọ chẳng tin Nhơn, chẳng tin quả cùng bố thí, hai là thí chủ chẳng tin Nhơn quả và bố thí, người thọ tin Nhơn quả và bố thí; ba là thí chủ và người thọ cả hai đều có lòng tin; bốn là thí chủ và người thọ cả hai đều chẳng tin. Bốn thứ bố thí trên đây ba hạng ban đầu là trong sạch. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói bố thí chỉ thuộc nơi ý.

Có một lúc kia ta lại nói rằng người bố thí lúc bố thí đem năm việc ra bố thí : Một là bố thí sắc, hai là bố thí sức lực, ba là bố thí an ổn, bốn là bố thí mạng sống, năm là bố thí biện tài, do Nhơn duyên này nên thí chủ trở lại được năm quả báo. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Phật nói bố thí tức là năm ấm.

Có một lúc ta nói rằng : Niết Bàn tức là viễn ly, phiền não dứt hẳn không còn thừa sót, như đèn đã tắt, không còn pháp gì sanh trở lại, Niết Bàn cũng như vậy.

Nói hư không đó tức là không chỗ có, như trong đời gọi chỗ không có là hư không, chẳng phải do trí dứt mới không chỗ có. Nếu hư không là có lẽ ra phải có Nhơn duyên nếu đã có Nhơn duyên lẽ ra phải có dứt diệt, bởi hư không vốn là không nên

không có dứt diệt. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Phật nói không có ba pháp Vô vi.

Một lúc kia ta bảo Mục Kiền Liên rằng luận về Niết Bàn tức là chương cú, tức là dấu vết, tức là chỗ rốt ráo, là chỗ vô sở úy, là bậc đại sư, là đại quả, là trí rốt ráo, là đại nhân, là Vô ngại tam muội, là đại pháp giới, là cam lộ vị, là khó thấy biết. Nay Mục Kiền Liên ! Nếu nói rằng không Niết Bàn, tại sao có người sanh lòng hủy báng Niết Bàn lại phải đọa địa ngục. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói có Niết Bàn.

Lại một lúc kia ta bảo Mục Kiền Liên rằng nhãn căn chẳng bền chắc nhãn đến thân cũng chẳng bền chắc. Vì chẳng bền chắc nên gọi là hư không. Ăn nuốt xuống rồi xoay chuyển tiêu hóa. Tất cả âm thanh đều gọi là hư không. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai quyết định nói có hư không Vô vi.

Ta lại bảo Mục Kiền Liên có người chưa được quả Tu Đà Hoàn, lúc trụ nơi nhãn pháp, dứt vô lượng quả báo trong ba đường dữ, nên biết rằng chẳng phải trừ nơi trí mà dứt diệt. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta, bèn cho rằng đức Như Lai quyết định nói có chẳng phải do trí mà dứt diệt. Lại một lúc kia ta nói với Tỳ Kheo Bạt Ba nếu

Tỳ Kheo quán nơi sắc : Hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc gần hoặc xa, hoặc thô hoặc tế, những sắc như vậy chẳng phải là ngã chẳng phải ngã sở : Quán như vậy có thể dứt được lòng tham ái nơi sắc. - Bạt Ba bạch rằng : Thế nào gọi là sắc ? - Ta đáp : Tứ đại gọi rằng sắc, thọ, tưởng, hành, thức bốn ấm này gọi là danh. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai quyết định nói sắc là tứ đại.

Này Thiện nam tử ! Ta lại nói rằng như nhơn nơi mặt gương mà có bóng hình hiện ra, sắc cũng như vậy nhơn nơi tứ đại tạo thành. Chính là những thứ to, nhỏ, rít, trơn, xanh, vàng, đỏ, trắng, dài vắn, vuông tròn, cong ngay, nhẹ nặng, lạnh nóng, đói khát, khói mây, bụi mù, đây gọi là những sắc do tứ đại tạo thành dường như vang bóng. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói có tứ đại thời có sắc do tứ đại tạo thành, hoặc nói có tứ đại mà không có sắc.

Này Thiện nam tử ! Trước kia Phương Tử Bồ Đề nói rằng nếu có Tỳ Kheo trì giới lúc phát tâm ác, nên biết rằng lúc đó mất giới Tỳ Kheo. Ta nghe lời này bèn bảo rằng : Này Phương Tử ! Giới có bảy thứ từ nơi thân và miệng mà có vô tác biểu sắc. Do nhơn duyên vô tác biểu sắc này nên dẫu tâm của Tỳ Kheo ở trong ác vô ký nhưng chẳng gọi là mất giới, vẫn còn gọi là trì giới. Các đệ tử

của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Phật nói có vô tác biểu sắc.

Này Thiện nam tử ! Trong các kinh khác ta có nói rằng giới chính là ngăn chế pháp ác, nếu chẳng làm ác đây gọi là trì giới. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn xướng rằng đức Như Lai quyết định nói không có vô tác biểu sắc.

Này Thiện nam tử ! Trong khế kinh ta từng nói sắc ấm của Thánh nhơn nhãn đến thức ấm đều là do vô minh sanh ra. Tất cả phàm phu cũng như vậy, từ vô minh sanh ra ái, nên biết rằng ái này chính là vô minh, từ ái sanh ra thủ, nên biết rằng thủ này chính là vô minh ái. Từ thủ sanh ra hữu, hữu này chính là vô minh ái thủ. Từ hữu sanh ra thọ, nên biết rằng thọ này chính là hành hữu. Từ nơi thọ sanh ra danh sắc, vô minh, ái, thủ, hữu, hành, thọ, xúc, thức, lục nhập v.v..., do đây nên thọ chính là mười hai chi. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói không có tâm sở.

Này Thiện nam tử ! Trong khế kinh ta từng nói từ nơi nhãn, sắc, minh, và ác dụng, do bốn thứ này làm nhơn duyên sanh ra nhãn thức. Ác dụng trong đây chính là vô minh, lúc dụng cầu thời gọi là ái, do ái mà có thủ, thủ đây gọi là nghiệp, nghiệp làm duyên cho thức, thức làm duyên cho danh sắc, danh sắc làm duyên cho lục nhập, lục nhập làm duyên

cho xúc, xúc làm duyên cho tướng, thọ, ái, tín, tinh tấn, định và huệ, những pháp này hơn nơi xúc mà sanh nhưng chẳng phải là xúc. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói có tâm sở.

Này Thiện nam tử ! Hoặc có lúc ta nói chỉ có một cõi, hoặc nói hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám chín nhứt đến hai mươi lăm cõi. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói có năm cõi, hoặc nói có sáu cõi.

Này Thiện nam tử ! Ngày trước lúc ở nơi rừng Ni Câu Đà tại thành Ca Tỳ La Vệ, Thích Ma Nam bạch với ta rằng : Thế Tôn ! Sao gọi là Ưu Bà Tắc ? Ta nói nếu có Thiện nam tử hoặc Thiện nữ hơn nào căn thân đầy đủ thọ ba pháp qui y thời gọi là Ưu Bà Tắc. Thích Ma Nam lại hỏi Thế Tôn sao gọi là nhứt phần Ưu Bà Tắc ? Ta nói nếu thọ ba pháp qui y và thọ một giới thời gọi là nhứt phần Ưu Bà Tắc. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói Ưu Bà Tắc được thọ từ phần.

Lại một lúc kia ta ở bên sông Hằng, Ca Chiên Diên đến bạch với ta rằng : Thế Tôn ! Tôi giáo hóa chúng sanh khiến họ thọ pháp Bát quan trai : Hoặc một ngày, hoặc một đêm, hoặc một giờ, hoặc một niệm, những người này được thành trai pháp chăng ? Ta nói : Này Ca Chiên Diên, những người này chỉ

được điều lành mà chẳng được gọi là được trai pháp. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn nói rằng đức Như Lai nói pháp Bát quan trai thọ đủ mới được.

Trong khế kinh ta từng nói rằng nếu có Tỳ Kheo đã phạm bốn tội trọng thời chẳng gọi là Tỳ Kheo, gọi là phá Tỳ Kheo, hư mất Tỳ Kheo chẳng còn có thể sanh chủng tử pháp lành, như hột giống đã cháy chẳng còn mọc mầm sanh bông trái, như cây Đa La nếu ngọn đã bị đứt thời chẳng còn sanh trái. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói các Tỳ Kheo phạm giới trọng rồi bèn mất giới Tỳ Kheo.

Trong khế kinh, ta vì Thuần Đà mà nói bốn hạng Tỳ Kheo : Một là hạng rốt ráo đến chánh đạo, hai là hạng chỉ bày chánh đạo, ba là hạng lãnh thọ chánh đạo, bốn là hạng nhiễm ô chánh đạo. Người phạm bốn tội trọng là hạng nhiễm ô chánh đạo. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói các Tỳ Kheo đã phạm bốn tội trọng chẳng mất giới.

Trong khế kinh ta bảo các Tỳ Kheo có nhứt thừa, nhứt đạo, nhứt hạnh, nhứt duyên, bốn pháp này có thể làm cho chúng sanh được đại tịch tịnh, dứt hẳn tất cả sự ràng buộc sâu khổ, khổ quả cùng khổ non, làm cho tất cả chúng sanh đến nơi Nhứt thừa. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn

cho rằng đức Như Lai nói Tu Đà Hoàn nhĩn đến A La Hán đều được Phật đạo.

Này Thiện nam tử ! Trong khế kinh ta nói Tu Đà Hoàn bảy lần sanh qua lại trong nhơn gian cùng cõi trời, bèn chứng A La Hán nhập Niết Bàn. Tu Đà Hàm một lần sanh trong nhơn gian và cõi trời bèn nhập Niết Bàn. A Na Hàm phàm có năm hạng : Hoặc có trung gian nhập Niết Bàn nhĩn đến thượng lưu nhập Niết Bàn. A La Hán phàm có hai hạng : Một là hiện tại, hai là vị lai, hiện tại cũng dứt phiền não ngũ ấm, vị lai cũng dứt phiền não ngũ ấm. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói Tu Đà Hoàn đến A La Hán chẳng được Phật đạo.

Trong khế kinh ta từng nói Phật tánh đủ có sáu điều : Một là thường, hai là thật, ba là chơn, bốn là thiện, năm là tịnh, sáu là có thể thấy. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói Phật tánh của chúng sanh rời ngoài chúng sanh mà có.

Ta lại nói Phật tánh của chúng sanh như hư không. Hư không chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, chẳng phải nội ngoại, chẳng phải sắc, thanh, hương vị, xúc, Phật tánh cũng như vậy. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói Phật tánh của chúng sanh rời ngoài chúng sanh mà có.

Ta lại nói Phật tánh của chúng sanh dường như kho châu báu ẩn kín trong nhà của bần nữ, như Kim Cang bảo châu ẩn trên trán của lực sĩ, như suối cam lộ của Chuyển Luân Thánh Vương. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói Phật tánh của chúng sanh rời ngoài chúng sanh mà có.

Ta lại nói hàng nhứt xiển đề phạm bốn tội trọng, hủy báng kinh điển Đại thừa, tạo tội ngũ nghịch đều có Phật tánh. Những chúng sanh này đều không có pháp lành. Phật tánh là lành. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói Phật tánh của chúng sanh rời ngoài chúng sanh mà có.

Ta lại nói chúng sanh chính là Phật tánh, vì nếu rời chúng sanh thời chẳng được Vô Thượng Bồ Đề. Do đây nên ta vì vua Ba Tư Nặc mà nói ví dụ rờ voi : Như bọn người mù nói hình dạng của voi, dầu chẳng trúng nhưng đều chẳng rời ngoài voi. Chúng sanh nói sắc, nói thọ, tưởng, hành, thức là Phật tánh. Cũng như vậy, dầu là chẳng phải là Phật tánh nhưng chẳng phải rời Phật tánh. Như ta vì vua Ba Tư Nặc mà nói ví dụ ống không hầu Phật tánh cũng như vậy. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn lập ra nhiều thuyết khác nhau, như người mù hỏi màu của sữa, Phật tánh cũng như vậy. Do có này, hoặc có người nói hàng nhứt xiển đề phạm bốn

tội trọng hủy báng kinh Đại thừa tạo tội ngũ nghịch đều có Phật tánh. Hoặc có người nói là không có Phật tánh.

Trong khế kinh nhiều lần ta nói rằng một người xuất thế thời nhiều người được lợi ích. Trong một cõi nước không có hai vua Chuyển Luân. Trong một thế giới không có hai đức Phật xuất thế. Một tứ thiên hạ không có tám Tứ Thiên Vương, nhần đến không có hai Tha Hóa Tự Tại Thiên. Ta nói từ Diêm Phù Đề, dưới đến địa ngục A Tỳ, trên đến trời Sắc Cứu Cánh. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói không có Phật mười phương. Thật ra trong các kinh Đại thừa ta nói có thập phương chư Phật.

Này Thiện nam tử ! Những điều tránh tụng như vậy là cảnh giới của chư Phật chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được. Nếu người nào đối với những việc này sanh lòng nghi còn có thể phá hoại được vô lượng phiền não. Nếu người nào ở trong những việc này sanh lòng quyết định thời gọi là chấp trước.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật rằng : "Thế nào là chấp trước ?".

- Này Thiện nam tử ! Những người như vậy hoặc do người khác dạy bảo, hoặc nghe người khác nói, hoặc tự tìm kinh điển, với những điều ham thích chẳng thể buông bỏ đây gọi là chấp trước.

- Bạch Thế Tôn ! Sự chấp trước này là thiện hay là bất thiện ?

- Nay Thiện nam tử ! Sự chấp trước như vậy chẳng gọi là thiện, vì không thể phá hoại những lưới nghi.

- Bạch Thế Tôn ! Những người này vốn tự chẳng nghi, sao lại nói rằng chẳng phá hoại lưới nghi ?

- Nay Thiện nam tử ! Luận về người chẳng nghi chính là nghi.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu có người nói rằng bực Tu Đà Hoàn chẳng đọa ba ác đạo. Người này cũng nên gọi là chấp trước, là nghi.

- Nay Thiện nam tử ! Nên gọi là quyết định, mà chẳng được gọi là nghi. Tại sao vậy ? Nay Thiện nam tử ! Như có người trước kia thấy cây thấy người, về sau đi ban đêm từ xa thấy gốc cây trụi, bèn nghi rằng đó là người hay là cây ? Như người trước thấy Tỳ Kheo và Phạm Chí, lúc sau đi đường từ xa thấy Tỳ Kheo bèn nghi rằng đó là Sa Môn hay là Phạm Chí ? Như người trước thấy bò và trâu, lúc sau từ xa thấy bò, bèn nghi rằng đó là bò hay trâu ?

Nay Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh trước thấy hai vật về sau bèn sanh nghi, vì trong tâm họ chẳng nhận được rõ ràng.

Ta cũng chẳng nói rằng bực Tu Đà Hoàn có đọa ba đường ác hay chẳng đọa ba đường ác, có gì người này lại sanh lòng nghi !

- Bạch Thế Tôn ! Như Phật nói phải trước có thấy rồi sau mới nghĩ. Nhưng có người lúc chưa thấy hai vật cũng lại sanh nghĩ. Như đối với Niết Bàn. Như có người đi đường gặp dòng nước đục, trước kia chưa từng thấy mà cũng sanh nghĩ rằng dòng nước này sâu hay cạn.

- Nay Thiện nam tử ! Luận về Niết Bàn chính là dứt khổ, chẳng phải là Niết Bàn thời chính là khổ. Tất cả chúng sanh thấy có khổ cùng chẳng phải khổ. Như thấy đói khát, lạnh nóng, giận mừng, bệnh gầy, an ổn, trẻ, già, sống chết, trói buộc, cởi mở, ân ái, biệt ly, oán thù gặp gỡ, sau khi thấy những việc này, chúng sanh bèn nghĩ rằng sẽ có những gì xa lìa vĩnh viễn những sự khổ não này chẳng ? Do đây nên chúng sanh đối với Niết Bàn mà sanh nghĩ.

Nếu ông cho rằng người đó từ trước đến nay chưa từng thấy dòng nước đục này sao lại sanh nghĩ. Lời nói này không đúng nghĩa, vì người đó ở nơi chỗ khác đã từng thấy rồi, nên ở nơi chỗ mới đến này mà sanh nghĩ.

- Bạch Thế Tôn ! Người đó lúc trước thấy nước sâu cạn đã chẳng sanh nghĩ, nay có gì mà sanh nghĩ ?

- Nay Thiện nam tử ! Vì trước kia chưa đi nên sanh nghĩ. Do đây nên ta nói rằng vì trong tâm họ chẳng nhận được rõ ràng nên sanh nghĩ.

- Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật nói nghi chính là chấp trước, chấp trước chính là nghi, đây là người nào ?

- Đây Thiện nam tử ! Là người dứt căn lành.

- Bạch Thế Tôn ! Những hạng người nào có thể dứt căn lành.

- Đây Thiện nam tử ! Người thông minh lanh lợi có thể khéo phân biệt, nếu xa lìa bạn lành chẳng nghe chánh pháp, chẳng khéo tư duy, chẳng thật hành đúng pháp, người này có thể dứt căn lành.

Người thông minh này vì thiếu bốn điều trên mà tự suy nghĩ rằng : Không có vật bố thí, vì người thí là rời bỏ của cải, nếu bố thí mà có quả báo, thời thí chủ phải thường nghèo cùng, vì nhơn cùng quả giống nhau. Do suy nghĩ những việc như vậy nên người này nói rằng không nhơn không quả. Nếu nói không nhơn không quả như vậy thời gọi là dứt căn lành.

Người thông minh này lại suy nghĩ rằng : Thí chủ, người thọ và tài vật đều là vô thường biến đổi, nếu không biến đổi sao lại nói rằng đây là thí chủ, đây là người thọ, đây là của cải, nếu không người thọ sao lại được quả báo, do nghĩa này nên biết rằng không nhơn không quả. Nếu nói không nhơn không quả như vậy thời gọi là dứt căn lành.

Người thông minh này lại suy nghĩ rằng lúc thí chủ bố thí có năm sự bố thí : Người thọ thí khi

lãnh được của cải rồi hoặc làm lành, hoặc làm điều chẳng lành, mà thí chủ này cũng chẳng mắc phải quả báo lành hay chẳng lành, như trong đời từ hột sanh ra trái, rồi từ trái trở lại có hột. Nhơn chính là thí chủ, quả chính là người thọ, mà người thọ này không thể đem điều thiện, điều bất thiện của mình đã làm khiến cho thí chủ được quả báo thiện cùng bất thiện, do nghĩa này nên không như không quả. Nếu nói không như không quả như vậy, nên biết người này có thể dứt căn lành.

Người thông minh này lại suy nghĩ rằng : Không có vật bố thí, vì vật bố thí là vô ký, đã là vô ký thời đâu có quả báo lành, không quả báo lành tức là vô ký, của vật nếu là vô ký nên biết rằng không có quả báo thiện ác, nên không có sự bố thí không như không quả. Nếu nói rằng không như không quả như vậy phải biết người này có thể dứt căn lành.

Người thông minh này lại suy nghĩ rằng : Người bố thí do nơi ý, ý này chẳng phải là sắc pháp, không thể thấy không đối tượng, đã chẳng phải là sắc pháp thời đâu có thể bố thí, do đây nên không có sự bố thí không như, không quả. Nếu nói không như, không quả như vậy, phải biết rằng người này có thể dứt căn lành.

Người thông minh lại suy nghĩ rằng : Nếu thí chủ cúng thí cho tượng Phật, tượng chư Thiên, cho cha mẹ đã qua đời, như vậy là có người thí mà

không người thọ, nếu không người thọ thời lẽ ra không quả báo, nếu không quả báo thời là không nhơn, nếu đã không nhơn thời là không quả. Nếu nói không nhơn quả như vậy, phải biết rằng người này có thể dứt căn lành.

Người thông minh này lại suy nghĩ rằng : Không cha không mẹ. Nếu nói cha mẹ là nhơn sanh ra chúng sanh, đúng lý phải thường sanh không có đoạn tuyệt, vì nhơn là thường có, nhưng chẳng thường sanh, do đây nên biết rằng không có cha mẹ. Người này lại nghĩ rằng không cha không mẹ. Vì nếu thân chúng sanh do cha mẹ mà có, lẽ ra một người phải đủ cả hai căn nam nữ, nhưng sự thật không có đủ, do đây biết rằng chúng sanh chẳng phải do cha mẹ mà có. Người này lại nghĩ rằng chẳng phải do cha mẹ mà có ra chúng sanh, vì chính mắt họ thấy chúng sanh chẳng giống với cha mẹ, nghĩa là thân hình diện mạo tâm tánh, đi đứng, cử động chẳng giống với cha mẹ, nên cha mẹ chẳng phải là nhơn sanh ra chúng sanh. Người này lại nghĩ rằng trong đời có bốn thứ không có : Một là chưa sanh gọi là không có, như lúc còn là viên đất sét thời chưa có công dụng của cái bình; hai là đã diệt mất gọi là không có, như cái bình đã bể hư thời gọi là không có; ba là riêng khác nhau nên lẫn không có, như trong bò không có ngựa trong ngựa không có bò; bốn là rốt ráo gọi là không có, như sừng thỏ lông rùa. Cha mẹ

cũng đồng như bốn thứ không có này. Nếu nói cha mẹ là nhơn có ra chúng sanh, lúc cha mẹ chết đứa con bất tất cũng chết, do đây nên cha mẹ chẳng phải là nhơn sanh ra chúng sanh. Người này lại nghĩ rằng : Nếu nói cha mẹ là nhơn sanh ra chúng sanh, lẽ ra nhơn nơi cha mẹ thường sanh ra chúng sanh, nhưng lại có hóa sanh và thấp sanh, do đây nên biết chẳng phải nhơn nơi cha mẹ sanh ra chúng sanh. Người này lại nghĩ rằng : Tự có chúng sanh chẳng phải nhơn nơi cha mẹ mà được sanh trưởng như chim công nghe tiếng sấm nổ mà có trứng, như chim thanh tước uống nước mắt của chim tước trống mà có trứng, như chim cộng mạng thấy chim trống múa bèn có trứng. Người này lúc suy nghĩ những điều trên đây nếu chẳng gặp được bậc Thiện tri thức khai thị, phải biết rằng người này có thể dứt căn lành.

Người thông minh này lại nghĩ rằng : Trong đời không có quả thiện ác, vì có những chúng sanh tu tập đủ mười điều lành, ưa thật hành bố thí siêng làm công đức, mà những người này cũng lại bị các bệnh tật nhóm trên thân, hoặc chết yếu, hoặc mất của, hoặc nhiều sự lo khổ. Cũng có những người tạo đủ mười điều dữ, tham lam, bòn xén, tật đố, giải đãi, mà lại mạnh khỏe sống lâu, hoặc giàu có không sầu khổ, do đây nên biết rằng không có quả thiện ác. Người này lại nghĩ rằng : Tôi cũng từng nghe các Thánh nhơn nói có người tu tập pháp lành khi chết bị đọa trong ba đường dữ. Có người

làm điều ác khi chết sanh trong loài người trên trời, do đây nên biết rằng không quả thiện ác. Người này lại nghĩ rằng : Các Thánh nhơn nói hai thuyết : Hoặc nói sát sanh được quả báo lành, hoặc nói sát sanh mắc quả báo dữ. Thánh nhơn còn nói bất định, tại sao tôi lại nói quyết định, do đây nên biết không có quả thiện ác.

Người thông minh này lại nghĩ rằng : Trong đời không có Thánh nhơn, vì nếu nói là Thánh nhơn thời phải chứng được Thánh đạo. Tất cả chúng sanh lúc có đủ phiền não tu hành chánh đạo, nên biết rằng người này đồng thời đủ có phiền não và chánh đạo. Nếu đồng thời có, thời chánh đạo chẳng phá được kiết sử. Nếu không phiền não mà tu hành chánh đạo, thời chánh đạo ấy dùng làm gì ? Do đây nên người đủ phiền não thời chánh đạo chẳng thể phá hoại được, người không phiền não thời chánh đạo lại vô dụng. Do đây nên biết trong đời không có bậc Thánh nhơn.

Người thông minh này lại nghĩ rằng : Vô minh làm duyên cho hành, nhãn đến sanh làm duyên cho lão tử, mười hai nhơn duyên này tất cả chúng sanh đồng có. Tám Thánh đạo tánh nó bình đẳng cũng như vậy, lúc một người được, thời tất cả người lẽ ra cũng được, lúc một người tu hành lẽ ra tất cả khổ đều diệt, vì phiền não bình đẳng. Mà nay chẳng đồng chứng đặng, do đây nên biết rằng không có chánh đạo.

Người thông minh này lại nghĩ rằng : Các Thánh nhơn đều có những pháp đồng với phàm phu, như là uống ăn, đi đứng, ngồi nằm, ngủ nghỉ, vui cười, đói khát, lạnh nóng, lo buồn, sợ sệt. Nếu đã đồng với phàm phu có những việc như vậy, nên biết rằng bậc Thánh nhơn chẳng chứng được Thánh đạo, nếu đã được Thánh đạo lẽ ra phải dứt hẳn những việc như vậy. Những việc như vậy nếu đã chẳng dứt, do đây nên biết rằng không Thánh đạo.

Người thông minh này lại nghĩ rằng : Thánh nhơn có thân thọ vui ngũ dục, cũng mắng nhiếc đánh đập người, cũng tật đố kiêu mạn thọ những sự khổ vui, tạo nghiệp thiện ác, do đây nên biết rằng không có Thánh nhơn. Nếu có chánh đạo lẽ ra đã dứt những việc này, nếu những việc này chẳng dứt nên biết rằng không chánh đạo.

Người thông minh này lại nghĩ rằng : Người nhiều lòng từ mẫn gọi là Thánh nhơn. Do nhơn duyên gì gọi là Thánh nhơn ? Nhơn nơi Thánh đạo mà gọi là Thánh nhơn. Nếu tánh của Thánh đạo là từ mẫn, thời nên thương xót tất cả chúng sanh, chẳng cần chờ tu hành rồi mới đặt. Nếu như không từ mẫn có sao Thánh nhơn chứng được Thánh đạo lại hay từ mẫn, do đây nên biết trong đời không có Thánh đạo.

Người thông minh này lại nghĩ rằng : Tất cả tứ đại chẳng từ nhơn duyên sanh. Chúng sanh đồng có tánh tứ đại này. Chẳng quán sát chúng sanh đang

đến bờ này, chẳng đáng đến bờ kia, nếu là có thánh đạo, thời tánh của Thánh đạo lẽ ra cũng như vậy, nhưng nay chẳng phải như vậy, do đây nên biết rằng trong đời không có Thánh nhơn.

Người thông minh này lại nghĩ rằng nếu các bậc Thánh nhơn có một Niết Bàn thời nên biết rằng không có Thánh nhơn. Vì Niết Bàn là bất khả đắc. Pháp thường trụ là bất khả đắc chẳng thể lấy chẳng thể bỏ. Nếu các bậc Thánh nhơn có nhiều Niết Bàn thời là vô thường, vì là pháp có thể đếm được. Niết Bàn nếu là một, lúc một người được thời lẽ ra tất cả đều được. Nếu Niết Bàn là nhiều thời là có chừng ngăn, nếu là có chừng ngăn thời đâu được gọi là Thường trụ. Nếu nói rằng thể của Niết Bàn là một, mà người giải thoát là nhiều, như một cây lọng là một mà cọng cánh lá nhiều, lời nói này chẳng đúng nghĩa, vì mỗi người chứng đặng chẳng phải tất cả người chứng đặng, bởi có chừng ngăn lẽ ra là vô thường nếu đã là vô thường thời đâu được gọi là Niết Bàn. Nếu không có Niết Bàn thời ai là bậc Thánh nhơn ? Do đây nên biết rằng không có Thánh nhơn.

Người thông minh này lại nghĩ rằng : Chánh đạo của Thánh nhơn chẳng phải do nhơn duyên mà được. Nếu chánh đạo của Thánh nhơn đã chẳng phải do nhơn duyên mà được, có sao tất cả chúng sanh chẳng làm Thánh nhơn. Nếu tất cả người chẳng

phải là Thánh nhơn, thời biết rằng không có Thánh nhơn và không có Thánh đạo.

Người thông minh lại nghĩ rằng : Thánh nhơn nói có hai nhơn duyên được chánh kiến : Một là nghe người khác thuyết pháp, hai là tự mình tư duy. Hai nhơn duyên này đã từ duyên sanh, thời duyên này lại từ duyên khác mà sanh, xoay vần mãi như vậy thành ra có lỗi vô cùng. Nếu hai nhơn duyên này chẳng từ duyên sanh, thời tất cả chúng sanh do có gì mà chẳng đều được.

Lúc người thông minh này suy nghĩ những điều như trên thời có thể dứt mất căn lành.

Này Thiện nam tử ! Nếu có chúng sanh nào chấp chặt những điều không nhơn không quả như vậy người này có thể dứt mất năm căn : tín, tấn, niệm, định và huệ. Người dứt mất căn lành chẳng phải là người hạ liệt, ngu độn, cũng chẳng phải chư Thiên, chẳng phải ba ác đạo. Người phá Tăng cũng như vậy.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật rằng : Thế Tôn ! Người như vậy, lúc nào sẽ có thể sanh căn lành trở lại ?

- Này Thiện nam tử ! Người này có hai lúc sanh căn lành trở lại : Lúc mới vào địa ngục và lúc ra khỏi địa ngục.

Này Thiện nam tử ! Căn lành có ba thứ : Quá khứ, hiện tại và vị lai. Nếu là quá khứ thời tánh nó tự diệt, dầu nhơn diệt nhưng quả báo chưa thực

nên chẳng gọi là dứt quả quá khứ. Vì dứt nhưn lành ba đời nên gọi là dứt mất.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu dứt nhưn lành ba đời mà gọi là mất căn lành, người dứt căn lành vẫn có Phật tánh, Phật tánh này là quá khứ, là hiện tại, là vị lai, hay là khắp cả ba đời ? Nếu là quá khứ thế nào gọi là thường ? Phật tánh là thường trụ nên biết rằng không phải là quá khứ. Nếu là vị lai thế nào gọi là thường ? Có sao Phật nói rằng tất cả chúng sanh quyết định sẽ được ? Nếu quyết định được thời sao lại nói rằng dứt mất ? Nếu là hiện tại sao lại là thường ? Có sao lại nói rằng quyết định có thể thấy ?

Đức Như Lai cũng nói rằng Phật tánh cũng có sáu : Một là thường, hai là chơn, ba là thật, bốn là thiện, năm là tịnh, sáu là có thể thấy. Nếu người dứt mất thiện căn mà có Phật tánh thời chẳng được gọi là dứt mất căn lành. Nếu không có Phật tánh sao lại nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Nếu nói rằng Phật tánh cũng có, cũng dứt, thế nào đức Như Lai lại nói Phật tánh là thường trụ ?

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai vì chúng sanh nên có ba thứ giải đáp : Một là đáp quyết định, hai là phân biệt mà đáp, ba là theo lời hỏi mà đáp, bốn là yên lặng mà đáp.

Thế nào là quyết định đáp ? Nếu có ai hỏi rằng nghiệp ác cảm quả lành hay quả chẳng lành ? Thời

nên quyết định đáp rằng cảm quả chẳng lành. Hỏi thiện nghiệp cũng đáp như vậy. Nếu hỏi đức Như Lai có phải là bực Nhứt thiết trí chăng ? Thờì nên quyết định đáp rằng là bực Nhứt thiết trí. Nếu hỏi Phật pháp là thanh tịnh chăng ? Thờì nên quyết định đáp rằng là thanh tịnh. Nếu hỏi đệ tử của Phật có ăn ở đúng như pháp chăng ? Thờì nên quyết định đáp rằng có đúng như pháp mà ở. Đây gọi là quyết định đáp.

Thế nào là phân biệt mà đáp ? - Như đức Phật giảng nói bốn chơn đế. - Thế nào là bốn ? - Là khổ, tập diệt, đạo. - Sao gọi rằng Khổ đế ? - Vì có tám điều khổ nên gọi là Khổ đế. - Thế nào là Tập đế ? - Vì là nhơn của ngũ ấm nên gọi là Tập đế. - Thế nào là Diệt đế ? - Vì đã dứt hẳn tham sân si nên gọi là Diệt đế - Thế nào là Đạo đế ? - Ba mươi bảy pháp trợ đạo gọi đó là Đạo đế. Đây gọi là phân biệt mà giải đáp.

Thế nào là theo lời hỏi mà đáp ? Hỏi rằng đức Thế Tôn nói những pháp gì là vô thường ? - Đáp rằng đức Như Lai nói pháp hữu vi là vô thường. Vô ngã cũng như vậy. - Hỏi rằng đức Thế Tôn vì những pháp gì mà nói tất cả đốt cháy ? - Đáp rằng đức Như Lai vì tham, sân, si mà nói tất cả đốt cháy.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai có mười Trí lực, bốn Vô sở úy, ba Niệm xứ, Đại từ Đại bi, Thủ Lăng Nghiêm v.v... tám muôn ức môn tam muội, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, năm trí ấm v.v... ba muôn năm

ngàn môn tam muội, Kim Cang định v.v... ?, bốn ngàn hai trăm môn tam muội, vô lượng vô biên phương tiện tam muội, những công đức trên đây là Phật tánh của Phật. Phật tánh này có bảy điều : Thường, lạc, ngã, tịnh, chơn, thật và thiện. Đây gọi là phân biệt mà giải đáp.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh của Bồ Tát thân rốt sau có sáu điều : Thường, tịnh, chơn, thật, thiện và thiếu kiến. Đây gọi là phân biệt mà giải đáp.

Như trước kia ông hỏi : Người dứt mất căn lành có Phật tánh. Người này cũng có Phật tánh của Như Lai, cũng có Phật tánh của Bồ Tát thân rốt sau. Hai Phật tánh này vì chướng ngại vị lai nên được gọi là không, vì rốt ráo sẽ được nên gọi là có. Đây gọi là phân biệt mà đáp.

Phật tánh của Như Lai chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai.

Phật tánh của Bồ Tát thân rốt sau là hiện tại và vị lai : Vì có thể thấy phần ít nên gọi là hiện tại, vì chưa thấy đầy đủ nên gọi là vị lai.

Đức Như Lai lúc chưa chứng được Vô Thượng Bồ Đề, về như Phật tánh cũng là quá khứ, hiện tại và vị lai. Về quả Phật tánh thời chẳng như vậy : Có là ba đời, có chẳng phải ba đời.

Phật tánh của Bồ Tát thân rốt sau về như cũng là ba đời, về quả cũng như vậy. Đây gọi là phân biệt mà đáp.

Phật tánh của Cửu Trụ Bồ Tát có sáu điều : Thường, thiện, chơn, thật, tịnh, khả kiến. Nhơn Phật tánh cũng là ba đời, quả cũng như vậy. Đây gọi là phân biệt mà nói.

Bát Trụ Bồ Tát xuống đến bậc Lục Trụ, Phật tánh có năm điều : Chơn, thật, tịnh, thiện và khả kiến. Nhơn Phật tánh cũng là ba đời, quả cũng như vậy. Đây gọi là phân biệt mà đáp.

Ngũ Trụ Bồ Tát xuống đến bậc Sơ Trụ, Phật tánh có năm điều : Chơn, thật, tịnh, khả kiến và thiện bất thiện.

Này Thiện nam tử ! Năm thứ Phật tánh, sáu thứ Phật tánh, bảy thứ Phật tánh, người dứt mất căn lành quyết sẽ được nên gọi là có, đây gọi là phân biệt mà đáp.

Nếu nói rằng người dứt mất căn lành quyết định có Phật tánh, quyết định không Phật tánh. Đây gọi là yên lặng mà đáp.

- Bạch Thế Tôn ! Tôi nghe rằng chẳng đáp mới gọi là yên lặng mà đáp. Nay có gì đức Như Lai đáp mà lại gọi là yên lặng đáp ?

- Này Thiện nam tử ! Ta cũng chẳng nói ra, để đó chẳng giải đáp nên gọi là yên lặng mà đáp.

Này Thiện nam tử ! Yên lặng đáp như vậy lại có hai thứ : Một là ngăn dứt, hai là chẳng chấp trước. Do nghĩa này nên được gọi là yên lặng đáp.

(*) - Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật nói, thế nào gọi rằng nhơn Phật tánh cũng là ba đời, quả cũng là ba đời, lại chẳng phải là ba đời ?

- Nay Thiện nam tử ! Ngũ ấm có hai thứ : Một là nhơn, hai là quả. Nhơn ngũ ấm này cũng là ba đời, quả ngũ ấm này cũng là ba đời mà cũng chẳng phải là ba đời.

Nay Thiện nam tử ! Tất cả những kiết sử vô minh phiền não đều là Phật tánh, vì là nhơn của Phật tánh. Từ vô minh, hành và các phiền não mà được ngũ ấm lành, đây gọi là Phật tánh. Từ ngũ ấm lành nhĩn đến chứng đặng Vô Thượng Bồ Đề. Do đây nên trong kinh ta nói trước rằng Phật tánh của chúng sanh như sữa lẫn lộn trong máu. Máu là nói vô minh, hành v.v... tất cả những phiền não. Sữa là nói ngũ ấm lành. Nên ta nói rằng do từ những phiền não và ngũ ấm lành mà chứng được Vô Thượng Bồ Đề như thân chúng sanh đều do từ tinh huyết mà được thành, Phật tánh cũng như vậy.

Bực Tu Đà Hoàn và Tư Đà Hàm dứt phần ít phiền não, Phật tánh của những bực này như sữa. Bực A Na Hàm Phật tánh như lạc. Bực A La Hán Phật tánh như sanh tô. Từ bực Bích Chi Phật đến Thập Trụ Bồ Tát, Phật tánh như thực tô, Phật tánh của đức Như Lai như đề hồ.

(*) Hán bộ quyển thứ 35.

Này Thiện nam tử ! Vì phiền não hiện tại chướng ngại làm cho chúng sanh chẳng thấy được Phật tánh. Như trong núi Hương Sơn có cỏ nhứt nhục chẳng phải tất cả bò đều có thể được ăn. Phật tánh cũng như vậy. Đây gọi là phân biệt mà giải đáp.

- Bạch Thế Tôn ! Năm thứ, sáu thứ, bảy thứ Phật tánh, nếu là đến vị lai sẽ có, tại sao nói rằng người dứt căn lành có Phật tánh ?

- Này Thiện nam tử ! Như các chúng sanh có nghiệp quá khứ, do nghiệp này mà chúng sanh thọ lấy quả báo hiện tại. Có nghiệp vị lai vì chưa sanh nên trọn chẳng thành quả. Chúng sanh hiện tại có phiền não, nếu không phiền não thời tất cả chúng sanh lẽ ra phải thấy rõ Phật tánh hiện tại. Do đây nên có thể dứt căn lành, do năng lực Phật tánh đời vị lai nên căn lành sanh trở lại.

- Bạch Thế Tôn ! Đời vị lai thế nào có thể sanh căn lành ?

- Này Thiện nam tử ! Như ngọn đèn và mặt trời dầu lại là vị lai mới sáng nhưng cũng phá tối tăm. Tánh vị lai có thể sanh ra chúng sanh, Phật tánh đời vị lai cũng như vậy. Đây gọi là phân biệt mà giải đáp.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu nói ngũ ấm là Phật tánh tại sao nói rằng Phật tánh của chúng sanh chẳng phải trong chẳng phải ngoài.

Này Thiện nam tử ! Có sao quên mất như vậy. Trước kia ta chẳng nói rằng Phật tánh của chúng sanh là trung đạo ư ?

- Bạch Thế Tôn ! Thiết ra tôi chẳng quên lời Phật dạy. Chỉ vì chúng sanh chẳng hiểu được trung đạo này nên bạch hỏi đức Phật như vậy.

- Này Thiện nam tử ! Chỗ mà chúng sanh chẳng hiểu được chính đó là trung đạo. Có lúc hoặc có hiểu hoặc có người chẳng hiểu. Ta vì muốn làm cho chúng sanh được hiểu rõ nên nói Phật tánh của chúng sanh chẳng phải trong chẳng phải ngoài. Vì kẻ phàm phu cho rằng Phật tánh ở trong ngũ ấm, như trái cây đựng trong chậu. Cũng có kẻ cho rằng rời ngoài ngũ ấm mà có Phật tánh, như hư không. Do đây nên đức Như Lai nói nghĩa trung đạo : Phật tánh của chúng sanh chẳng phải là sáu căn ở trong, chẳng phải là sáu trần ở ngoài. Vì hiệp trong và ngoài nên gọi là trung đạo. Do đây đức Như Lai nói rằng : Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, nên gọi là trung đạo, đây là phân biệt mà giải đáp.

Này Thiện nam tử ! Thế nào gọi là chẳng phải trong chẳng phải ngoài ?

Này Thiện nam tử ! Có người nói rằng Phật tánh chính là ngoại đạo, vì các bậc đại Bồ Tát trải qua vô lượng kiếp ở trong ngoại đạo, mà dứt phiền não

điều phục tâm của mình, giáo hóa vô lượng chúng sanh, rồi sau mới được Vô Thượng Bồ Đề.

Hoặc có người cho rằng Phật tánh chính là nội đạo. Vì đại Bồ Tát đầu trong vô lượng kiếp tập học ngoại đạo, nhưng nếu rời nội đạo thời chẳng thể được Vô Thượng Bồ Đề.

Đức Như Lai vì ngăn hai thứ chấp trước này nên nói rằng Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, cũng gọi là trong ngoài, đây là Trung đạo.

Có người nói Phật tánh chính là thân Kim Cang của Như Lai : ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Có người nói Phật tánh chính là mười trí lực, bốn môn vô sở úy, đại từ đại bi, tam niêm xứ, Thủ Lăng Nghiêm v.v... Tất cả môn tam muội, vì do những tam muội này mà sanh ra thân Kim Cang ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Đức Như Lai vì ngăn hai sự chấp trước này nên nói rằng Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài cũng là trong ngoài, đây gọi là trung đạo.

Này Thiện nam tử ! Có người cho rằng Phật tánh chính là trong tâm khéo tư duy, vì rời khéo tư duy thời chẳng thể được Vô Thượng Bồ Đề. Có người nói rằng Phật tánh chính là do nghe pháp với người khác, vì nghe pháp với người khác thời có thể trong tâm khéo tư duy, nếu chẳng nghe pháp thời không tư duy.

Do đây nên Như Lai vì ngăn hai sự chấp trước này nên nói Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài cũng là trong ngoài, đây gọi là trung đạo.

Lại có người nói Phật tánh là ngoài nghĩa là Đàn Ba la mật. Từ Đàn Ba la mật mà chứng được Vô Thượng Bồ Đề. Có người nói Phật tánh là trong nghĩa là năm môn Ba la mật, vì rời năm môn này thời không có hơn quả Phật tánh.

Do đây nên Như Lai vì ngăn hai thứ chấp trước này mà nói Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, đây gọi là trung đạo.

Này Thiện nam tử ! Có người nói Phật tánh ở nơi trong, như viên bảo châu trên trán của lực sĩ, vì thường, lạc, ngã, tịnh như bảo châu. Có người nói Phật tánh ở nơi ngoài như kho báu của bần nữ, vì do phương tiện mà được thấy.

Vì ngăn hai thứ chấp trước này nên đức Như Lai nói rằng Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài cũng là trong ngoài, đây gọi là trung đạo.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh của chúng sanh chẳng phải có chẳng phải không. Vì Phật tánh dầu là có nhưng chẳng phải như hư không, vì hư không của thế gian dầu dùng vô lượng thiện xảo phương tiện cũng chẳng thể thấy được, còn Phật tánh thời có thể thấy, do đây nên Phật tánh dầu là có nhưng chẳng phải như hư không.

Phật tánh dầu là không nhưng chẳng đồng như sừng thỏ. Vì lông rùa, sừng thỏ dầu dùng vô lượng thiện xảo phương tiện cũng chẳng thể sanh lên được, còn Phật tánh thời có thể sanh. Do đây nên Phật tánh chẳng phải có chẳng phải không, cũng là có cũng là không.

Thế nào gọi là có ? Tất cả chúng sanh đều có chẳng dứt chẳng diệt, dường như ngọn đèn, mãi đến chứng đặng Vô Thượng Bồ Đề, nên gọi là có Phật tánh.

Thế nào gọi là không ? Tất cả chúng sanh hiện tại chưa có đủ tất cả Phật pháp thường, lạc, ngã, tịnh, nên gọi là không Phật tánh.

Vì có và không hiệp lại chính là Trung đạo, nên đức Như Lai nói Phật tánh chúng sanh chẳng phải có chẳng phải không.

Này Thiện nam tử ! Như có người hỏi trong hột giống này có trái hay không ? Tất phải đáp rằng cũng có cũng không. Vì ngoài hột giống thời không thể sanh ra trái nên gọi là có, còn hột giống chưa mọc mộng nên gọi rằng không. Do nghĩa này nên nói cũng có cũng không. Vì thời tiết có khác, nhưng thể chất của hột giống là một. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy. Nếu nói rằng trong chúng sanh riêng có Phật tánh thời không đúng nghĩa. Vì chúng sanh là Phật tánh, Phật tánh là chúng sanh, chỉ do thời gian có tịnh và bất tịnh sai khác.

- Nay Thiện nam tử ! Nếu có người hỏi hột này có thể sanh trái chẳng, trái này có thể sanh hột chẳng ? Tất phải đáp rằng cũng sanh cũng chẳng sanh.

- Bạch Thế Tôn ! Như người đời nói rằng trong sữa có chất lạc, nghĩa này như thế nào ?

- Nay Thiện nam tử ! Nếu nói trong sữa có chất lạc thời là chấp trước. Nếu nói trong sữa không chất lạc thời là hư vọng. Tất phải nói rằng cũng có cũng không. Từ sữa sanh ra chất lạc : Như là sữa, quả là lạc, đây gọi là có. Màu sắc cùng mùi vị đều khác nhau, ăn dùng cũng chẳng đồng : Bịnh nóng thời dùng sữa, bịnh lạnh thời dùng lạc, sữa sanh bịnh lạnh, lạc sanh bịnh nóng.

Nếu nói trong sữa có tánh của lạc, sữa là lạc, lạc là sữa, hai thứ đồng một tánh, như duyên gì mà sữa lại có trước, còn lạc chẳng sanh ra trước ? Nếu có như duyên tại sao tất cả người đời chẳng nói ? Nếu không như duyên có sao lạc chẳng sanh ra trước ? Nếu lạc chẳng sanh ra trước thời ai làm ra có thứ tự : Sữa, lạc, sanh tô, thực tô, đề hồ ? Do đây nên biết rằng chất lạc trước không có nay mới có, nếu là trước không nay có thời là pháp vô thường.

Nay Thiện nam tử ! Nếu nói rằng trong sữa có chất lạc có thể sanh ra lạc, trong nước không có chất lạc nên chẳng sanh ra lạc, lời này không đúng nghĩa. Vì nước cỏ cũng có tánh chất của sữa và lạc, vì do

nước cỏ mà sanh ra sữa và lạc. Nếu nói trong sữa quyết định có chất lạc, còn nước cỏ không chất lạc, lời này gọi là hư vọng, vì tâm chẳng bình đẳng nên gọi là hư vọng.

Này Thiện nam tử ! Nếu nói trong sữa quyết định có chất lạc, thời lẽ ra trong chất lạc cũng quyết định có chất sữa. Có gì trong sữa sanh ra lạc mà trong lạc chẳng sanh ra sữa ? Nếu là không duyên có thời nên biết rằng chất lạc này trước không mà nay có. Do đây nên người trí phải nói rằng trong sữa chẳng phải có chất lạc chẳng phải không chất lạc.

Này Thiện nam tử ! Do đây nên đức Như Lai từng nói trong khế kinh rằng : Nếu cho tất cả chúng sanh quyết định có Phật tánh thời gọi là chấp trước, nếu cho không Phật tánh thời gọi là hư vọng. Người trí nên nói rằng : Phật tánh của chúng sanh cũng có cũng không.

Này Thiện nam tử ! Do bốn pháp hòa hiệp mà có nhãn thức : Nhãn căn, sắc trần, ánh sáng, tác ý. Tánh nhãn thức này chẳng phải là nhãn căn, chẳng phải sắc trần, chẳng phải ánh sáng, chẳng phải tác ý. Do bốn pháp này hòa hiệp mà nhãn thức được sanh. Nhãn thức như vậy là trước không mà nay có, đã có trở lại không. Do đây nên biết rằng nhãn thức vốn không có tánh. Chất lạc ở trong sữa cũng như vậy.

Nếu nói rằng trong nước không chất lạc nên chẳng xuất sanh ra lạc, còn trong sữa sanh ra lạc, nên trong sữa quyết định có chất lạc. Lời nói trên đây không đúng nghĩa. Vì tất cả pháp : Nhơn khác, quả khác, cũng chẳng phải một nhơn sanh tất cả quả, chẳng phải tất cả quả từ một nhơn sanh. Như do bốn pháp sanh ra nhĩ thức, chẳng nên nói rằng từ bốn pháp này phải sanh ra nhĩ thức hay tỷ thức.

Này Thiện nam tử ! Rồi các phương tiện thời không thể được chất lạc trong sữa, cũng không thể từ chất lạc sanh ra chất tô. Do đây nên cần phải có phương tiện. Người trí chẳng nên có quan niệm rằng rời các phương tiện mà được chất lạc từ nơi sữa. Được sanh tô cũng như vậy.

Do đó nên trong khế kinh Ta từng nói : Vì "nhơn" sanh nên có pháp, vì "Nhơn" diệt nên không pháp.

Này Thiện nam tử ! Như muối tánh chất là mặn có thể làm cho vật chẳng phải mặn thành mặn. Nếu vật chẳng phải mặn mà trước có tánh chất mặn, có sao người đời cho rằng chẳng phải là muối ư ! Nếu trước không mặn thời nên biết rằng trước không mà nay có, do các duyên khác mà thành mặn.

Nếu nói rằng tất cả vật chẳng mặn đều có tánh chất mặn vì quá ít nên chẳng biết, do tánh chất quá ít này nên muối có thể làm cho vật ấy thành mặn, nếu vốn không tánh chất mặn thời dầu có muối cũng

chẳng thể làm thành mặng được. Như hột giống tự nó có tứ đại, duyên nhờ tứ đại ngoài mà nó được tăng trưởng : Nảy mầm, lên cây, đâm chồi, ra lá, tánh chất của muôi cũng vậy. Lời nói trên đây không đúng nghĩa, vì vật chẳng mặng nếu trước đã có tánh chất mặng, muôi lẽ ra cũng có tánh chất chút ít chẳng mặng. Muôi này nếu có hai tánh chất như vậy, duyên có gì rời vật chẳng mặng nó không thể riêng dùng ? Do đây nên biết muôi vốn không có hai tánh. Như muôi không có hai tánh, tất cả vật chẳng mặng cũng không có hai tánh như vậy.

Nếu nói rằng tứ đại ngoài có năng lực làm tăng trưởng tứ đại trong. Lời nói này không đúng nghĩa, vì là theo thứ tự mà nói chẳng phải từ phương tiện : Trong sữa được chất lặc, chất sanh tô, nhĩn đến tất cả pháp đều cũng chẳng phải do phương tiện mà được, tứ đại cũng như vậy. Nếu nói từ tứ đại trong tăng trưởng tứ đại ngoài. Như trái Thi Lợi Sa, từ trước không hình chất, lúc gặp sao Mão mọc thời sanh trái lớn đủ năm tấc. Trái này thiệt chẳng do nơi tứ đại ngoài mà tăng trưởng.

Này Thiện nam tử ! Như mười hai bộ kinh của ta nói : Hoặc tùy tự ý mà nói, hoặc tùy tha ý mà nói, hoặc tùy tự tha ý mà nói.

Thế nào gọi là tùy tự ý mà nói ? Như năm trăm Tỳ Kheo hỏi Xá Lợi Phất : Bạch Đại Đức ! Phật nói nhơn của thân là những gì ? Xá Lợi Phất nói : Chư

Đại Đức cũng đều được chánh giải thoát tự mình nên biết đó, duyên có gì mà hỏi như vậy ? Có Tỳ Kheo nói : Bạch Đại Đức ! Lúc tôi chưa được chánh giải thoát, cho rằng vô minh là nhơn của thân, lúc quán sát như vậy chứng được quả A La Hán.

Lại có Tỳ Kheo nói : Bạch Đại Đức ! Lúc tôi chưa được chánh giải thoát, cho rằng thọ và vô minh là nhơn của thân, lúc quán sát như vậy đặng quả A La Hán.

Hoặc có Tỳ Kheo nói : Hành, thức, danh, sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, ẩm thực, ngũ dục là nhơn của thân.

Lúc đó năm trăm Tỳ Kheo mỗi người tự nói chỗ hiểu biết của mình rồi, bèn cùng nhau đến đánh lễ chơn Phật, đi nhiễu ba vòng rồi ngồi qua một bên. Mỗi người tự đem chỗ hiểu của mình như đã nói ở trên mà bạch với Phật. Xá Lợi Phất bạch rằng : Thế Tôn ! Những Tỳ Kheo này ai là chánh thuyết, ai là không chánh thuyết?

Phật nói : Lành thay ! Lành thay ! Tất cả Tỳ Kheo đây đều là chánh thuyết cả.

Xá Lợi Phất bạch rằng : Thế Tôn ! Ý của đức Phật thế nào ?

- Nay Xá Lợi Phất ! Ta vì chúng sanh trong cõi Dục mà nói cha mẹ là nhơn của thân.

Những kinh như vậy gọi là tùy tự ý mà nói.

Thế nào gọi là tùy tha ý mà nói ? Như Bả Tra La Trưởng giả đến hỏi ta rằng : Thưa Cù Đàm ! Ngài có biết ảo thuật chăng ? Nếu biết ảo thuật thì Ngài là nhà đại ảo thuật, còn nếu không biết thì Ngài chẳng phải là Nhứt thiết trí.

Phật nói : Này Trưởng giả ! Người biết ảo thuật có gọi là người ảo thuật chăng ?

Trưởng giả nói : Đúng vậy ! Đúng vậy ! Người biết ảo thuật chính là người ảo thuật.

Phật nói : Này Trưởng giả ! Trong nước Xá Vệ vua Ba Tư Nặc có gã Chiên Đà La tên là Khí Hứ, ông có biết không ?

Trưởng giả thưa rằng : Từ lâu tôi đã biết người ấy.

Phật nói : Từ lâu ông đã biết người ấy mà ông có thể chính là Chiên Đà La không ?

Trưởng giả thưa : Tôi dầu biết gã Chiên Đà La ấy, nhưng thân của tôi chẳng phải Chiên Đà La.

Phật nói : Ông biết được nghĩa ấy : Người biết Chiên Đà La chẳng phải là Chiên Đà La. Nay có sao ta chẳng được biết ảo thuật mà chẳng phải là ảo thuật ? Này Trưởng giả, thiết ra ta biết ảo thuật, biết người ảo thuật, biết quả báo ảo thuật, biết nghề ảo thuật. Ta biết sát nghiệp, biết người sát nghiệp, biết quả báo sát nghiệp, biết giải thoát sát nghiệp, nhĩn

đến biết tà kiến, biết người tà kiến, biết quả báo tà kiến, biết giải thoát tà kiến.

Nếu Trưởng giả nói người chẳng phải ảo thuật gọi là người ảo thuật, người chẳng phải tà kiến gọi là người tà kiến, thời mắc vô lượng tội.

Trưởng giả nói : "Thưa Cù Đàm ! Cứ như lời của Ngài nói thời tôi mắc tội rất lớn. Nay tất cả của cải của tôi, tôi đem dâng cho Ngài tất cả. Mong Ngài chớ cho vua Ba Tư Nặc biết việc của tôi".

Phật nói : "Này Trưởng giả ! Tội của ông bất tất mất của. Ông sẽ do tội này mà phải bị đọa trong ba ác đạo".

Trưởng giả nghe nói đến ba ác đạo, kinh sợ bạch Phật rằng : "Thưa Thánh nhơn ! Nay tôi vì quên sót mà mắc lấy tội lớn. Thánh nhơn là bậc Nhứt thiết trí tất là biết rõ con đường giải thoát. Nay tôi phải thế nào để được thoát khỏi địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh ?".

Lúc đó đức Phật giảng giải về bốn lý chơn đế. Nghe xong, Trưởng giả chứng được quả Tu Đà Hoàn. Trong lòng hổ thẹn hướng về đức Phật mà sám hối : "Tôi vốn ngu si, đức Phật không phải người ảo mà nói là ảo. Ngày nay tôi xin quy y Tam Bảo".

Đức Phật nói : "Lành thay ! Lành thay !".

Đây gọi là tùy tha ý mà nói.

Thế nào gọi là tùy tự tha ý mà nói ? Như ta từng nói : Trong tất cả thế gian, người Trí nói có thời ta cũng nói có, người Trí nói không thời ta cũng nói không.

Người Trí nói trong đời nói sự vui ngũ dục có vô thường, khổ, vô ngã, đáng dứt diệt, thời ta cũng nói là có như vậy.

Người Trí trong đời nói không bao giờ có vui ngũ dục, mà có thường, lạc, ngã, tịnh, thời ta cũng nói là không bao giờ có.

Đây gọi là tùy tự tha ý mà nói.

Này Thiện nam tử ! Như ta nói bực Thập Trụ Bồ Tát thấy Phật tánh một phần ít. Đây gọi là tùy tự tha ý mà nói.

Thế nào gọi là thấy phần ít ? Thập Trụ Bồ Tát được ba ngàn môn Thủ Lăng Nghiêm Tam muội v.v... nên biết rõ mình sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng thấy tất cả chúng sanh quyết định được Vô Thượng Bồ Đề, do đây nên ta nói bực Thập Trụ Bồ Tát thấy Phật tánh phần ít.

Này Thiện nam tử ! Ta thường tuyên nói : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Đây gọi là tùy tự ý mà nói.

Tất cả chúng sanh chẳng đoạn chẳng diệt mãi đến chứng được Vô Thượng Bồ Đề. Đây gọi là tùy tự ý mà nói.

Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, vì phiền não che ngăn nên chẳng thể thấy được. Ta nói như vậy, ông cũng nói như vậy. Đây gọi là tùy tự tha ý mà nói.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai có lúc vì một pháp mà nói vô lượng pháp. Như trong kệ kinh nói : Tất cả phạm hạnh hơn nơi Thiện tri thức. Tất cả phạm hạnh đều có vô lượng hơn, nhưng nói Thiện tri thức thời đã nhiếp hết cả.

Như ta từng nói : Tất cả ác hạnh hơn nơi tà kiến. Tất cả ác hạnh đều có vô lượng hơn nhưng nói tà kiến thời đã nhiếp hết cả.

Hoặc như Ta nói : Tín tâm là hơn của Vô Thượng Bồ Đề, dầu Bồ Đề có vô lượng hơn, nhưng nói tín tâm thời đã nhiếp hết cả.

Này Thiện nam tử ! Dầu đức Như Lai nói vô lượng pháp là Phật tánh, nhưng chẳng rời ấm, nhập, giới.

Này Thiện nam tử ! Vì chúng sanh nên đức Như Lai thuyết pháp có bảy thứ từ ngữ : Một là từ ngữ về hơn, hai là từ ngữ về quả, ba là từ ngữ về hơn quả, bốn là từ ngữ về ví dụ, năm là từ ngữ bất ưng thuyết, sáu là từ ngữ về thế để lưu bố, bảy là từ ngữ như ý.

Thế nào gọi là từ ngữ về Hơn ?

Trong Hơn hiện tại nói quả báo vị lai. Như ta từng bảo Tỳ Kheo : Ông xem chúng sanh ưa sát hại nhữn đến ưa tà kiến, phải biết đó là người địa ngục vậy. Nếu có người chẳng ưa sát hại nhữn đến chẳng

ura tà kiến, phải biết đó là người cỗi trời. Đây gọi là từ ngữ về Nhơn.

Thế nào là từ ngữ về Quả ?

Trong quả báo hiện tại nói nhơn quá khứ. Như trong khế kinh ta bảo Tỳ Kheo : Như ông thấy mấy người nghèo khó, hình dung xấu xa, không được thông thả, phải biết rằng những người ấy quyết định đời trước có phá giới, tật đố, sân hận, không lòng hổ thẹn. Nếu thấy người giàu có, lành mạnh, có thể lực, phải biết rằng người này đời trước quyết định có trì giới, bố thí, tinh tấn, hổ thẹn, không lòng tật đố, sân hận. Đây gọi là từ ngữ về Quả.

Thế nào là từ ngữ về Nhơn Quả ?

Như trong khế kinh ta bảo các Tỳ Kheo chúng sanh hiện tại lực nhập, xúc làm nhơn đây gọi là nghiệp quả quá khứ. Đức Như Lai cũng gọi đó là nghiệp, nghiệp này làm nhơn duyên sẽ có quả vị lai. Đây gọi là từ ngữ về Nhơn Quả.

Thế nào là từ ngữ về Ví dụ ?

Như nói rằng Sư Tử Vương dụ cho thân của Phật. Cũng nói những ví dụ : Đại Tượng Vương, Đại Long Vương, cây Ba Lợi Chất Đa La, đấng Thất Bảo, Đại Hải, núi Tu Di, quả đất, mưa to, Thuyền Sư, Đạo Sư, Điều Ngự Trượng Phu, Đại Lực Sĩ, Ngưu Vương, Bà La Môn, Sa Môn, Đại Thành, cây Đa La, đây gọi là từ ngữ về Ví dụ.

Thế nào là từ ngữ Bất ưng thuyết ? Như trong kinh ta từng nói : Trời đất có thể hiệp, con sông chẳng chảy vào biển. Như ta nói với vua Ba Tư Nặc bốn phía núi đồng đến. Như ta vì Lộc Mẫu Ưu Bà Di nói nếu cây Ta La có thể thọ giới Bất quan trai thời nó được hưởng thọ sự vui sướng cõi trời cõi người. Thà nói Thập trụ Bồ Tát có tâm thôi chuyển chẳng nên nói đức Như Lai nói hai lời. Thà nói bực Tu Đà Hoàn đọa ba ác đạo chẳng nên nói Thập trụ Bồ Tát có tâm thôi chuyển. Đây gọi là từ ngữ Bất ưng thuyết.

Thế nào là từ ngữ Thế đế lưu bố ? Như Phật nói : Nam, nữ, lớn, nhỏ, đến, đi, nằm, ngồi, xe cộ, nhà cửa, bình, áo, chúng sanh, thường, lạc, ngã tịnh, quân, rừng, thành, ấp, tăng, phùng, hiệp, tan. Đây gọi là từ ngữ về Thế đế lưu bố.

Thế nào là từ ngữ Như ý ? Như ta quở trách người hủy phạm cấm giới khiến họ tự trách hộ trì cấm giới. Như ta khen ngợi bực Tu Đà Hoàn, khiến hàng phàm phu sanh tâm lành. Ngợi khen Bồ Tát làm cho chúng sanh phát tâm Bồ Đề, nói những sự khổ não của ba ác đạo khiến chúng sanh tu tập các pháp lành. Chỉ vì tất cả pháp hữu vi mà nói tất cả đều đốt cháy, vô ngã cũng như vậy, nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh khiến mọi người chẳng phóng dật. Đây gọi là từ ngữ Như ý.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai lại có từ ngữ tùy tự ý : Như nói Phật tánh của Như Lai có hai thứ : Một là có, hai là không.

Có, là Như Lai có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, mười trí lực, bốn vô sở úy, ba niệm xứ, đại từ, đại bi, Thủ Lăng Nghiêm v.v... Vô lượng tam muội, Kim cang v.v... Vô lượng tam muội, phương tiện v.v... Vô lượng tam muội, năm trí ấn v.v... Vô lượng tam muội.

Không, là Như Lai không có các điều thiện, bất thiện, vô ký, nghiệp nhơn quả báo, phiền não, ngũ ấm, mười hai nhơn duyên.

Này Thiện nam tử ! Như có và không, thiện bất thiện, hữu lậu vô lậu, thế gian phi thế gian, thánh phi thánh, hữu vi vô vi, thật bất thật, tịch tịnh, phi tịch tịnh, tránh phi tránh, giới phi giới, phiền não phi phiền não, thủ phi thủ, thọ ký phi thọ ký, hữu phi hữu, tam thế phi tam thế, thời phi thời, thường vô thường, ngã vô ngã, lạc vô lạc, tịnh vô tịnh, sắc thọ tướng hành thức, phi sắc thọ tướng hành thức, nội nhập phi nội nhập, ngoại nhập phi ngoại nhập, thập nhị nhơn duyên phi thập nhị nhơn duyên. Đây là Phật tánh của Như Lai hai thứ có và không, nhấn đến nhứt xiển đề Phật tánh hai thứ có và không cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Dầu ta nói rằng : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng chúng sanh chẳng hiểu

những từ ngữ tùy tự ý của Phật như vậy. Những lời như vậy bực tôi hậu thân Bồ Tát còn chẳng hiểu được huống là những Bồ Tát khác và hàng Nhị thừa.

Này Thiện nam tử ! Trước kia có một lúc tại núi Kỳ Xà Quật, ta cùng Di Lặc Bồ Tát luận về Thế đế, mà Xá Lợi Phất v.v... Năm trăm vị Thanh Văn đều chẳng hiểu biết những việc ấy, huống là việc xuất thế Đế nhưt nghĩa đế.

Này Thiện nam tử ! Hoặc có Phật tánh nhưt xiển đề có mà người thiện căn thời không. Hoặc có Phật tánh người thiện căn thời có còn nhưt xiển đề thời không. Hoặc có Phật tánh cả hai đều có, hoặc cả hai đều không. Nếu hàng đệ tử của ta hiểu bốn nghĩa như vậy, chẳng nên gạn rằng nhưt xiển đề quyết định có Phật tánh hay quyết định không Phật tánh.

Như nói chúng sanh đều có Phật tánh, đây là từ ngữ tùy tự ý của Như Lai. Từ ngữ tùy tự ý của Như Lai như vậy, sao chúng sanh lại nhận hiểu quyết định một bề.

Này Thiện nam tử ! Như trong sông Hằng có bảy hạng chúng sanh : Một là chìm luôn, hai là tạm nổi lên lại chìm, ba là nổi lên rồi thời dừng lại, bốn là nổi lên rồi xem khắp bốn phương, năm là xem khắp rồi thời đi, sáu là đi rồi lại đứng lại, bảy là dưới nước trên bờ đều đi.

Nói chìm luôn, là cá lớn mang nghiệp ác lớn thân nặng ở sâu nên chìm luôn.

Nói tạm thời nổi lên rồi lại chìm, là cá lớn vì nghiệp ác thân nặng ở chỗ cạn tạm thời thấy ánh sáng, do ánh sáng tạm thời nổi lên, rồi vì thân nặng mà lại chìm xuống.

Nói nổi lên rồi ở lại, là cá Kỳ Di ở chỗ nước cạn thích thấy ánh sáng nên nổi lên rồi ở lại.

Nói xem khắp bốn phương, là cá Tích vì kiếm ăn mà xem khắp bốn phương.

Xem khắp rồi đi, là nói cá Tích ấy thấy vật đằng xa cho là ăn được nên mau lội đến.

Đi rồi lại đứng lại, là cá này đi rồi đã đặt đồ ăn bèn dừng lại.

Nói dưới nước trên bờ đều đi tức là Linh Qui vậy.

Này Thiện nam tử ! Con sông Đại Niết Bàn vi diệu này, trong đó cũng có bảy hạng chúng sanh : Từ hạng ban đầu thường chìm, nhẩn đến hạng thứ bảy hoặc xuống nước hoặc lên bờ.

Nói thường chìm, là như có người nghe kinh Đại Niết Bàn, nói rằng đức Như Lai thường trụ không có biến đổi, là thường, lạc, ngã, tịnh trọn chẳng nhập Niết Bàn, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đến hạng nhứt xiển đề cũng ắt sẽ thành đạo Bồ Đề, Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích

Chi Phật v.v... ắt sẽ được thành Vô Thượng Bồ Đề. Người này nghe lời trên đây không tin mà nghĩ và nói rằng kinh điển Đại Niết Bàn này là sách ngoại đạo chẳng phải kinh Phật. Lúc bấy giờ người này xa lìa bạn lành, chẳng nghe chánh pháp, dầu có lúc được nghe nhưng chẳng thể tư duy, dầu có tư duy nhưng chẳng tư duy pháp lành, vì chẳng tư duy pháp lành nên trụ nơi pháp ác. Người trụ nơi pháp ác có sáu hạng : Một là ác, hai là vô thiện, ba là ô pháp, bốn là tăng hữu, năm là náo nhiệt, sáu là thọ quả ác, do đây nên gọi là chìm.

Cớ sao gọi là chìm ? Vì không tâm lành mà thường làm việc ác, vì chẳng tu tập pháp đối trị, nên gọi là chìm.

Nói rằng ác là vì Thánh nhơn quở trách, vì tâm sợ sệt, vì xa lìa người lành, vì không lợi ích chúng sanh, nên gọi là ác.

Nói rằng vô thiện là vì có thể sanh vô lượng quả báo ác, vì thường bị vô minh buộc ràng, vì thích cùng người ác làm bạn, vì không tu tập những phương tiện lành, vì tâm họ điên đảo luôn sai lầm.

Nói rằng ô pháp là vì thân khẩu thường nhiễm ô, vì nhiễm ô chúng sanh thanh tịnh, vì thêm lớn nghiệp chẳng lành, vì xa lìa pháp lành, đây gọi là ô pháp.

Nói tăng hữu là ba người như trên thật hành những pháp ác, có thể thêm địa ngục, súc sanh, ngạ

quí, chẳng thể tu tập pháp giải thoát, thân, khẩu, ý chẳng nhàm các cõi, đây gọi là tăng hữu.

Nói rằng não nhiệt là những người này, làm đủ bốn việc như trên có thể khiến thân tâm não nhiệt, xa lìa tịch tịnh thời gọi là nhiệt, bị quả báo địa ngục nên gọi là nhiệt, đốt cháy các chúng sanh nên gọi là nhiệt, đốt cháy các pháp lành nên gọi là nhiệt, người này chẳng có tín tâm mát mẻ nên gọi là nhiệt.

Nói rằng thọ lấy quả ác là người này làm đủ năm việc trên khi chết đọa địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh. Có ba việc ác nên gọi là quả ác : Một là phiền não ác, hai là nghiệp ác, ba là báo ác, đây gọi là thọ lấy quả báo ác. Người này có đủ sáu việc như trên thời có thể làm dứt mất căn lành tạo tội ngũ nghịch, phạm bốn tội trọng, hủy báng Tam Bảo, dùng của vật của chúng Tăng, có thể làm những việc phi pháp, do đây nên chìm đắm ở trong địa ngục A Tỳ, thân hình rộng lớn tám muôn bốn ngàn do diên, vì người này nghiệp ác nơi thân, khẩu, ý quá nặng nên không thể ra khỏi được, vì tâm họ chẳng thể sanh pháp lành, dầu có vô lượng chư Phật ra đời cũng chẳng được nghe được thấy, đây gọi là thường chìm. Như cá lớn trong sông Hằng.

Này Thiện nam tử ! Dầu ta nói nhứt xiển đề gọi là thường chìm, nhưng lại có hạng thường chìm, mà chẳng phải nhứt xiển đề : Như người vì cõi hữu lậu mà bố thí trì giới làm các việc lành, đây cũng gọi là thường chìm.

Này Thiện nam tử ! Có bốn việc lành mang lấy quả ác : Một là vì hơn người mà độc tụng kinh điển, hai là vì lợi dưỡng mà thọ trì cấm giới, ba là vì hệ thuộc người khác mà làm việc bố thí, bốn là vì cõ Phi Tướng Phi Phi Tướng mà nhiếp niệm tư duy, đây là bốn điều lành được quả báo ác. Nếu người thật hành bốn việc như vậy thời gọi là chìm rồi lại nổi lên, nổi lên rồi lại chìm xuống. Vì ưa thích ba cõ hữu lậu nên gọi là chìm. Vì thấy ánh sáng tức là được nghe pháp trì giới, bố thí, thiền định đây gọi là nổi lên. Thêm lớn tà kiến sanh kiêu mạn nên gọi là lại chìm xuống. Do đây nên trong kệ kinh ta nói kệ rằng :

Nếu có chúng sanh thích các cõ
Vì các cõ mà tạo nghiệp ác
Người này mê mất đạo Niết Bàn
Đây là tạm nổi lại chìm xuống.
Đi nơi biển sanh tử trôi lăn
Dầu được giải thoát xen phiền não
Người này lại thọ quả báo ác.
Đây là tạm ra lại chìm xuống.

Này Thiện nam tử ! Như cá lớn kia do thấy ánh sáng tạm thời nổi lên khỏi nước, vì thân nặng nên lại chìm xuống, hai hạng người trên đây cũng lại như vậy.

Này Thiện nam tử ! Hoặc có người tham đắm ba cõi hữu lậu đây gọi là chìm. Được nghe kinh Đại Niết Bàn này mà sanh lòng tin, đây gọi là nổi lên. Duyên có gì gọi đó là nổi lên ? Vì nghe kinh này rồi xa lìa pháp ác tu tập pháp lành, nên gọi là nổi lên. Người này dầu tin nhưng cũng chẳng đầy đủ. Duyên có gì tín tâm chẳng đầy đủ ? Người này dầu tin Đại Niết Bàn thường, lạc, ngã, tịnh, mà nói rằng thân Như Lai là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Đức Như Lai có hai thứ Niết Bàn : Một là hữu vi, hai là vô vi. Hữu vi Niết Bàn không có thường, lạc, ngã, tịnh. Vô vi Niết Bàn có thường, lạc, ngã, tịnh. Dầu tin Phật tánh là chúng sanh có, nhưng bất tất là tất cả đều có. Do đây nên gọi là tín tâm chẳng đầy đủ.

Này Thiện nam tử ! Tín tâm có hai thứ : Một là tin, hai là cầu. Người như trên đây dầu có tín tâm, nhưng chẳng thể suy cầu, nên gọi là tín tâm chẳng đầy đủ.

Tín tâm lại có hai thứ : Một là từ nghe pháp mà sanh lòng tin, hai là từ tư duy mà sanh lòng tin. Tín tâm của người này do nghe pháp mà sanh chẳng phải do tư duy, nên gọi là tín tâm chẳng đầy đủ.

Tín tâm lại có hai thứ : Một là tin có Thánh đạo, hai là tin người đắc đạo. Người này dầu tin có Thánh đạo, nhưng trọn chẳng tin có người đắc đạo, nên gọi là tín tâm chẳng đầy đủ.

Tín tâm lại có hai thứ : Một là tin chánh, hai là tin tà. Nói rằng có nhơn quả, có Phật, Pháp, Tăng, đây gọi là tin chánh. Nói rằng không nhơn quả, tánh Tam Bảo khác nhau, tin theo những lời tà của ngoại đạo, đây gọi là tin tà. Người này dầu tin Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo, nhưng chẳng tin Tam Bảo đồng một tánh tướng, dầu tin nhơn quả nhưng chẳng tin người đắc quả, nên gọi là tín tâm chẳng đầy đủ.

Người này trọn nên tín tâm chẳng đầy đủ, thọ trì cấm giới cũng chẳng đầy đủ. Vì nhơn chẳng đầy đủ nên chỗ được cấm giới cũng chẳng đầy đủ. Lại giới có hai thứ : Một là oai nghi, hai là tòng giới. Người này dầu đầy đủ những giới về oai nghi nhưng chẳng đầy đủ những giới về tòng giới, nên gọi là giới chẳng đầy đủ.

Giới lại có hai thứ : Một là tác giới, hai là vô tác giới. Người này dầu có tác giới nhưng chẳng đủ vô tác giới, nên gọi là giới chẳng đầy đủ.

Giới lại có hai thứ : Một là từ thân khẩu mà được chánh mạng, hai là từ thân khẩu chẳng được chánh mạng. Người này dầu từ thân khẩu nhưng chẳng được chánh mạng, nên gọi là giới chẳng đầy đủ.

Giới lại có hai thứ : Một là cầu giới, hai là xả giới. Người này dầu đủ giới do cầu mà có nhưng chẳng được giới do xả mà có, nên gọi là giới chẳng đầy đủ.

Giới lại có hai thứ : Một là tùy hữu, hai là tùy đạo. Người này dầu đủ giới tùy hữu nhưng chẳng đủ giới tùy đạo, nên gọi là giới chẳng đầy đủ.

Giới lại có hai thứ : một là thiện giới, hai là ác giới. Thân khẩu, ý lành gọi là thiện giới. Ngưu giới, Cẩu giới v.v... gọi là ác giới. Người này rất tin cả hai thứ giới đây đều có quả lành, nên gọi là giới chẳng đầy đủ.

Người này chẳng đầy đủ hai điều : Tín tâm và giới, nên chỗ tu tập đa văn cũng chẳng đầy đủ. Thế nào gọi là đa văn chẳng đầy đủ ? Mười hai bộ kinh của đức Như Lai nói ra người này chỉ tin sáu bộ, mà chẳng tin sáu bộ, nên gọi là đa văn chẳng đầy đủ. Người này dầu thọ trì sáu bộ kinh đây nhưng không thể đọc tụng cùng giảng giải cho người, không chỗ lợi ích, nên gọi là đa văn chẳng đầy đủ. Hoặc người này thọ trì sáu bộ kinh đây rồi mà vì luận nghị, vì hơn người, vì lợi dưỡng, vì các cõi hữu lậu mà đọc tụng giảng thuyết nên gọi là đa văn chẳng đầy đủ.

Này Thiện nam tử ! Ở trong khế kinh ta từng nói đa văn đầy đủ. Thế nào là đầy đủ ? Nếu có Tỳ Kheo thân, khẩu, ý đều lành, trước có thể cúng dường Hòa Thượng, chư Sư, những người có đức. Chư Sư này đối với người ấy sanh lòng thương mến, nên đem kinh pháp truyền dạy cho. Người này chí tâm thọ trì, tụng tập, được trí huệ. Được trí huệ rồi có

thể khéo tư duy thật hành đúng như pháp. Khéo tư duy rồi thời được chánh nghĩa. Được chánh nghĩa rồi thân tâm tịch tịnh. Thân tâm đã tịch tịnh thời sanh hỷ tâm. Do hỷ tâm mà được định. Do được định nên được chánh tri kiến. Được chánh tri kiến rồi sanh lòng ăn năn nhàm chán các cõi hữu lậu. Vì nhàm chán các cõi nên được giải thoát.

Người trên đây không có những việc như vậy nên gọi là đa văn chẳng đầy đủ.

Người này chẳng đầy đủ ba việc như vậy nên bố thí cũng chẳng đầy đủ.

Bố thí có hai thứ : Một là tài thí, hai là pháp thí, người này dầu thật hành về tài thí nhưng vì cầu cõi hữu lậu, dầu thật hành pháp thí nhưng cũng chẳng đầy đủ, vì bí lẫn chẳng nói hết sợ người hơn mình, nên gọi là bố thí chẳng đầy đủ.

Hai thứ tài thí, pháp thí đều riêng có hai : Một là Thánh, hai là chẳng phải Thánh. Thánh như bố thí rồi chẳng cầu quả báo. Người chẳng phải Thánh bố thí rồi cầu quả báo. Thánh như bố thí pháp để làm cho pháp được tăng trưởng. Người chẳng phải Thánh bố thí pháp để tăng trưởng các cõi hữu lậu.

Người này vì tăng trưởng của cải mà thật hành tài thí, vì tăng trưởng cõi hữu lậu mà thật hành pháp thí, nên gọi là bố thí chẳng đầy đủ.

Lại người này lãnh thọ sáu bộ kinh, thấy người thọ pháp thời cung cấp cho, gặp người chẳng thọ pháp thời chẳng cung cấp, nên gọi là bố thí chẳng đầy đủ.

Người này chẳng đủ bốn điều như trên nên chỗ tu trí huệ cũng chẳng đầy đủ. Tánh của trí huệ là hay phân biệt. Người này chẳng thể phân biệt Như Lai là thường hay vô thường. Trong kinh Đại Niết Bàn này đức Phật nói Như Lai chính là giải thoát, giải thoát chính là Như Lai. Như Lai là Niết Bàn, Niết Bàn là giải thoát. Trong những nghĩa đây người này chẳng thể phân biệt được.

Đức Phật lại nói Phạm hạnh là Như Lai, Như Lai là từ, bi, hỷ, xả. Từ, bi, hỷ, xả là giải thoát, giải thoát là Niết Bàn, Niết Bàn là từ, bi, hỷ, xả. Trong những nghĩa đây, người này không phân biệt được, nên gọi là trí chẳng đầy đủ.

Người này lại chẳng phân biệt được Phật tánh, Phật tánh là Như Lai, Như Lai là tất cả pháp bất cộng, pháp bất cộng là giải thoát, giải thoát là Niết Bàn, Niết Bàn là pháp bất cộng. Người này lại chẳng phân biệt được bốn đế lý khổ, tập, diệt, đạo, vì không phân biệt được bốn đế lý nên chẳng biết Thánh hạnh, vì chẳng biết Thánh hạnh nên chẳng biết Như Lai, vì chẳng biết Như Lai nên chẳng biết giải thoát, vì chẳng biết giải thoát nên chẳng biết Niết Bàn, do đây nên gọi là trí chẳng đầy đủ.

Người này chẳng có đủ năm điều như vậy, thời thêm lớn hai pháp : Một là thêm pháp lành, hai là thêm pháp ác.

Thế nào gọi là thêm lớn pháp ác ? Người này chẳng biết rằng mình không đầy đủ, tự cho rằng đầy đủ mà sanh tâm tham trước, đối với người đồng hàng cho mình là hơn, do đây bèn gần gũi những bạn ác đồng với mình đã gần gũi bạn ác rồi lại được nghe những pháp chẳng đầy đủ, sanh tâm vui mừng nhiễm trước, kiêu mạn phóng dật, do phóng dật mà gần gũi người tại gia, thích nghe nói những việc tại gia, xa lìa pháp xuất gia thanh tịnh, do đây nên thêm lớn pháp ác, vì đã thêm pháp ác nên thân, khẩu, ý gây nghiệp chẳng thanh tịnh, vì ba nghiệp chẳng thanh tịnh nên thêm lớn địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Đây gọi là tạm nổi lên lại chìm xuống.

Trong Phật pháp của ta ai là kẻ tạm nổi lên lại chìm xuống ? Chính là Đề Bà Đạt Đa, Cù Hòa Ly Tỳ Kheo, Uyển Thủ Tỳ Kheo, Thiện Tinh Tỳ Kheo, Tỳ Xá Tỳ Kheo, Mãn Tú Tỳ Kheo, Từ Địa Tỳ Kheo Ni, Khoáng Dã Tỳ Kheo Ni, Phương Tỳ Kheo Ni, Mạn Tỳ Kheo Ni, Tịnh Khiết Trưởng Giả, Cầu Hữu Ưu Bà Tắc, Kim Lạc Thích Chủng, Tượng Trưởng Giả, Danh Xưng Ưu Bà Di, Quang Minh Ưu Bà Di, Nan Đà Ưu Bà Di, Quân Ưu Bà Di, Linh Ưu Bà Di. Như cá lớn thấy ánh sáng nên nổi lên, vì thân nặng lại chìm xuống.

Thế nào gọi là thân lớn pháp lành ? Người này biết rõ mình công hạnh chẳng đầy đủ, vì tự biết chẳng đầy đủ nên cầu gần bạn lành, vì gần bạn lành nên thích nghe hỏi chỗ chưa được nghe, nghe rồi thích thọ trì, thọ rồi thích tư duy, khéo tư duy rồi có thể ở đúng như pháp, vì ở đúng như pháp nên thêm lớn pháp lành, vì thêm lớn pháp lành nên trọn chẳng còn chìm, đây gọi là nổi lên rồi ở lại.

Trong Phật pháp của ta ai là người nổi lên rồi ở lại ? Chính là Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, A Nhã Kiều Trần Như v.v... Năm vị Tỳ Kheo Da Xá v.v... Năm mươi vị Tỳ Kheo, A Nâu Lô Đà, Ma Ha Ca Diếp, Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp v.v... Ba vị Tỳ Kheo Thập Lực Ca Diếp, Sáu Cù Đàm Di Tỳ Kheo Ni, Ba Tra La Hoa Tỳ Kheo Ni, Thắng Tỳ Kheo Ni, Thiết Nghĩa Tỳ Kheo Ni, Hải Ý Tỳ Kheo Ni, Bạt Đà Tỳ Kheo Ni, Tịnh Tỳ Kheo Ni, Bất Thối Chuyển Tỳ Kheo Ni, Tần Bà Ta La Vương, Úc Đà Trưởng Giả, Tu Đạt Đa Trưởng Giả, Thích Ma Ha Nam Trưởng Giả, Bần Tu Đạt Đa Thử Lang Trưởng Giả, Danh Xưng Trưởng Giả, Cụ Túc Trưởng Giả, Sư Tử Tướng Quân, Ưu Bà Ly Trưởng Giả, Đao Trưởng Giả, Vô Úy Ưu Bà Di, Thiện Trụ Ưu Bà Di, Ái Pháp Ưu Bà Di, Dũng Kiện Ưu Bà Di, Thiên Đắc Ưu Bà Di, Thiện Sanh Ưu Bà Di, Cụ Thân Ưu Bà Di, Ngưu Đắc, Ưu Bà Di, Khoáng Dã Ưu Bà Di, Ma Ha Tư Na Ưu Bà Di v.v...

Thế nào gọi là ở lại ? Vì thường thích xem thấy ánh sáng pháp lành. Do nhơn duyên này, hoặc Phật xuất thế, hoặc chẳng xuất thế, những người trên đây trọn chẳng tạo nghiệp ác nên gọi là ở lại. Như cá Kỳ Di thích thấy ánh sáng nên chẳng lặn chẳng chìm. Hạng tứ chúng trên đây cũng như vậy. Trong kinh ta từng nói kệ rằng :

Nếu người khéo phân biệt pháp nghĩa
 Chí tâm cầu được quả Sa Môn
 Quả trách tất cả cội hữu lậu
 Người này gọi là ở đúng pháp.
 Nếu hay cúng dường vô lượng Phật
 Trong vô lượng đời tu Thánh đạo
 Hưởng thọ vui sướng chẳng phóng dật
 Người này gọi là ở đúng pháp.
 Gần gũi bạn lành nghe chánh pháp
 Tâm khéo tư duy ở đúng pháp
 Thích thấy ánh sáng tu Thánh đạo
 Chúng được giải thoát thường an ổn.

(*) Đây Thiện nam tử ! Trí chẳng đầy đủ phàm có năm điều, người này biết rồi cầu gần bạn lành. Bạn lành này nên xem xét người trên đây nhiều tham dục hay nhiều sân khuể, ngu si, tư giác, chấp ngã ?

(*) Hán bộ quyển thứ 36.

Nếu biết là nhiều tham dục thời nên dạy cho pháp quán Bất tịnh; nhiều sân khuể dạy pháp quán Từ bi; nhiều ngu si dạy pháp quán Nhơn duyên; nhiều tư giác dạy pháp quán Số tức; nhiều chấp ngã nên dạy phân tích Thập bát giới v.v...

Người này nghe rồi chí tâm thọ trì, thọ trì rồi tu hành đúng như pháp, thật hành đúng như pháp rồi lần lượt chứng được Tứ niệm xứ quán thân thọ tâm pháp, đặng pháp quán này rồi lại quán mười hai nhơn duyên, quán rồi chứng được noãn pháp.

Ca Diếp Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh đều có noãn pháp. Vì đức Phật nói ba pháp hòa hiệp gọi là chúng sanh : Một là thọ, hai là noãn, ba là thức. Nếu theo nghĩa này thời tất cả chúng sanh lẽ ra trước đã có noãn. Tại sao đức Như Lai nói rằng noãn pháp do bạn lành mà có ?".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Như Noãn pháp của ông hỏi thời tất cả chúng sanh đến nhứt xiển đề đều có. Noãn pháp của ta nói hôm nay phải do phương tiện rồi sau mới được, chẳng phải tất cả chúng sanh đều có trước.

Nay ông chẳng nên gạn rằng tất cả chúng sanh đều có noãn pháp.

Này Thiện nam tử ! Noãn pháp này thuộc về cõi Sắc, chẳng phải cõi Dục có được. Vì cõi Dục không có, nên biết rằng tất cả chúng sanh bất tất đều có.

Này Thiện nam tử ! Cõi Sắc dầu có noãn pháp nhưng chẳng phải tất cả đều có, vì đệ tử của ta thời có, còn ngoại đạo thời không.

Này Thiện nam tử ! Tất cả ngoại đạo chỉ quán được sáu hạnh. Đệ tử của ta thời quán đủ cả mười sáu hạnh. Mười sáu hạnh này tất cả chúng sanh bất tất đều có.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là noãn ? Là tánh nó tự noãn hay vì pháp khác mà noãn ?

- Này Thiện nam tử ! Noãn pháp này tánh nó là noãn chẳng phải do pháp khác mà noãn.

- Bạch Thế Tôn ! Đức Như Lai trước kia nói rằng Mã Sư và Mãn Tú không có noãn pháp, vì hai người này không có tín tâm đối với Tam Bảo. Do đây nên biết rằng tín tâm chính là noãn pháp.

- Này Thiện nam tử ! Tín tâm chẳng phải là noãn pháp, vì do tín tâm mà chứng noãn pháp.

Này Thiện nam tử ! Luận về noãn pháp chính là Trí huệ, vì quán Tứ đế nên gọi là mười sáu hạnh. Hạnh đây chính là trí.

Này Thiện nam tử ! Như lời ông hỏi duyên có gì mà gọi là noãn ?

Này Thiện nam tử ! Luận về Noãn pháp chính là tướng lửa của tám Thánh đạo.

Như cọng lửa : Trước có hơi nóng, kế có lửa, rồi sau có khói, đạo vô lậu này cũng như vậy : Hơi nóng

là mười sáu hạnh, lửa là quả Tu Đà Hoàn, khói là trong vị tu đạo dứt kiết sử.

- Bạch Thế Tôn ! Noãn pháp này cũng là pháp có, cũng là hữu vi. Noãn pháp này được quả báo thân ngũ ấm cõi Sắc nên gọi là có. Vì là nhơn duyên nên lại gọi là hữu vi. Nếu là hữu vi tại sao có thể làm tướng đạo vô lậu ?

- Nay Thiện nam tử ! Đúng như vậy ! Noãn pháp này dầu là pháp hữu vi hữu lậu, nhưng trở lại có thể phá hoại pháp hữu vi hữu lậu, nên có thể làm tướng đạo vô lậu. Như người cỡi ngựa cũng thương ngựa nhưng cũng đánh ngựa. Noãn pháp cũng vậy : Vì ái mà thọ sanh, vì nhàm mà tu quán hạnh, do đây nên dầu là hữu lậu hữu vi mà có thể làm tướng cho chánh đạo kia.

Có bảy mươi ba hạng người được noãn pháp : cõi Dục mười hạng người. Mười hạng người này đầy đủ tất cả phiền não : Từ dứt một phần đến chín phần. Như cõi Dục, Sơ thiên nhân đến Vô Sở Hữu xứ cũng như vậy. Đây gọi là bảy mươi ba. Những người này được noãn pháp rồi thời chẳng còn lại có thể dứt căn lành tạo tội ngũ nghịch phạm bốn tội trọng. Những người này có hai hạng : Một là gặp bạn lành, hai là gặp bạn ác.

Người gặp bạn ác tạm thời nổi lên rồi chìm trở lại.

Người gắp bạn lành thời quan sát khắp bốn phương. Quan sát bốn phương chính là đánh pháp, đánh pháp này dầu cũng là tánh ngũ ấm, nhưng vẫn duyên nơi bốn đế lý, nên được gọi là quan sát khắp bốn phương. Được đánh pháp rồi kế được nhãn pháp. Nhãn pháp này tánh nó cũng là ngũ ấm, cũng duyên bốn đế lý. Người này kế được Thế đệ nhất pháp, pháp này dầu tánh là ngũ ấm nhưng cũng duyên bốn đế lý. Người này kế được khổ pháp nhãn, tánh của nhãn là huệ duyên nơi một đế lý. Pháp nhãn này duyên một đế lý rồi nhãn đến kiến đạo dứt phiền não đặng quả Tu Đà Hoàn. Đây gọi là quan sát khắp bốn phương, bốn phương chính là bốn đế lý.

- Bạch Thế Tôn ! Trước kia đức Phật nói rằng những phiền não của bậc Tu Đà Hoàn dứt, dường như dòng nước rộng bốn mươi dặm, những phiền não còn lại như giọt nước đầu sợi lông.

Nơi đây sao lại nói dứt ba món kiết sử gọi là bậc Tu Đà Hoàn : Một là ngã kiến, hai là chấp phải nhơn thấy là nhơn, ba là lưới nghi.

Bạch Thế Tôn ! Nhơn duyên gì gọi là Tu Đà Hoàn xem khắp bốn phương ? Lại do duyên gì mà gọi là Tu Đà Hoàn ? Duyên có gì đem cá Tích để dụ bậc Tu Đà Hoàn ?

- Nay Thiện nam tử ! Bậc Tu Đà Hoàn dầu có thể dứt vô lượng phiền não, nhưng ba món kiết này nặng

nhứt và cũng nhiếp tất cả những kiết sử của bậc Tu Đà Hoàn dứt, nên nói là dứt ba món kiết sử.

Như Quốc Vương lúc đi tuần du, dầu có các quan và bốn đạo binh, nhưng người đời chỉ nói rằng nhà vua đến, nhà vua đi. Trong đây nói dứt ba món phiền não này cũng như vậy. Duyên có gì ba món kiết này là nặng ? Vì tất cả chúng sanh thường khởi phiền não này và vì vi tế khó biết, nên gọi là nặng. Vì ba món kiết này khó dứt được, vì nó có thể làm nhơn cho tất cả phiền não, là oán địch bị đối trị của giới, định, huệ.

Này Thiện nam tử ! Có những chúng sanh nghe bậc Tu Đà Hoàn có thể dứt vô lượng phiền não như vậy, thời chúng nó sanh lòng thôi chuyển mà nói rằng : Chúng ta thế nào có thể dứt vô lượng phiền não như vậy. Do đây nên đức Như Lai phương tiện nói dứt ba kiết sử.

Này Thiện nam tử ! Bậc Tu Đà Hoàn quán Tứ đế được bốn điều : Một là kiên cố trụ chánh đạo, hai là có thể khắp quan sát, ba là có thể thấy đúng như thật, bốn là có thể phá hoại oán địch lớn. Bậc Tu Đà Hoàn thành tựu tín v.v... Ngũ căn không ai có thể lay động, nên gọi là kiên cố trụ nơi chánh đạo. Bậc này đều có thể quả trách những phiền não trong và ngoài, nên gọi là khắp quan sát. Thấy đúng như thật chính là nhãn trí. Oán địch lớn là nói bốn thứ điên đảo.

Này Thiện nam tử ! Chữ Tu là vô lậu, chữ Đà Hoàn là tu tập, vì tu tập vô lậu nên gọi là Tu Đà Hoàn. Lại có nghĩa chữ Tu là dòng, vì ngược dòng nên gọi là Tu Đà Hoàn.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu theo nghĩa này, duyên có gì những bậc Tu Đà Hàm, A Na Hàm và A La Hán chẳng được gọi là Tu Đà Hoàn ?

- Này Thiện nam tử ! Từ bậc Tu Đà Hoàn nhĩ đến chư Phật cũng đều được gọi là Tu Đà Hoàn cả. Nếu bậc Tu Đà Hàm đến chư Phật mà không có danh nghĩa Tu Đà Hoàn, thời đâu được gọi là Tu Đà Hàm nhĩ đến Phật.

Tất cả chúng sanh về danh tự có hai thứ : Một là tên cũ, hai là tên mới. Lúc còn phàm phu có danh tự thế tục, lúc đã đắc đạo lại đặt tên gọi là Tu Đà Hoàn. Trước gọi là Tu Đà Hoàn, vì lúc sau đắc quả nên gọi là Tu Đà Hàm. Người này cũng gọi là Tu Đà Hoàn, cũng gọi là Tu Đà Hàm, nhĩ đến chư Phật cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Có hai thứ dòng : Một là Giải thoát, hai là Niết Bàn. Tất cả Thánh nhơn đều có hai dòng này, nên cũng được gọi là Tu Đà Hoàn cũng gọi là Tu Đà Hàm, nhĩ đến Phật cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Bậc Tu Đà Hoàn cũng gọi là Bồ Tát. Vì Bồ Tát chính là tận trí và vô sanh trí.

Bực Tu Đà Hoàn cũng mong cầu hai trí này, nên được gọi là Bồ Tát.

Bực Tu Đà Hoàn cũng được gọi là giác. Vì Chánh giác Kiến đạo dứt phiền não, vì Chánh giác nhơn quả, vì Chánh giác cộng đạo và bất cộng đạo. Bực Tu Đà Hàm nhĩ đến bực A La Hán cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Có hai hạng Tu Đà Hoàn : Lợi căn và độn căn. Bực độn căn bảy lần sanh cõi người cõi trời, hoặc sáu lần, năm lần, bốn lần, ba lần, hai lần sanh cõi người cõi trời mới chứng quả A La Hán. Bực lợi căn hiện đời chứng quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán.

Này Thiện nam tử ! Cá Tích có bốn điều : Một là xương nhỏ nên nhẹ, hai là có cánh nên nhẹ, ba là thích thấy ánh sáng, bốn là ngậm được vật thời giữ chặt.

Bực Tu Đà Hoàn cũng có bốn điều : Một là phiền não nhỏ nhẹ như cá Tích nhỏ xương, hai là có chỉ có quán như cá Tích có cánh, ba là kiến đạo, như Cá Tích thích thấy ánh sáng, bốn là nghe thấy đức Phật nói nghĩa vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, thời kiên trì chẳng bỏ như cá Tích ngậm được vật thời giữ chặt.

Như trước kia Ma vương hóa làm thân Phật, Thủ La Trưởng Giả xem thấy trong lòng kính sợ. Ma thấy tâm Trưởng giả động bèn bảo Trưởng giả rằng : Trước kia ta nói bốn chơn đế, thuyết đó không chơn

thật. Nay ta vì ông mà nói năm đế, sáu ấm, mười ba nhập, mười chín giới. Thủ La Trưởng Giả nghe lời này liền quan sát pháp tướng đều không có lý đó, nên kiên trì nghĩa cũ, tâm ông chẳng lay động.

- Bạch Thế Tôn ! Bực Tu Đà Hoàn này vì đắc đạo trước mà gọi là Tu Đà Hoàn hay là vì chứng sơ quả mà gọi là Tu Đà Hoàn ? Nếu vì đắc đạo trước, thời lúc được khổ pháp nhẫn có sao chẳng gọi là Tu Đà Hoàn mà gọi là Hướng ? Nếu vì được sơ quả, thời người ngoại đạo trước dứt phiền não đến Vô sở Hữu xứ tu đạo vô lậu được quả A Na Hàm, có sao chẳng gọi là Tu Đà Hoàn ?

- Nay Thiện nam tử ! Vì được sơ quả mà gọi là Tu Đà Hoàn, lúc đó người này đầy đủ tám trí và mười sáu hạnh.

- Bạch Thế Tôn ! Người được A Na Hàm cũng đầy đủ tám trí và mười sáu hạnh, có sao chẳng được gọi là Tu Đà Hoàn ?

- Nay Thiện nam tử ! Mười sáu hạnh hữu lậu có hai thứ : Cộng và bất cộng. Mười sáu hạnh vô lậu cũng có hai : Hướng quả và đắc quả. Tám trí cũng có hai : Hướng quả và đắc quả. Bực Tu Đà Hoàn rời bỏ mười sáu hạnh cộng, chứng được mười sáu hạnh bất cộng, rời bỏ tám trí hướng quả chứng được tám trí đắc quả. Bực A Na Hàm thời chẳng như vậy. Do đây nên sơ quả gọi là Tu Đà Hoàn.

Này Thiện nam tử ! Bực Tu Đà Hoàn duyên nơi Tứ đế, bực A Na Hàm chỉ duyên nhứt đế, nên sơ quả gọi là Tu Đà Hoàn.

Do nhơn duyên trên đây nên dùng cá Tích để ví dụ, ngó khắp bốn phương rồi bèn đi. Nói đi là chỉ cho bực Tu Đà Hàm nhiếp tâm tu hành để dứt trừ tham, sân, si, mạn.

Như cá Tích kia nhìn xem khắp bốn phương rồi vì kiếm ăn nên đi, đi rồi lại đứng lại, đây là dụ bực A Na Hàm được món ăn rồi thời dừng lại. Có hai hạng A Na Hàm : Một là hiện tại được quả A Na Hàm rồi tiến tu được quả A La Hán, hai là hạng tham trước Tam muội tịch tịnh trong cõi Sắc và cõi Vô sắc, bực này chẳng thọ thân cõi Dục nên gọi là A Na Hàm. Bực A Na Hàm này lại có năm hạng : Một là trung bát Niết Bàn, hai là thọ thân bát Niết Bàn, ba là hành bát Niết Bàn, bốn là vô hành bát Niết Bàn, năm là thượng lưu bát Niết Bàn. Lại có sáu hạng là thân hiện tại bát Niết Bàn. Lại có bảy hạng là thân vô sắc giới bát Niết Bàn.

Hạng hành bát Niết bàn có hai : Hoặc thọ hai thân, hoặc thọ bốn thân. Nếu thọ hai thân thời gọi là lợi căn, nếu thọ bốn thân thời gọi là độn căn. Lại có hai hạng, một là tinh tấn mà không chánh định tự tại, hai là giải đãi mà có chánh định tự tại. Lại có hai hạng : Một là có đủ tinh tấn và chánh định tự tại, hai là chẳng có cả hai.

Này Thiện nam tử ! Chúng sanh trong cõi Dục, cõi Sắc có hai thứ nghiệp : Tác nghiệp và thọ sanh nghiệp. Bực A Na Hàm trung bát Niết Bàn chỉ có tác nghiệp mà không thọ sanh nghiệp, nên bỏ thân cõi Dục lúc chưa đến cõi Sắc, vì lợi căn mà bát Niết Bàn. Bực A Na Hàm trung bát Niết Bàn này có bốn tâm : Một là phi học, phi vô học, hai là học, ba là vô học, bốn là phi học, phi vô học nhập Niết Bàn. Thế nào lại gọi là trung bát Niết Bàn ?

Này Thiện nam tử ! Trong bốn thứ tâm của bực A Na Hàm này hai tâm là Niết Bàn, hai tâm là chẳng phải Niết Bàn, do đây nên gọi là trung bát Niết Bàn.

Bực A Na Hàm thọ thân bát Niết Bàn có hai thứ : Một là tác nghiệp, hai là sanh nghiệp. Bực này bỏ thân Dục giới thọ thân Sắc giới, tinh tấn tu hành mãn thọ mạng thời nhập Niết Bàn.

Bạch Thế Tôn ! Nếu là thọ mạng hết nhập Niết Bàn, tại sao gọi rằng thọ thân Niết Bàn.

- Này Thiện nam tử ! Bực này thọ thân rồi sau mới dứt hết phiền não trong tam giới, nên gọi là thọ thân Niết Bàn.

Bực A Na Hàm thường tu hành do sức Tam muội hữu vi có thể dứt phiền não nhập Niết Bàn, do đây nên gọi là hành bát Niết Bàn.

Bực A Na Hàm rõ biết quyết định sẽ chứng được Niết Bàn nên giải đãi, cũng do sức Tam muội hữu

vi mãn thọ mạng thời được nhập Niết Bàn, do đây nên gọi là Vô hành bát Niết Bàn.

Nếu bậc A Na Hàm được đệ Tứ thiên rồi lại sanh lòng mến Sơ thiên do đây sanh xuống trời Sơ thiên. Nơi đây có hai dòng : Dòng phiến não và dòng đạo mà mến Nhị thiên, nên sanh lên trời Nhị thiên, lần đến trời Tứ thiên cũng như vậy.

Bực này trong trời Tứ thiên lại có hai hạng : Một là vào cõi Vô sắc, hai là vào trời Ngũ Tịnh Cư. Hai bực này, bực thích tam muội thời vào cõi Vô sắc. Bực thích trí huệ thời vào trời Ngũ Tịnh Cư. Hai bực trên đây, một hạng tu đệ Tứ thiên có năm từng cấp, một hạng chẳng tu.

Thế nào là năm từng cấp ? Là hạ, trung, thượng, thượng trung, thượng thượng. Bực tu thượng thượng thời ở trời Sắc Cứu Cánh, bực tu trung thượng thời ở trời Thiện Hiện, bực tu thượng phẩm thời ở trời Thiện Kiến, bực tu trung phẩm thời ở trời Vô Nhiệt, bực tu hạ phẩm thời ở trời Vô Phiền.

Hai bực này, một thời ưa luận nghị ở trời Ngũ Tịnh Cư, một thời ưa tịch tịnh vào cõi Vô Sắc.

Lại có hai hạng : Một thời tu huân thiên vào trời Ngũ Tịnh Cư, một thời chẳng tu huân thiên sanh cõi Vô Sắc mãn thọ mạng mà nhập Niết Bàn, do đây gọi là thượng lưu bát Niết Bàn. Nếu muốn vào cõi Vô Sắc thời không thể tu năm từng cấp Tứ thiên.

Nếu tu năm từng cấp này thời có thể quở trách định vô sắc.

- Bạch Thế Tôn ! Bực trung bát Niết Bàn là lợi căn. Nếu là lợi căn cố sao chẳng hiện tại nhập Niết Bàn ? Cố sao Dục giới có hạng trung bát Niết Bàn mà sắc giới thời không.

- Nay Thiện nam tử ! Người này thân tứ đại hiện tại yếu kém không thể hành đạo. Dầu có Tỳ Kheo thân thể tráng kiện nhưng những duyên nhà cửa, y phục, uống ăn, thuốc men v.v... chẳng đủ, nên chẳng được hiện tại bát Niết Bàn.

Nay Thiện nam tử ! Ngày trước có một lúc ta ở nước Xá Vệ tại Tịnh Xá A Na Phân Chỉ, có một Tỳ Kheo đến bạch với ta rằng ông luôn tu hành mà chẳng thể được quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán. Lúc đó ta liền bảo A Nan rằng : Nay ông nên lo đủ đồ cần dùng cho Tỳ Kheo này.

A Nan liền dắt Tỳ Kheo đó đến rừng Kỳ Đà cho ở phòng nhà tốt. Tỳ Kheo đó nói với A Nan rằng : Trông mong Đại Đức vì tôi mà trần thiết phòng nhà, dọn dẹp thật sạch sẽ, dùng thất bảo trang nghiêm, treo phan lọng bằng lụa.

A Nan nói : Người nghèo trong thế gian mới gọi là Sa Môn, tôi làm sao sắm được những đồ như vậy ?

Tỳ Kheo nói : Nếu Đại Đức có thể sắm sửa được cho tôi thời tốt lắm, bằng không thời tôi sẽ trở về ra mắt Phật.

A Nan liền trở về đem việc ấy bạch với Phật. Đức Phật liền bảo A Nan sắm sửa tất cả đồ dùng theo ý của Tỳ Kheo đó.

Tỳ Kheo đó được những đồ cần dùng theo ý mình muốn, liền nhiếp niệm tu hành, không bao lâu chứng được quả Tu Đà Hoàn lần đến quả A La Hán.

Này Thiện nam tử ! Vô lượng chúng sanh đáng được nhập Niết Bàn, nhưng vì thiếu thốn chướng ngại loạn động tâm niệm của họ, nên chẳng chứng được.

Này Thiện nam tử ! Lại có chúng sanh thích giáo quá nhiều, tâm họ bức bối nhiều việc chẳng thể được chánh định nên hiện tại không được bát Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Như lời ông hỏi, duyên có gì bỏ thân Dục giới có hạng trung bát Niết Bàn, còn Sắc giới thời không ?

Này Thiện nam tử ! Người này quán phiền não cõi Dục có hai nhơn duyên : Nội và ngoại, mà trong cõi Sắc thời không ngoại nhơn duyên. Cõi Dục lại có hai thứ ái tâm : Dục ái và sắc ái, quán hai ái tâm này rồi hết lòng quả trách, do quả trách này mà được nhập Niết Bàn. Trong cõi Dục có thể quả trách được những phiền não thô : Xan tham, sân hận, tật đố, vô tâm, vô quý, do đây nên được nhập Niết Bàn.

Lại người trong cõi Dục tánh chất dưng kiện, vì được hưởng quả, nên trong cõi Dục có trung bát Niết Bàn, trong cõi Sắc thời không.

Này Thiện nam tử ! Trung bát Niết Bàn có ba hạng : Thượng, trung và hạ. Hạng thượng lúc bỏ thân chưa rời cõi Dục bèn được Niết Bàn. Hạng trung mới rời cõi Dục chưa đến cõi Sắc bèn được Niết Bàn. Hạng hạ rời khỏi cõi Dục đến ranh cõi Sắc bèn được Niết Bàn.

Như cá Tích khi đi kiếm được đồ ăn thời dừng lại, hạng này cũng vậy, ở nơi cõi Sắc và cõi Vô Sắc mà được thọ thân nên gọi là dừng lại. Và cũng do chẳng còn thọ thân như, Thiên, địa ngục, súc sanh, ngã quỷ trong cõi Dục nên gọi là dừng lại. Vì đã dứt vô lượng phiền não kiết sử còn thừa lại chút ít nên gọi là dừng lại. Lại vì vĩnh viễn chẳng gây tạo nghiệp phàm phu nên gọi là dừng lại. Lại vì tự mình chẳng còn sợ sệt, cũng chẳng làm cho người khác sợ sệt nên gọi là dừng lại. Vì xa lìa hai ác tâm : Xan tham, sân hận nên gọi là dừng lại.

Này Thiện nam tử ! Bực đến bờ kia là A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, chư Phật Thế Tôn, dù như Thần qui trên bờ dưới nước đều đi tự tại.

Duyên có gì dùng Thần qui để ví dụ ? Vì Thần qui khéo giấu năm chi.

Bực A La Hán nhần đến chư Phật cũng khéo giấu che năm căn. Dưới nước là dụ thế gian, trên bờ là

dụ xuất thế. Các bậc Thánh này có thể quán sát tất cả ái phiền não lên đến bờ kia, nên dụ như Thần qui dưới nước trên bờ đều đi tự tại.

Này Thiện nam tử ! Như bảy hạng chúng sanh trong sông Hằng, dầu có tên cá rùa nhưng chẳng rời khỏi nước, kinh Đại Niết Bàn này từ nhứt xiển đề lên đến chư Phật, dầu có tên khác nhau nhưng cũng chẳng rời khỏi Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Bảy hạng chúng sanh đây, hoặc pháp lành hoặc pháp ác, hoặc đạo phương tiện, hoặc đạo giải thoát, hoặc đạo thứ đệ, hoặc nhơn, hoặc quả, tất cả đều là Phật tánh. Đây gọi là từ ngữ Tùy tự ý của Như Lai.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu có nhơn thời có quả, không nhơn thời không quả. Niết Bàn gọi là quả, là thường trụ nên không nhơn. Nếu đã không nhơn tại sao gọi là quả ? Niết Bàn đây cũng gọi là Sa Môn, cũng gọi là Sa Môn quả. Thế nào là Sa Môn ? Thế nào là Sa Môn quả ?

- Này Thiện nam tử ! Trong thế gian có bảy thứ quả : Một là phương tiện quả, hai là báo ân quả, ba là thân cận quả, bốn là dư tàn quả, năm là bình đẳng quả, sáu là quả báo quả, bảy là viễn ly quả.

Như người đòi, mùa Thu thu gặt được nhiều lúa, bảo nhau rằng được phương tiện quả. Phương tiện quả gọi là nghiệp hành quả. Quả này có hai

nhơn : Cận nhơn và viễn nhơn. Cận nhơn là hột giống, viễn nhơn là nước, phân, nhơn công. Đây gọi là phương tiện quả.

Như người đời phụng dưỡng cha mẹ. Cha mẹ nói rằng chúng tôi đã được quả báo ơn phụng dưỡng. Người con có thể báo ơn gọi đó là quả. Quả này có hai nhơn : Cận nhơn và viễn nhơn, cận nhơn là nghiệp thuần thiện đời quá khứ của cha mẹ, viễn nhơn là sanh ra người con có hiếu. Đây gọi là báo ân quả.

Như có người gần gũi bạn lành, hoặc được quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán. Người này nói rằng nay tôi được quả báo thân cận. Quả báo này có hai nhơn : Cận nhơn và viễn nhơn. Cận là tín tâm, viễn là bạn lành. Đây gọi là thân cận quả.

Như do chẳng sát sanh mà được thân thứ ba sống lâu, đây gọi là dư tàn quả. Quả này cũng có hai nhơn : Cận nhơn và viễn nhơn. Cận là thân, khẩu, ý thanh tịnh, viễn là sống lâu. Đây gọi là dư tàn quả.

Bình đẳng quả là nói khí thế giới, quả này cũng có hai nhơn : Một là cận nhơn, hai là viễn nhơn. Cận nhơn là chúng sanh tu mười nghiệp lành. Viễn nhơn là đại tam tai.

Quả báo quả là như người chứng đặng thân thanh tịnh rồi tu ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh, người này bèn nói tôi được quả báo. Quả này có hai nhơn :

Cận nhơn và viễn nhơn. Cận nhơn là hiện tại thân, khẩu, ý thanh tịnh. Viễn nhơn là quá khứ thân, khẩu, ý thanh tịnh.

Viễn ly quả tức là Niết Bàn là các phiền não, tất cả nghiệp lành là nhơn Niết Bàn. Nhơn Niết Bàn này có hai : Cận nhơn và viễn nhơn. Cận nhơn là ba môn giải thoát, viễn nhơn tức là pháp lành đã tu từ vô lượng đời.

Này Thiện nam tử ! Như pháp thế gian hoặc nói sanh nhơn, hoặc nói liễu nhơn. Pháp xuất thế cũng như vậy, cũng nói sanh nhơn cũng nói liễu nhơn. Ba môn giải thoát, ba mươi bảy phẩm trợ đạo có thể làm cho sanh nhơn của tất cả phiền não chẳng sanh được, mà cũng làm liễu nhơn cho Niết Bàn. Xa lìa phiền não thời đặng thấy rõ Niết Bàn, nên Niết Bàn chỉ có liễu nhơn mà không có sanh nhơn.

Này Thiện nam tử ! Như lời ông hỏi : Thế nào là Sa Môn ? Thế nào là Sa Môn quả ?

Này Thiện nam tử ! Sa Môn Na tức là Bát chánh đạo. Sa Môn Quả là từ nơi đạo rốt ráo xa lìa tất cả tham, sân, si v.v... đây gọi là Sa Môn Na và Sa Môn Quả.

- Bạch Thế Tôn ! Duyên có gì Bát chánh đạo gọi là Sa Môn Na.

Này Thiện nam tử ! Trong đời nói Sa Môn gọi đó là thiếu thốn, Na gọi là đạo. Đạo này dứt tất cả thiếu thốn, và dứt tất cả đạo, do nghĩa này gọi Bát

chánh đạo là Sa Môn Na. Từ trong đạo này chứng được Thánh quả nên gọi là Sa Môn Quả.

Lại Sa Môn Na, như người đời có ai thích tịch tịnh cũng gọi là Sa Môn, đạo này cũng như vậy, có thể làm cho người tu hành xa lìa những sự ác tà mạng v.v... của thân, khẩu, ý đặng vui tịch tịnh, nên gọi đó là Sa Môn Na.

Như trong đời người dưới có thể làm người trên, đây gọi là Sa Môn. Đạo này cũng như vậy, có thể làm cho người dưới thành người trên nên được gọi là Sa Môn Na.

Bực A La Hán tu đạo này được quả Sa Môn, được gọi là đến nơi bờ kia. Quả A La Hán chính là năm phần pháp thân vô học : Giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Do năm phần này được đến bờ kia, nên gọi là đến bờ kia. Do đến bờ kia nên tự nói rằng tôi đã hết sanh tử, phạm hạnh đã trọn, chỗ làm đã xong, chẳng thọ thân đời sau.

Này Thiện nam tử ! Bực A La Hán dứt hẳn nhơn duyên sanh tử ba đời, nên tự nói tôi đã hết sanh tử. Bực này cũng dứt thân ngũ ấm trong ba cõi nên lại nói rằng tôi đã hết sanh tử. Chỗ tu Phạm hạnh đã rốt ráo, nên xưng rằng phạm hạnh đã trọn, lại vì xả học đạo nên cũng gọi là đã trọn. Như chỗ mong cầu, lúc trước ngày nay đã được, nên lại xưng rằng chỗ làm đã xong. Hành đạo

được quả cũng nói rằng đã xong. Vì được tận trí và vô sanh trí nên nói rằng tôi đã hết sanh tử, dứt hết kiết sử hữu lậu. Do nghĩa này nên gọi bực A La Hán đến bờ kia.

Như A La Hán, bực Bích Chi Phật cũng lại như vậy.

Bồ Tát và Phật thành tựu đầy đủ sáu môn Ba la mật gọi là đến bờ kia. Phật và Bồ Tát được Vô thượng Chánh giác rồi gọi là đầy đủ sáu môn Ba la mật, vì được quả của sáu môn Ba la mật như vậy. Do được quả nên gọi là đầy đủ.

Này Thiện nam tử ! Bảy chúng sanh đây vì chẳng thể tu tập bốn điều : Thân giới, tâm và huệ, nên hay gây tạo tội ngũ nghịch, dứt căn lành, phạm bốn tội trọng, hủy báng Phật, Pháp, Tăng, do đây nên gọi là thường chìm đắm.

Này Thiện nam tử ! Trong bảy hạng chúng sanh này ai có thể gần gũi Thiện tri thức chí tâm nghe và nhận lấy chánh pháp của Như Lai, trong tâm khéo tư duy ở đúng pháp, siêng năng tu tập thân, giới, tâm, huệ, do đây nên được gọi là qua khỏi sông sanh tử đến nơi bờ kia.

Nếu có người nói rằng : Nhứt xiển đề được Vô thượng Chánh giác, lời này gọi là nhiễm trước. Nếu nói rằng chẳng được, thời gọi là lời hư vọng.

Này Thiện nam tử ! Bảy hạng này, hoặc có một người đủ cả bảy, hoặc mỗi người mỗi hạng.

Nếu có người nào tâm tưởng khác, miệng nói khác, cho rằng nhứt xiển đề đặng Vô thượng Chánh giác, phải biết người này hủy báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu nói không được thời cũng gọi là hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

Nếu nói rằng Bát chánh đạo của phàm phu được, hoặc nói chẳng phải phàm phu được, đều gọi là hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

Nếu nói rằng tất cả chúng sanh quyết định có Phật tánh, hoặc nói quyết định không Phật tánh, đều gọi là hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

Này Thiện nam tử ! Do đây nên trong khế kinh ta nói rằng có hai hạng người hủy báng Phật, Pháp, Tăng : Một là người chẳng tin, vì họ giận hờn; hai là người dẫu tin nhưng vì chẳng hiểu nghĩa.

Nếu người tin mà không có trí huệ thời hay thêm lớn vô minh. Nếu người có trí huệ mà không có tín tâm thời hay tăng trưởng tà kiến.

Người chẳng tin vì tâm họ giận hờn nên nói rằng không có Phật, Pháp, Tăng. Người tin mà không trí huệ giải nghĩa điên đảo làm cho người nghe pháp hủy báng Phật, Pháp, Tăng. Do đây nên ta nói người chẳng tin vì lòng hờn giận, người tin lại không trí huệ, những người này hay hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

Này Thiện nam tử ! Nếu nói rằng nhứt xiển đề chưa sanh pháp lành bèn được Vô thượng Chánh

giác, người này cũng gọi là hủy báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu nói nhứt xiển đề rồi bỏ nhứt xiển đề ở trong thân khác được Vô thượng Chánh giác, người này cũng gọi là hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

Nếu nói rằng nhứt xiển đề có thể sanh căn lành, sanh căn lành rồi nối liền chẳng dứt chứng được Vô thượng Chánh giác, nên gọi rằng nhứt xiển đề được Vô Thượng Bồ Đề, phải biết rằng người này chẳng hủy báng Tam Bảo.

Nếu có người nói rằng tất cả chúng sanh quyết định có Phật tánh thường, lạc, ngã, tịnh, bất tác, bất sanh, do vì phiền não nên chẳng thấy được, người này là hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

Nếu nói rằng tất cả chúng sanh đều không có Phật tánh cũng như sừng thỏ, do từ phương tiện mà sanh, trước kia không nay mới có, có rồi trở lại không, người này là hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

Nếu nói rằng Phật tánh của chúng sanh chẳng phải có như hư không, chẳng phải không như sừng thỏ. Vì hư không là thường, sừng thỏ là không, nên được nói là cũng có cũng không. Vì có nên phá sừng thỏ, vì không nên phá hư không. Thuyết trên đây chẳng hủy báng Tam Bảo.

Này Thiện nam tử ! Luận về Phật tánh chẳng gọi là một pháp, chẳng gọi là mười pháp, chẳng gọi là trăm pháp, chẳng gọi là ngàn pháp, chẳng gọi là muôn pháp.

Lúc chưa được Vô thượng Chánh giác, tất cả thiện, bất thiện, vô ký đều gọi là Phật tánh. Có lúc đức Như Lai trong nhơn nói quả, trong quả nói nhơn, đây gọi là từ ngữ tùy tự ý của Như Lai. Vì tùy tự ý mà nói nên gọi là Như Lai, Ứng cúng, Chánh đẳng, Chánh giác.

- Bạch Thế Tôn ! Như lời của Phật nói : Phật tánh của chúng sanh dường như hư không. Thế nào gọi là như hư không ?

- Nay Thiện nam tử ! Tánh hư không chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại.

Phật tánh cũng như vậy.

Hư không chẳng phải quá khứ, vì không phải hiện tại. Nếu pháp là hiện tại mới có thể nói là quá khứ, vì không hiện tại nên không quá khứ. Hiện tại cũng không, vì không vị lai. Nếu pháp là vị lai mới có thể nói là hiện tại. Vì không vị lai nên không hiện tại. Vị lai cũng không vì không hiện tại và quá khứ. Nếu pháp có hiện tại và quá khứ thời có vị lai, vì không quá khứ hiện tại nên không vị lai.

Do nghĩa trên đây nên tánh của hư không chẳng phải nhiếp trong ba đời.

Nay Thiện nam tử ! Vì hư không là không nên không có ba đời, chẳng phải vì có mà không có ba đời. Như hoa đốm hư không vì chẳng phải là có nên không có ba đời. Hư không cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Không có vật chính đó là hư không, Phật tánh cũng như vậy. Vì hư không là không nên chẳng nhiếp trong ba đời. Vì Phật tánh là thường nên chẳng nhiếp trong ba đời.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai đã được Vô Thượng Bồ Đề, đức Như Lai chỗ được Phật tánh và tất cả Phật Pháp là thường trụ không biến đổi. Do nghĩa này nên không có ba đời dường như hư không.

Này Thiện nam tử ! Vì hư không là không nên chẳng phải trong chẳng phải ngoài. Vì Phật tánh là thường trụ nên chẳng phải trong chẳng phải ngoài, do đây nên nói rằng Phật tánh dường như hư không.

Này Thiện nam tử ! Nhưng trong đời chỗ không chướng ngại thời gọi là hư không.

Đức Như Lai được Vô Thượng Bồ Đề rồi, nói tất cả Phật pháp đều không có chướng ngại, nên nói rằng Phật tánh dường như hư không.

- Bạch Thế Tôn ! Phật tánh và Niết Bàn của Như Lai chẳng nhiếp trong ba đời mà gọi là có, hư không cũng chẳng nhiếp trong ba đời có sao chẳng được gọi là có ư ?

- Này Thiện nam tử ! Vì chẳng phải Niết Bàn gọi là Niết Bàn, vì chẳng phải Như Lai gọi là Như Lai, vì chẳng phải Phật tánh gọi là Phật tánh.

Thế nào gọi là chẳng phải Niết Bàn ? Nghĩa là tất cả phiền não những pháp Hữu vi. Vì phá những phiền não Hữu vi này mà gọi là Niết Bàn.

Thế nào là chẳng phải Như Lai ? Chính là nhứt xiển đề nhãn đến bực Bích Chi Phật. Vì phá nhứt xiển đề nhãn đến Bích Chi Phật này mà gọi là Như Lai.

Thế nào là chẳng phải Phật tánh ? Chính là tất cả vật vô tình như tường, vách, ngói, đá v.v... là những vật vô tình này gọi là Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Tất cả thế gian không gì chẳng phải hư không đối với hư không.

- Bạch Thế Tôn ! Thế gian cũng không gì chẳng phải là đối với tứ đại, mà còn được gọi tứ đại là có, hư không chẳng có đối có sao chẳng được gọi đó là có ?

- Này Thiện nam tử ! Nếu cho rằng Niết Bàn chẳng nhiếp trong ba đời, hư không cũng như vậy. Lời nói này chẳng đúng nghĩa. Vì Niết Bàn là có thấy được chứng được, là dấu vết của sắc của sắc pháp, là có chương cú, là tướng, là duyên, là chỗ quy y, là bờ kia, tịch tịnh sáng suốt an ổn, do đây nên được gọi là nhiếp trong ba đời. Tánh hư không chẳng có những pháp như vậy, nên gọi là không. Nếu có cái gì là những pháp như vậy mà lại là có thời nhiếp trong ba đời. Hư không nếu đồng là pháp có thời chẳng được chẳng nhiếp trong ba đời.

Này Thiện nam tử ! Như người đòi cho rằng hư không là không sắc, không đối, không thể xem thấy. Nếu là không sắc không đối không thể thấy thời chính là tâm sở pháp. Hư không nếu đồng tâm sở pháp, thời chẳng được chẳng nhiếp trong đời. Nếu nhiếp trong ba đời tức là bốn ấm. Do đây nên rời bốn ấm thời không có hư không.

Này Thiện nam tử ! Những nhà ngoại đạo nói rằng : Hư không chính là quang minh. Nếu là quang minh thời là sắc pháp hư không, nếu là sắc pháp như vậy bèn là vô thường. Vì là vô thường nên nhiếp trong ba đời. Sao ngoại đạo lại nói là chẳng phải ba đời. Nếu đã nhiếp trong ba đời thời chẳng phải là hư không. Sao lại nói rằng hư không là thường.

Này Thiện nam tử ! Lại có người cho rằng : Hư không là chỗ an trụ. Nếu có chỗ an trụ thời là sắc pháp. Tất cả chỗ đều là vô thường nhiếp trong ba đời, hư không cũng là thường chẳng phải nhiếp trong ba đời. Nếu nói là chỗ thời biết rằng không phải hư không.

Lại có người nói rằng hư không là thứ đệ. Nếu là thứ đệ thời là pháp số. Nếu đã là có thể tính đếm được thời nhiếp trong ba đời, nếu nhiếp trong ba đời sao lại gọi rằng thường ?

Này Thiện nam tử ! Lại có người nói rằng luận về hư không thời lìa ba pháp, một là không, hai là thật, ba là không thật. Nếu nói là không thời nên

biết rằng hư không là pháp vô thường, vì không có trong phạm vi thật. Nếu nói là thật thời nên biết hư không cũng là vô thường, vì không có trong phạm vi không. Nếu nói là không thật thời nên biết rằng hư không cũng là vô thường, vì không có trong phạm vi không. Do những nghĩa này nên trong phạm vi không là không có.

Này Thiện nam tử ! Có người nói hư không là pháp bị làm ra, như nói bỏ cây bỏ nhà mà làm hư không, san bằng cho trống không, che hư không, lên hư không, cùng tận hư không như nước biển cả, do đây nên hư không là pháp bị làm ra. Tất cả pháp làm ra đều là vô thường, dường như ngói bình v.v... Hư không nếu như vậy thời phải là vô thường.

Này Thiện nam tử ! Người đời nói trong tất cả pháp chỗ không chướng ngại gọi đó là hư không. Chỗ không chướng ngại này nơi tất cả pháp là có tất cả hay là có từng phần ? Nếu là có tất cả thời những chỗ khác không có hư không. Nếu có từng phần thời là pháp kia và pháp đây có thể tính đếm. Nếu đã là tính đếm được thời là vô thường.

Có người cho rằng hư không gồm hiệp không chướng ngại cùng có chướng ngại. Và lại nói rằng hư không ở nơi sự vật như trái đưng trong bình chậu. Hai thuyết trên đều chẳng đúng. Nếu nói gồm cả hai thời có ba thứ : Một là nghiệp khác nhau mà cùng hiệp, như chim bay đậu trên cây. Hai là

cộng nghiệp cùng hiệp, như hai con dê đụng nhau. Ba là đã hiệp rồi lại cùng hiệp như hai đôi ngón tay hiệp ở một chỗ.

Nếu nói nghiệp khác nhau cùng hiệp, khác nhau đây có hai : Một là nghiệp sự vật, hai là nghiệp hư không. Nếu nghiệp hư không hiệp với vật thời hư không là vô thường. Nếu nghiệp sự vật hiệp với hư không, sự vật thời chẳng cùng khắp, đã chẳng cùng khắp thời chẳng là vô thường. Nếu nói hư không là thường, tánh của nó chẳng lay động mà cùng với động vật hiệp, thời không đúng nghĩa. Vì nếu hư không là thường thời vật lẽ ra cũng là thường. Nếu vật là vô thường thời hư không cũng là vô thường. Không thể nói rằng hư không cũng là thường cũng là vô thường.

Thuyết cộng nghiệp hiệp nhau cũng không đúng nghĩa. Vì hư không gọi là cùng khắp, nếu hiệp với nghiệp thời lẽ ra nghiệp cũng cùng khắp, nếu là cùng khắp thời phải khắp tất cả, nếu khắp tất cả thời lẽ ra hiệp với tất cả, chẳng nên nói rằng có hiệp cùng chẳng hiệp.

Thuyết đã hiệp rồi lại cùng hiệp như hai đôi ngón tay hiệp nhau cũng không đúng nghĩa. Vì trước không có hiệp về sau mới hiệp, trước không sau có là pháp vô thường. Nên chẳng được nói rằng hư không đã hiệp rồi lại cùng hiệp. Như các pháp trong đời trước không sau có là vô thường, nếu hư không như vậy thời cũng phải là vô thường.

Thuyết hư không ở nơi sự vật như trái đưng trong bình chậu cũng không đúng nghĩa. Vì lúc chưa có bình chậu hư không kia ở chỗ nào ? Nếu có chỗ ở thời có nhiều hư không. Đã là nhiều sao lại nói là thường, là duy nhất, là cùng khắp. Giả sử hư không rời hư không có chỗ ở, thời sự vật lẽ ra cùng rời hư không có chỗ ở, do đây nên biết rằng không có hư không.

Này Thiện nam tử ! Nếu cho rằng chỗ ngón tay ở gọi là hư không, theo thuyết này thời hư không là pháp vô thường, vì ngón tay có bốn phương hướng, hư không cũng phải có bốn phương, tất cả pháp thường trụ đều không có phương sở. Nếu có phương sở thời hư không là vô thường. Nếu là vô thường thời chẳng rời năm ấm. Nếu muốn rời năm ấm thời thành ra không chỗ có.

Này Thiện nam tử ! Nếu có pháp nào do nhơn duyên mà tồn tại thời pháp đó là vô thường. Như tất cả chúng sanh cùng cây cối do nơi đất mà tồn tại. Vì đất là vô thường nên những vật trên đây cũng là vô thường. Như đất nhơn nơi nước, vì nước vô thường nên đất cũng vô thường. Như nước nhơn nơi gió vì gió vô thường nên nước cũng vô thường. Gió nương nơi hư không, vì hư không vô thường nên gió cũng vô thường. Sao lại nói rằng hư không là thường khắp tất cả chỗ ?

Vì hư không là không chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, cũng như sừng thỏ là vật không có nên

chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Do đây nên ta nói Phật tánh thường trụ chẳng nhiếp trong ba đời. Vì hư không là không nên chẳng nhiếp trong ba đời.

Này Thiện nam tử ! Ta trọn chẳng trái cãi với thế gian. Vì người trí nói có thời ta cũng nói có, vì người trí nói không thời ta cũng nói không.

- Bạch Thế Tôn ! Bồ Tát có đủ mấy pháp thời chẳng trái cãi với thế gian, chẳng bị pháp thế gian làm ô nhiễm ?

- Này Thiện nam tử ! Bồ Tát có đủ mười pháp thời được hai điều trên : Một là tín tâm, hai là có giới, ba là gần gũi bạn lành, bốn là trong tâm khéo tư duy, năm là có tinh tấn, sáu là có chánh niệm, bảy là có trí huệ, tám là có chánh ngữ, chín là thích chánh pháp, mười là thương xót chúng sanh. Bồ Tát có đủ mười pháp này thời chẳng trái cãi với thế gian, chẳng bị pháp thế gian làm ô nhiễm, như hoa Ưu Bát La.

- Bạch Thế tôn ! Như lời Phật nói : Người trí trong đời nói có Phật cũng nói có, người trí trong đời nói không Phật cũng nói không. Những gì là có với không ?

- Này Thiện nam tử ! Người trí trong đời nói sắc là vô thường, khổ, không, vô ngã, nhân đến thức cũng như vậy. Đây là người trí trong đời nói có, ta cũng nói có. Người trí nói sắc chẳng có thường, lạc,

ngã, tịnh, thọ, tướng, hành, thức cũng như vậy. Đây là người trí trong đời nói không, ta cũng nói không.

- Bạch Thế Tôn ! Người trí trong đời chính là Phật và Bồ Tát tất cả Thánh nhơn. Nếu sắc ấm của các Thánh nhơn là vô thường, khổ, không, vô ngã, tại sao đức Như Lai nói sắc thân của Phật là thường hằng không biến đổi. Người trí trong đời nói chẳng có thường, lạc, ngã, tịnh, tại sao đức Như Lai nói là có. Đức Thế Tôn nói những lời như vậy sao lại nói rằng chẳng tranh cãi với thế gian, chẳng bị pháp thế gian làm nhiễm ô. Đức Như Lai đã lia ba thứ điên đảo : tướng đảo, tâm đảo và kiến đảo. Lẽ ra nên nói rằng sắc thân của Phật thiết là vô thường. Nay lại nói là thường, thế nào đặng gọi là xa lìa điên đảo chẳng tranh cãi với thế gian ?

- Nay Thiện nam tử ! Sắc thân của phàm phu từ phiền não mà sanh, nên người trí nói sắc thân là vô thường, khổ, không, và vô ngã. Sắc thân của Như Lai xa lìa phiền não, nên nói là thường hằng không biến đổi.

(*) - Bạch Thế Tôn ! Sắc ấm do phiền não sanh ra như thế nào ?

- Nay Thiện nam tử ! Phiền não có ba thứ : Dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Người trí phải quán sát tội lỗi của ba thứ lậu này. Vì có biết tội

(*) Hán bộ quyển thứ 37.

thời có thể xa lìa. Như y sư coi mạch biết bệnh rồi mới cho thuốc.

Như dắt người mù đến trong rừng gai rồi bỏ đó mà trở về, người mù này rất khó ra khỏi rừng, dầu được ra khỏi nhưng thân thể phải bị trầy trụa.

Phàm phu trong đời cũng như vậy, vì không biết được tội lỗi của ba món lậu nên đi theo nó. Nếu người nào thấy được tội lỗi của ba món lậu thời có thể xa lìa. Người đã biết tội lỗi dầu có thọ quả báo nhưng quả báo cũng nhẹ nhàng.

Này Thiện nam tử ! Có bốn hạng người : Một là lúc tạo nghiệp thời nặng lúc thọ báo thời nhẹ, hai là lúc tạo nghiệp thời nhẹ lúc thọ báo thời nặng, ba là lúc tạo nghiệp thời nặng lúc thọ báo cũng nặng, bốn là lúc tạo nghiệp thời nhẹ lúc thọ báo cũng nhẹ.

Này Thiện nam tử ! Nếu có người có thể quán sát tội lỗi của phiền não thời tạo nghiệp cùng thọ báo đều nhẹ.

Này Thiện nam tử ! Người có trí nghĩ rằng : Ta nên xa lìa ba thứ lậu như vậy, chẳng nên gây tạo những nghiệp xấu xa như vậy, vì ngày nay ta chưa được giải thoát lục đạo. Nếu ta tu hành phải nương sức này để phá hoại các sự khổ. Suy nghĩ như vậy rồi thời tham, sân, si của người này kém yếu. Người này thấy phiền não của mình nhẹ nên lòng họ vui mừng, lại nghĩ rằng ta được như vậy đều do công

đức tu hành, làm cho ta lìa đặng pháp ác, gần gũi pháp lành, nên hiện tại ta được thấy Thánh đạo, vậy ta phải nên siêng năng tu tập thêm. Do công đức siêng năng tu hành, người này xa lìa vô lượng phiền não và thoát khỏi lục đạo luân hồi.

Do đây nên trong kệ kinh Phật nói phải quán sát tất cả phiền não hữu lậu và nhơn của hữu lậu. Vì người trí nếu chỉ quán hữu lậu mà chẳng quán nhơn của hữu lậu thời không thể dứt các phiền não. Vì người trí quán sát hữu lậu do nhơn này mà sanh, nay ta dứt nhơn này thời lậu chẳng còn sanh. Như y sư trước trừ nhơn của bệnh thời bệnh chẳng còn. Do đây nên người trí phải trước quán sát nhơn, kế đó quán sát quả báo, biết rằng từ nhơn lành sanh ra quả lành, từ nhơn ác sanh quả ác. Khi rõ biết quả báo rồi thời xa lìa nhơn ác. Lại phải quán phiền não nhẹ hay nặng, trước lìa phiền não nặng thời phiền não nhẹ tự mất.

Này Thiện nam tử ! Người trí nếu biết phiền não, biết nhơn của phiền não, biết quả báo của phiền não, biết phiền não nhẹ hay nặng, bấy giờ người này siêng năng tu hành chẳng ngừng nghỉ, chẳng hối tiếc, thường gần gũi bạn lành chí tâm nghe pháp để dứt trừ những phiền não như vậy.

Như người bệnh tự biết bệnh nhẹ có thể trị lành, nên dầu uống thuốc đắng vẫn không ăn năn. Người trí siêng tu Thánh đạo thường vui mừng chẳng sầu, chẳng nghĩ, chẳng ăn năn.

Này Thiện nam tử ! Nếu người biết được phiền não, nhờn của phiền não, quả báo của phiền não, biết phiền não nhẹ nặng, vì trừ phiền não mà tu Thánh đạo, người này chẳng do phiền não sanh sắc thân, cũng chẳng do phiền não sanh thọ, tưởng, hành, thức. Nếu chẳng biết được phiền não v.v... chẳng siêng tu tập, người này từ phiền não sanh thân ngũ ấm.

Này Thiện nam tử ! Người rõ biết phiền não v.v... vì dứt trừ phiền não mà tu hành Thánh đạo, đây chính là đức Như Lai do nhờn duyên này nên sắc thân của Như Lai cùng thọ, tưởng, hành, thức đều là thường trụ.

Kẻ chẳng biết phiền não v.v..., chẳng tu hành Thánh đạo, đây là phàm phu. Do nhờn duyên này nên sắc, thọ, tưởng, hành, thức của phàm phu đều là vô thường.

Này Thiện nam tử ! Người trí trong đời : Tất cả Thánh nhờn, Bồ Tát, chư Phật đều nói hai nghĩa trên đây, ta cũng nói hai nghĩa như vậy, do đây nên ta nói rằng chẳng tranh cãi với người trí trong đời, chẳng bị thế pháp làm nhiễm ô.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu ?

- Này Thiện nam tử ! Do trong tâm có giác quán chẳng lành, nhờn nơi duyên ngoài mà sanh ra dục lậu.

Ngày trước lúc ở thành Vương Xá, ta bảo A Nan rằng : Nay ông thọ lấy bài kệ tụng của cô gái này nói. Bài kệ đây là lời của chư Phật quá khứ. Do đây nên tất cả giác quán chẳng lành trong tâm cùng những nhơn duyên ngoài gọi đó là dục, đây là dục lậu.

Trừ dục lậu ở cõi Dục, những ác pháp nơi trong cùng các nhơn duyên nơi ngoài của cõi Sắc và Vô sắc gọi là hữu lậu.

Chẳng thể rõ biết ngã cùng ngã sở, chẳng biện biệt được trong cùng ngoài, đây gọi là vô minh lậu.

Này Thiện nam tử ! Vô minh là cội gốc của tất cả các lậu, vì tất cả chúng sanh do vô minh nên ức tướng chấp trước nơi ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới, đây gọi là chúng sanh, cũng gọi là tướng đảo, tâm đảo, kiến đảo. Do nhơn duyên này sanh ra tất cả các lậu. Vì thế nên trong mười hai bộ kinh, ta nói vô minh là nhơn của tham, sân, si.

- Bạch Thế Tôn ! Trước kia đức Như Lai nói rằng do chẳng khéo tư duy mà có tham, sân, si. Nay duyên có gì mà nói do vô minh ?

- Này Thiện nam tử ! Hai pháp đây làm nhơn quả lẫn nhau, tăng trưởng lẫn nhau : Chẳng khéo tư duy sanh vô minh, do vô minh nên chẳng khéo tư duy.

Này Thiện nam tử ! Những gì có thể sanh trưởng các phiền não thời đều gọi là nhơn duyên của phiền

não. Gắn gũi những nhơn duyên của phiền não như vậy thời gọi là vô minh. Chẳng khéo tư duy dụ như hột giống lên mộng : Hột giống là cận nhơn, nước đất là viễn nhơn. Phiền não cũng như vậy.

- Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật nói vô minh tức là lậu, sao lại nói rằng nhơn nơi vô minh mà sanh các lậu.

- Nay Thiện nam tử ! Vô minh lậu là nội vô minh. Nhơn nơi vô minh sanh ra các lậu là nội ngoại nhơn. Nếu nói vô minh lậu thời gọi là nội đảo : Chẳng biết vô thường, khổ, không và vô ngã. Nếu nói nhơn duyên của tất cả phiền não, đây gọi là chẳng rõ biết ngoại ngã và ngã sở. Nếu nói vô minh lậu, đây gọi là vô thí vô chung : Từ nơi vô minh sanh ra ấm, nhập, giới v.v...

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là biết nhơn của các lậu ?

- Nay Thiện nam tử ! Người trí nên quán sát rằng : Nhơn duyên gì sanh ra phiền não này ? - Làm hạnh nghiệp gì sanh ra phiền não này ? - Trong thời kỳ nào sanh ra phiền não này ? - Lúc ở chung với ai sanh ra phiền não này ? - Ở chỗ nào sanh ra phiền não này ? - Quán sát việc gì sanh ra phiền não này ? - Thọ lãnh đồ ăn đồ dùng của ai sanh ra phiền não này ? - Duyên có gì chuyển hạ làm trung, chuyển trung làm thượng ? - Hạ nghiệp làm trung, trung nghiệp làm thượng ?

Bồ Tát lúc quán sát như vậy thời xa lìa được nhơn duyên sanh ra các lậu. Lúc quán sát như vậy những phiền não chưa sanh ngăn ngừa làm cho chẳng sanh, những phiền não đã sanh thời trừ diệt được. Do đây nên trong kệ kinh ta nói rằng người trí phải quán sát nhơn duyên sanh ra phiền não.

- Bạch Thế Tôn ! Chúng sanh có một thân làm sao có thể khởi ra các thứ phiền não ?

- Nay Thiện nam tử ! Như trong một cái chậu đựng nhiều thứ hạt giống, lúc có nước mưa thời mỗi hạt giống đều tự mọc lên. Chúng sanh cũng như vậy, thân dầu chỉ có một, do nhơn duyên tham ái mà có thể sanh trưởng các thứ phiền não.

- Bạch Thế Tôn ! Người trí quán sát quả báo như thế nào ?

- Nay Thiện nam tử ! Người trí nên quán sát nhơn duyên của các lậu có thể sanh thân tam đồ, nhơn duyên của các lậu được thân Nhơn thiên, đều là vô thường, khổ, không, vô ngã. Trong thân này có ba thứ khổ, ba thứ vô thường. Nhơn duyên của các lậu này có thể làm cho chúng sanh tạo tội ngũ nghịch thọ lấy ác báo, có thể dứt mất căn lành, phạm bốn tội trọng, hủy báng Tam Bảo.

Người trí lại nên quán sát ngày nay ta đã có thân như vậy, chẳng nên sanh khởi những phiền não như vậy để khởi mang lấy những ác quả.

- Bạch Thế Tôn ! Cả quả vô lậu. Lúc người trí dứt những quả báo, quả báo vô lậu này có ở trong số bị dứt đây chăng ?

Những người đắc đạo có quả vô lậu. Người trí kia cầu quả vô lậu. Tại sao đức Phật nói rằng tất cả người trí nên dứt quả báo. Nếu dứt quả báo thời ngày nay làm sao có các bậc Thánh nhơn ?

- Nay Thiện nam Tử ! Có lúc đức Như Lai trong nhơn mà nói quả, có lúc trong quả mà nói nhơn.

Như người đời nói đất sét chính là cái bình, những sợi chỉ chính là cái áo, đây gọi là trong nhơn mà nói quả.

Như người đời nói con bò chính là nước và cỏ, người chính là đồ ăn, đây là trong quả mà nói nhơn. Ta cũng ở trong nhơn mà nói quả như vậy. Như trong khế kinh trước kia ta từng nói rằng : Ta từ nơi tâm mà thân đến cõi Phạm Thiên, đây gọi là trong nhơn mà nói quả. Lục nhập này là nghiệp quá khứ, đây gọi trong quả mà nói nhơn.

Nay Thiện nam Tử ! Thật ra tất cả Thánh nhơn không có quả báo vô lậu. Tất cả Thánh nhơn tu hành Thánh đạo được quả báo chẳng còn sanh các lậu do đây nên gọi là quả báo vô lậu.

Nay Thiện nam Tử ! Người trí lúc quán sát như vậy liền dứt hẳn được quả báo của phiền não. Vì dứt quả báo phiền não này mà tu tập Thánh đạo :

Không, vô tướng và vô nguyên. Tu tập Thánh đạo này có thể dứt tất cả quả báo của phiền não.

- Bạch Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh đều do phiền não mà có quả báo. Phiền não chính là ác. Từ phiền não ác sanh ra phiền não cũng gọi là ác. Phiền não như vậy có hai thứ : Nhơn và quả. Vì nhơn ác nên quả ác, vì quả ác nên nhơn ác.

Như trái Nhâm Bà vì hột nó đắng, nên bông trái cây lá tất cả đều đắng. Như cây độc vì hột nó độc nên trái cũng độc.

Nhơn là chúng sanh quả cũng chúng sanh. Nhơn là phiền não quả cũng phiền não. Nhơn quả phiền não chính là chúng sanh. Chúng sanh chính là nhơn quả phiền não.

Nếu cứ theo nghĩa này, có sao đức Như Lai trước kia nói dụ núi Tuyết cũng có cỏ độc, cũng có cây thuốc hay ?

Nếu nói phiền não là chúng sanh, chúng sanh là phiền não, sao Phật lại nói trong thân chúng sanh có thuốc hay ?

- Lành thay ! Lành thay ! Nay Thiện nam tử ! Vô lượng chúng sanh đều đồng nghị như vậy. Nay ông vì chúng sanh mà thưa hỏi. Ta cũng có thể giải thích để trừ nghi.

Ông nên lắng nghe khéo suy nghĩ và ghi nhớ đó.

Này Thiện nam tử ! Núi Tuyết kia dụ cho chúng sanh, cỏ độc là nói phiền não, cây thuốc hay là chỉ cho phạm hạnh thanh tịnh.

Này Thiện nam tử ! Nếu có chúng sanh tu tập phạm hạnh thanh tịnh như vậy, thời gọi là trong thân có thuốc hay.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào chúng sanh có phạm hạnh thanh tịnh ?

- Này Thiện nam tử ! Như trong đời, từ hột sanh ra trái. Trái này có thứ sanh ra hột, có thứ chẳng sanh. Thứ có thể sanh hột thời gọi là quả tử. Thứ không thể sanh chỉ được gọi là quả chẳng được gọi là tử.

Tất cả chúng sanh cũng như vậy, có hai hạng : Một là có quả phiền não là nhơn phiền não, hai là có quả phiền não chẳng phải nhơn phiền não. Hạng sau đây gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

Này Thiện nam tử ! Chúng sanh quán sát thọ ấm, biết nó là cận nhơn của tất cả lậu. Vì thọ ấm làm nhơn duyên nên không thể dứt tuyệt tất cả các lậu, cũng không thể ra khỏi ngục tam giới. Nhơn nơi thọ mà chúng sanh chấp ngã và ngã sở, sanh ra tâm đảo, tưởng đảo và kiến đảo. Do đây nên chúng sanh trước phải quán sát thọ ấm. Thọ này là cận nhơn của tất cả ái. Do đây nên người trí muốn dứt tham ái, trước phải quán sát thọ.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh, mười hai nhơn duyên chỗ gây tạo nghiệp thiện ác đều nhơn nơi thọ. Do đây nên ta từng bảo A Nan rằng : Tất cả chúng sanh tạo nghiệp thiện ác đều do nơi thọ. Nên người trí trước phải quán sát thọ.

Đã quán sát thọ rồi lại phải quán sát thọ này do nhơn duyên gì mà sanh ? Nếu do nhơn duyên sanh, thời nhơn duyên đó lại từ đâu mà sanh ? Nếu không nhơn duyên mà sanh, thời không nhơn kia có sao chẳng sanh không thọ ?

Lại quán sát thọ này chẳng phải do Tự Tại Thiên sanh, chẳng do sĩ phu sanh, chẳng do vi trần sanh, chẳng phải thời tiết sanh, chẳng do tường sanh, chẳng do tánh sanh, chẳng phải tự sanh, chẳng phải tha sanh, chẳng phải vô nhơn sanh. Thọ này từ các duyên hòa hiệp mà sanh, duyên đây chính là ái. Trong sự hòa hiệp này chẳng phải có thọ chẳng phải không thọ. Do đây nên ta phải dứt sự hòa hiệp này. Vì dứt hòa hiệp nên chẳng sanh ra thọ.

Này Thiện nam tử ! Người trí quán sát nhơn rồi kế quán sát quả báo : Chúng sanh do nơi thọ mà thọ báo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhân đến thọ vô lượng sự khổ não trong tam giới. Do nơi thọ mà thọ lấy sự vui hư huyền vô thường. Do nơi thọ mà dứt căn lành. Do nơi thọ mà được giải thoát. Lúc quán sát như vậy thời chẳng làm nhơn cho thọ.

Thế nào gọi là chẳng làm nhơn cho thọ ? Chính là phân biệt thọ : Những thọ gì có thể làm nhơn cho ái ? Những ái gì có thể làm nhơn cho thọ ?

Này Thiện nam tử ! Nếu chúng sanh có thể quán sát rành rẽ ái nhơn và thọ nhơn như vậy, thời có thể dứt ngã và ngã sở.

Này Thiện nam tử ! Nếu người nào có thể quán sát những điều như vậy, thời nên biện biệt ái cùng thọ dứt tại chỗ nào ? Bèn thấy ái và thọ có chỗ diệt phần ít, do đây nên biết rằng cũng phải có diệt hoàn toàn. Bấy giờ ở nơi giải thoát người này sanh tín tâm, quán sát chỗ giải thoát này do đâu mà được. Quán sát rồi biết rõ từ Bát chánh đạo nên liền tu tập.

Thế nào gọi là Bát chánh đạo ? Đạo này quán sát thọ có ba tướng : Một là khổ, hai là lạc, ba là bất khổ bất lạc. Ba tướng này đều có thể làm cho thân tâm tăng trưởng.

Nhơn duyên gì mà có thể tăng trưởng ? Vì xúc làm nhơn duyên. Xúc này có ba : Một là vô minh xúc, hai là minh xúc, ba là phi minh phi vô minh xúc. Minh xúc đây chính là Bát chánh đạo. Hai xúc kia thời tăng trưởng thân tâm và ba món thọ. Do đây nên phải dứt hai món xúc này. Xúc đã dứt nên chẳng sanh ba món thọ.

Này Thiện nam tử ! Thọ này cũng gọi là nhơn cũng gọi là quả. Người trí phải quán sát cũng nhơn

cũng quả này : Nhơn thọ sanh ra ái gọi đó là nơn. Thọ nơn nơi xúc mà sanh đây gọi là quả.

Người trí quán sát thọ như vậy rồi, kế lại quán sát ái. Quả báo của thọ gọi là ái. Quán sát ái có hai thứ : Một là tạp thực, hai là vô thực.

Tạp thực ái làm nơn sanh ra già bệnh chết tất cả những cõi Hữu lậu. Vô thực ái thời dứt sanh, già, bệnh, chết tất cả các cõi mà tham ưa đạo vô lậu.

Lại nên nghĩ rằng : Nếu ta sanh tạp thực ái này thời không thể dứt được sanh, lão, bệnh, tử. Nay dầu ta tham đạo vô lậu, nếu chẳng dứt thọ nơn, thời không thể được đạo quả vô lậu. Do đây nên phải dứt xúc này trước. Xúc đã dứt thời thọ tự diệt. Thọ đã diệt thời ái cũng mất theo. Đây gọi là Bát chánh đạo.

Này Thiện nam tử ! Nếu có chúng sanh nào quán sát như vậy, dầu hiện tại có thân ác độc, nhưng trong đó cũng có cây thuốc hay. Như trong núi Tuyết dầu có cỏ độc nhưng cũng có cây thuốc tốt.

Những chúng sanh này dầu do phiền não mà có quả báo, nhưng quả báo này chẳng còn lại sanh phiền não, đây gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

Này Thiện nam tử ! Người trí phải quán sát hai thứ thọ và ái do nơn duyên gì sanh ra ? Biết do nơi tưởng mà sanh. Vì chúng sanh lúc thấy sắc cũng chẳng sanh tham. Đến lúc quán thọ cũng chẳng sanh tham. Nếu ở trong sắc mà sanh tưởng điên đảo, cho rằng sắc là

thường, lạc, ngã, tịnh. Thọ là thường hằng không biến đổi. Do tướng điên đảo này mà sanh tham, sân, si. Do đây nên người trí phải quan sát.

Và phải suy nghĩ rằng : Tất cả chúng sanh lúc chưa được chánh đạo đều có tướng điên đảo : Ở trong chẳng phải thường, lạc, ngã, tịnh mà nhận là thường, lạc, ngã, tịnh. Nơi pháp chẳng phải nam, nữ, lớn, nhỏ, ngày, đêm, năm, tháng, y phục, nhà cửa v.v... mà tướng là nam, là nữ v.v...

Tướng này có ba thứ : Tiểu, đại và vô lượng. Vì nhơn duyên nhỏ nên sanh tướng nhỏ. Vì nhơn duyên lớn nên sanh tướng lớn. Vì vô lượng duyên nên sanh tướng vô lượng.

Lại có tướng nhỏ chính là chưa nhập định, tướng lớn là nói đã nhập định, vô lượng tướng là nói mười Nhứt thiết nhập.

Lại có tướng nhỏ là tất cả tướng ở cõi Dục, tướng lớn là tất cả tướng ở cõi Sắc, vô lượng tướng là tất cả tướng ở cõi Vô Sắc.

Vì ba thứ tướng này diệt nên thọ cũng tự diệt. Vì tướng thọ diệt nên gọi là giải thoát.

- Bạch Thế Tôn ! Diệt tất cả pháp gọi là giải thoát, sao đức Như Lai nói tướng thọ diệt gọi là giải thoát ?

- Nay Thiện nam tử ! Như Lai có lúc nhơn chúng sanh mà thuyết pháp, người nghe hiểu được pháp.

Như trước kia ta bảo đại Ca Diếp : Lúc chúng sanh diệt thời pháp lành diệt. Hoặc có lúc ta hơn nơi pháp mà nói chúng sanh, người nghe cũng hiểu là nói chúng sanh. Như trước kia ta bảo A Nan rằng : Đức Phật cũng chẳng nói gần gũi tất cả pháp, lại cũng chẳng nói chẳng gần gũi tất cả pháp. Nếu đã gần nơi pháp mà pháp lành kém suy, pháp ác lừng thạnh, thời chẳng nên gần pháp đó. Nếu đã gần nơi pháp nào mà điều ác suy diệt, điều lành thêm lớn, thời nên gần gũi pháp đó.

Này Thiện nam tử ! Dầu đức Như Lai nói tướng thọ diệt, nhưng đã tổng nói dứt tất cả pháp nên dứt.

Người trí đã quán tướng như vậy rồi, kế lại quán hơn của tướng : Vô lượng tướng này hơn đâu mà sanh ? Biết rằng hơn xúc mà sanh. Xúc này có hai : Một là do phiền não mà có xúc, hai là do giải thoát mà có xúc. Do vô minh sanh gọi là phiền não xúc, do minh sanh gọi là giải thoát xúc. Hơn nơi phiền não xúc sanh ra đảo tướng. Hơn nơi giải thoát xúc sanh ra bất đảo tướng. Quán sát hơn của tướng rồi kế lại quán sát quả báo.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu vì hơn nơi tướng phiền não này mà sanh đảo tướng, thời tất cả Thánh hơn thiệt có đảo tướng mà không phiền não.

- Này Thiện nam tử ! Thế nào là Thánh hơn mà có đảo tướng ?

- Bạch Thế Tôn ! Tất cả Thánh nhơn đôi với con bò, con ngựa tưởng là bò là ngựa rồi cũng nói là bò là ngựa. Đôi với nam, nữ, lớn, nhỏ, nhà cửa v.v... cũng như vậy, do đây nên gọi là đảo tưởng.

- Nay Thiện nam tử ! Tất cả phàm phu có hai thứ tưởng : Một là thế lưu bố tưởng, hai là chấp trước tưởng. Tất cả Thánh nhơn chỉ có thế lưu bố tưởng, không có chấp trước tưởng. Tất cả phàm phu vì ác giác quan nên đôi với thế lưu bố sanh ra chấp trước tưởng. Tất cả Thánh nhơn vì thiện giác quán nên đôi với thế lưu bố chẳng sanh tưởng chấp trước. Do đây nên phàm phu gọi là đảo tưởng. Thánh nhơn dầu biết các pháp mà chẳng gọi là đảo tưởng.

Người trí quán sát nhơn của tướng rồi kể lại quán quả báo : Ác tướng này thọ quả nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhơn và Thiên. Như ta do vì dứt ác giác quán nên vô minh xúc dứt, do đây mà tướng dứt, vì tướng dứt nên quả báo cũng dứt. Người trí vì dứt nhơn của tướng nên tu Bát chánh đạo.

Nếu có người quán sát được như vậy, thời gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

Nay Thiện nam tử ! Như trên đây gọi là trong thân ác độc của chúng sanh mà cỏ thuốc hay. Như trong núi Tuyết dầu có cỏ độc nhưng cũng có cây thuốc hay.

Nay Thiện nam tử ! Người trí kể lại quán sát dục, tức là sắc, thính, hương, vị, xúc. Đây là đức Như Lai ở

trong nhơn mà nói quả, vì từ năm trần này mà sanh ra Dục, thiệt ra năm trần chẳng phải dục.

Này Thiện nam tử ! Người ngu si vì tham cầu thọ lấy nên đối với sắc sanh ra tưởng điên đảo, đối với thanh, hương, vị, xúc cũng sanh ra tưởng điên đảo. Do đảo tưởng làm nhơn duyên mà sanh ra thọ. Do đây nên trong đời nói rằng nhơn đảo tưởng sanh ra mười món tưởng.

Do dục làm nhơn duyên mà thọ lấy quả báo ác nơi thế gian. Đem sự ác làm hại cha mẹ, Sa Môn, Bà La Môn v.v., chỗ chẳng nên làm ác mà cố làm chẳng tiếc thân mạng. Người trí quán sát ác tướng này làm nhơn duyên mà sanh ra dục tâm.

Quán sát nhơn duyên của dục rồi kể lại quán sát quả báo : Dục này có nhiều quả báo ác : Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhơn và Thiên.

Nếu những ác tướng này đã trừ diệt được, thời vĩnh viễn chẳng sanh dục tâm này, vì không dục tâm nên chẳng sanh ác thọ, đã không ác thọ thời không ác quả, do đây nên phải dứt ác tướng trước. Ác tướng đã dứt thời những pháp ác khác tự nhiên đều dứt. Do có trên đây nên người trí vì dứt ác tướng mà tu Bát chánh đạo, đây gọi là phạm hạnh thanh tịnh, cũng gọi là trong thân độc của chúng sanh có vị thuốc hay. Như trong núi Tuyết dầu có cỏ độc nhưng cũng có cây thuốc.

Này Thiện nam tử ! Người trí quán đạc như vậy rồi kế nên quán nghiệp. Phải suy nghĩ rằng : Bốn thứ thọ, tưởng, xúc và đạc chính là phiền não. Phiền não này có thể làm sanh nghiệp mà chẳng làm thọ nghiệp. Phiền não này cùng đi với nghiệp có hai thứ : Một là làm sanh nghiệp, hai là làm tác nghiệp.

Do đây nên người trí phải quán sát nơi nghiệp. Nghiệp này có ba : thân, khẩu và ý. Hai nghiệp thân, khẩu tên là nghiệp mà cũng gọi là nghiệp quả, ý chỉ gọi là nghiệp, vì là nhơn của nghiệp nên gọi là nghiệp. Hai nghiệp thân, khẩu là nghiệp ngoài, ý gọi là nghiệp trong. Ba thứ nghiệp này đi chung với phiền não làm thành hai thứ nghiệp : Một là sanh nghiệp, hai là thọ nghiệp.

Này Thiện nam tử ! Chánh nghiệp tức là ý, kỳ nghiệp tức là thân khẩu. Phát sanh trước gọi là ý nghiệp, từ ý nghiệp sanh ra gọi là thân khẩu nghiệp. Do đây nên ý nghiệp được gọi là chánh.

Người trí đã quán nghiệp rồi kế lại quán nghiệp nhơn. Nghiệp nhơn đây là vô minh xúc. Do nơi vô minh xúc mà chúng sanh cầu lấy có. Nhơn duyên cầu lấy có tức là ái. Nhơn nơi ái mà gây tạo ba thứ nghiệp thân, khẩu, ý.

Người trí quán nghiệp nhơn rồi kế lại quán quả báo. Quả báo đây có bốn : Một là hắc hắc quả báo,

hai là bạch bạch quả báo, ba là tạp tạp quả báo, bốn là bất hắc bất bạch quả báo.

Hắc hắc quả báo là lúc tạo nghiệp như đục quả báo cũng như đục. Bạch bạch quả báo là lúc tạo nghiệp thanh tịnh quả báo cũng thanh tịnh.

Tạp tạp quả báo là lúc tạo nghiệp tạp quả báo cũng tạp. Bất bạch bất hắc quả báo là nói vô lậu nghiệp.

- Bạch Thế Tôn ! Trước kia đức Như Lai nói vô lậu không có quả báo, cứ sao nay lại nói vô lậu là bất bạch bất hắc quả báo ?

- Nay Thiện nam tử ! Nghĩa này có hai : Một là cũng quả cũng báo, hai là chỉ quả chẳng phải báo. Hắc hắc quả báo là quả cũng là báo : Do nghiệp nhưn hắc mà sanh ra nên gọi là quả, nó lại có thể làm nhưn nên lại gọi là báo. Bạch bạch và tạp tạp cũng như vậy. Quả vô lậu nhưn nơi hữu lậu mà sanh nên gọi là quả, nó chẳng làm nhưn cho pháp khác nên chẳng gọi là báo. Do đây nên vô lậu gọi là quả mà chẳng gọi là báo.

- Bạch Thế Tôn ! Nghiệp vô lậu này chẳng phải là hắc pháp, duyên có gì chẳng gọi nó là bạch ?

- Nay Thiện nam tử ! Vì vô lậu không có báo nên chẳng gọi là bạch. Vì đối trị hắc nên gọi là bạch. Nay ta nói thọ quả báo gọi là hắc bạch. Vì nghiệp vô lậu này chẳng thọ báo nên chẳng gọi là bạch mà gọi là tịch tịnh.

Nghiệp như vậy có chỗ định thọ báo, như mười pháp ác quyết định ở địa ngục, ngã quỷ, súc sanh, mười nghiệp lành quyết định ở nhơn, Thiên.

Mười pháp ác có thượng, trung và hạ : Nghiệp thượng thọ thân địa ngục, nghiệp trung thọ thân súc sanh, nghiệp hạ thọ thân ngã quỷ.

Mười nghiệp lành về nhơn đạo có bốn hạng : Nghiệp hạ sanh Bắc Câu Lô Châu, nghiệp trung sanh Tây Ngưu Hóa Châu, nghiệp thượng sanh Đông Thắng Thần Châu, nghiệp thượng thượng sanh Diêm Phù Đề.

Người trí quán sát như vậy rồi liền nghĩ rằng : Ta phải làm thế nào dứt những quả báo ấy ? Lại nghĩ rằng nhơn duyên của những nghiệp này do vô minh xúc sanh ra, nếu ta dứt trừ vô minh cùng xúc, thời nghiệp quả này dứt mất chẳng còn sanh. Vì dứt trừ vô minh và xúc nên người trí tu Bát chánh đạo, đây gọi là phạm hạnh thanh tịnh. Cũng gọi là trong thân độc của chúng sanh có vị thuốc hay, như trong núi Tuyết dầu có cỏ độc nhưng cũng có cây thuốc.

Này Thiện nam tử ! Người trí quán sát nghiệp và quán sát phiền não rồi, kế lại quán sát quả báo của hai thứ này : tức là khổ. Đã biết là khổ thời có thể xa lìa tất cả sự thọ sanh.

Người trí lại quán sát phiền não làm nhơn duyên sanh ra phiền não, nghiệp cũng làm nhơn duyên sanh

ra phiền não. Phiền não lại làm nhơn duyên sanh ra nghiệp, nghiệp làm nhơn duyên sanh ra khổ, khổ làm nhơn duyên sanh ra phiền não, phiền não làm nhơn duyên sanh ra khổ hữu, hữu làm nhơn duyên sanh ra khổ, khổ làm nhơn duyên sanh ra hữu, hữu làm nhơn duyên sanh ra nghiệp, nghiệp làm nhơn duyên sanh ra phiền não, phiền não làm nhơn duyên sanh ra khổ, khổ làm nhơn duyên sanh ra nghiệp.

Này Thiện nam tử ! Nếu ai có thể quán sát như vậy, nên biết rằng người này có thể quán sát nghiệp khổ, vì những điều quán sát như vậy chính là mười hai nhơn duyên sanh tử, người này chẳng gây tạo nghiệp mới, có thể phá hoại nghiệp cũ.

Này Thiện nam tử ! Người trí quán sát sự khổ nơi địa ngục. Quán sát nơi địa ngục nhần đến ba trăm ba mươi sáu sở. Mỗi địa ngục đều có các sự khổ, đều do phiền não và nghiệp sanh ra. Quán sát địa ngục rồi kế lại quán sát những sự khổ của ngã quỉ và súc sanh. Kế lại quán sát những sự khổ của nhơn gian và của chư Thiên. Những sự khổ như vậy đều do nơi phiền não và nghiệp sanh ra.

Này Thiện nam tử ! Trên các cõi trời dầu không những sự khổ nào lớn, nhưng thân thể của chư Thiên mềm dịu mịn trơn, lúc năm tướng suy hiện ra họ cũng thọ lấy sự khổ lớn, như sự khổ của địa ngục.

Này Thiện nam tử ! Người trí quán sát những sự khổ của tam giới đều do nơi phiền não và nghiệp mà sanh. Như đồ bằng đất chưa hầm thời dễ bể hư. Thân thể của chúng sanh cũng như vậy, là những đồ đầy sự khổ. Như cây to bông trái sum sê bấy chim có thể làm hư hại. Như nhiều cỏ khô chút lửa cũng có thể cháy hết. Thân thể của chúng sanh bị những sự khổ làm hư hoại cũng như vậy. Người trí nếu có thể quán sát tám thứ khổ, người này có thể dứt được những sự khổ.

Này Thiện nam tử ! Đã quán sát tám sự khổ rồi kế lại quán sát khổ nhơn.

Khổ nhơn đây là ái cùng vô minh. Có hai thứ : Một là cầu thân thể, hai là cầu của cải, hai thứ này đều là khổ, do đây nên biết ái cùng vô minh là khổ nhơn. Lại có hai thứ : Một là nội, hai là ngoại. Nội có thể gây nghiệp, ngoại có thể làm tăng trưởng. Nội lại có thể gây nghiệp, ngoại làm thành nghiệp quả.

Đã dứt nội ái thời nghiệp cũng dứt, dứt được ngoại ái thời quả cũng dứt. Nội ái có thể sanh khổ đời vị lai, ngoại ái có thể sanh khổ đời hiện tại. Do đây nên ái là khổ nhơn.

Đã quán khổ nhơn rồi kế lại quán sát quả báo. Quả báo của khổ chính là thủ, ái quả gọi là thủ. Nhơn duyên của thủ này tức là nội ái và ngoại ái do đây có ái khổ.

Người trí phải quán sát ái làm nhơn duyên cho thủ, thủ nhơn duyên nơi ái, nếu có thể dứt ái và thủ thời chẳng tạo nghiệp thọ khổ. Do đây nên người trí vì dứt trừ ái khổ mà tu Bát chánh đạo. Đây gọi là Phạm hạnh thanh tịnh, cũng gọi là trong thân độc của chúng sanh có vị thuốc hay. Như trong núi Tuyết dầu có cỏ độc nhưng cũng có cây thuốc.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là phạm hạnh thanh tịnh ?

- Này Thiện nam tử ! Chính là tất cả pháp.

- Bạch Thế tôn ! Nghĩa của tất cả pháp chẳng nhứt định. Vì đức Như Lai có lúc nói là thiện, bất thiện. Có lúc nói là tứ niệm xứ quán. Hoặc nói là thập nhị nhập. Hoặc nói là Thiện tri thức. Hoặc nói là thập nhị nhơn duyên. Hoặc nói là chúng sanh. Hoặc nói là chánh kiến, tà kiến. Hoặc nói là mười hai bộ kinh. Hoặc nói là nhị đế.

Hôm nay đức Như Lai lại nói tất cả pháp là phạm hạnh thanh tịnh, đó là những tất cả pháp gì ?

Này Thiện nam tử ! Kinh Đại Niết Bàn vi diệu này là bảo tạng trong tất cả pháp.

Như biển cả là kho chứa những châu báu, kinh Đại Niết Bàn này cũng như vậy, là bí tạng của tất cả chữ nghĩa.

Như núi Tu Di là cội gốc của các vị thuốc, kinh này cũng là cội gốc của giới Bồ Tát.

Như hư không là chỗ ở của tất cả vật, kinh này cũng là chỗ ở của tất cả pháp lành.

Như luồng gió mạnh không gì trói buộc được. Tất cả Bồ Tát thật hành kinh này cũng chẳng bị tất cả phiền não trói buộc.

Như chất kim cương không gì phá hoại được, kinh này dầu có ngoại đạo ác tà cũng chẳng phá hoại được.

Như cát sông Hằng không ai đếm được, ý nghĩa của kinh này cũng không ai đếm được.

Kinh này là pháp tràng của Bồ Tát, như Bảo tràng của Thiên Đế Thích.

Kinh này là vị thương chủ thẳng đến thành Niết Bàn, như bậc Đạo sư dẫn các thương nhơn thẳng đến biển cả.

Kinh này có thể làm ánh sáng pháp cho Bồ Tát, như mặt trời mặt trăng có thể phá tối tăm ở thế gian.

Kinh này có thể làm vị thuốc hay cho chúng sanh mang bệnh khổ, như trong núi Tuyết có cây thuốc hay trị được các thứ bệnh.

Kinh này có thể làm gậy cho nhứt xiển đề, như người quá yếu nhờ gậy mà đứng dậy được.

Kinh này có thể làm cầu đò cho tất cả người ác, như cây cầu là chỗ tất cả người đi qua.

Kinh này làm bóng mát cho những ai bị nóng phiền não trong hai mươi lăm cõi, như cây lọng che nắng nóng.

Kinh này là vua đại vô úy có thể phá hoại tất cả ác ma phiền não, như sư tử vương hàng phục bầy thú.

Kinh này là đại thần chú có thể phá hoại tất cả ác quỷ phiền não, như chú sư trong đời có thể đuổi trừ quỷ vọng lượng.

Kinh này là mưa đá vô thượng có thể phá hoại tất cả quả báo sanh tử.

Kinh này có thể làm vị thuốc hay cho người hư con mắt giới, như thuốc An Xà Na trị lành con mắt đau.

Kinh này có thể làm chỗ ở cho tất cả pháp lành, như mặt đất làm chỗ ở cho muôn vật.

Kinh này là gương sáng của chúng sanh phá giới, như gương sáng soi các hình tượng.

Kinh này có thể làm y phục cho người không tầm quý, như áo xiêm che đầy thân thể của người đời.

Kinh này làm của báu lớn cho người nghèo pháp lành, như Công Đức Thiên lợi ích ban sự lợi ích cho người nghèo.

Kinh này làm nước cam lộ cho chúng sanh khát ngưỡng chánh pháp, như nước bát công đức làm no đủ cho người khát nước.

Kinh này làm giường pháp cho người phiền não, như người đời gặp được giường nằm an ổn.

Kinh này là cỗ xe trân bảo, chuỗi ngọc hoa hương trang nghiêm thanh tịnh của bậc Sơ địa Bồ Tát nhẫn

đến bực Thập địa Bồ Tát, hơn tất cả chỗ vui vi diệu của sáu môn Ba la mật, như cây Ba Lợi Chát Đa La trên cung trời Đao Lợi.

Kinh này là cây búa trí huệ cứng bén có thể chặt tất cả cây to phiền não, là dao bén có thể cắt đứt tập khí, là lực sĩ dũng kiện có thể trừ dẹp ma tà oán địch, là ngọn lửa trí huệ đốt củi phiền não, là tạng nhơn duyên xuất sanh Bích Chi Phật, là tạng Thanh Văn sanh ra bực Thanh Văn, là con mắt của tất cả chư Thiên, là con đường chánh của mỗi người, là chỗ nương của tất cả loài súc sanh, là chỗ giải thoát của ngạ quỷ, là đấng Vô thượng tôn của địa ngục, là chỗ vô thượng của tất cả chúng sanh trong mười phương, là phụ mẫu của chư Phật.

Do đây nên kinh này nhiếp tất cả pháp.

Này Thiện nam tử ! Trước kia Ta nói kinh này đầu nhiếp tất cả pháp, nhưng ta nói phạm hạnh là ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Nếu rời ba mươi bảy phẩm này thì trọn chẳng được quả Thanh Văn nhân đến quả Vô Thượng Bồ Đề, cũng chẳng thấy Phật tánh cùng quả Phật tánh. Do đây nên phạm hạnh là ba mươi bảy phẩm trợ đạo.

Vì ba mươi bảy phẩm này tánh của nó chẳng phải điên đảo, nó có thể phá hoại điên đảo; tánh của nó chẳng phải ác kiến, nó có thể phá hoại ác kiến; tánh của nó chẳng phải bố úy, nó có thể phá hoại bố úy;

tánh của nó là phạm hạnh, nó có thể làm cho chúng sanh rốt ráo thật hành phạm hạnh thanh tịnh.

- Bạch Thế Tôn ! Pháp hữu lậu cũng có thể làm nhơn cho pháp vô lậu, có sao đức Như Lai chẳng nói pháp hữu lậu là phạm hạnh thanh tịnh ?

- Nay Thiện nam tử ! Tất cả pháp hữu lậu là điên đảo, nên tất cả pháp hữu lậu chẳng được gọi là Phạm hạnh thanh tịnh.

- Bạch Thế Tôn ! Pháp thế đệ nhút là hữu lậu hay là vô lậu.

- Nay Thiện nam tử ! Là hữu lậu.

- Bạch Thế Tôn ! Pháp thế đệ nhút dầu là hữu lậu nhưng tánh nó chẳng phải điên đảo, có sao chẳng gọi nó là phạm hạnh thanh tịnh ?

- Nay Thiện nam tử ! Pháp thế đệ nhút là nhơn của pháp vô lậu, vì giống với vô lậu và hướng về vô lậu nên chẳng gọi là điên đảo. Phạm hạnh thanh tịnh phát tâm tương tục mãi đến rốt ráo. Còn pháp thế đệ nhút chỉ là một niệm, nên chẳng được gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

- Bạch Thế Tôn ! Năm thức của chúng sanh cũng là hữu lậu nhưng chẳng phải là điên đảo, lại chẳng phải là một niệm, có sao chẳng gọi là phạm hạnh thanh tịnh ?

- Nay Thiện nam tử ! Năm thức của chúng sanh dầu chẳng phải một niệm nhưng là hữu lậu lại là

điên đảo. Vì thêm các lậu nên gọi là hữu lậu, thể của nó chẳng phải chơn thật vì là tướng chấp trước nên là điên đảo.

Thế nào gọi là thể của nó chẳng phải chơn thật vì tướng chấp trước nên điên đảo ? Vì trong vật chẳng phải nam nữ nó sanh tướng nam nữ, nhãn đến nhà cửa xe cộ v.v... cũng như vậy, nên gọi là điên đảo.

Này Thiện nam tử ! Ba mươi bảy phẩm trợ đạo tánh của nó không điên đảo nên được gọi là Phạm hạnh thanh tịnh.

Này Thiện nam tử ! Nếu có Bồ Tát đối với ba mươi bảy phẩm này mà biết căn, biết nhơn, biết nghiệp, biết tăng, biết chủ, biết đạo, biết thắng, biết thật và biết rốt ráo, Bồ Tát này được gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là biết căn, nhãn đến biết rốt ráo ?

- Này Thiện nam tử ! Bồ Tát thừa hỏi thường vì hai điều : Một là vì mình, hai là vì người. Nay ông đã biết mà vì vô lượng chúng sanh nên thừa hỏi những việc như vậy. Lành thay ! Lành thay !

Này Thiện nam tử ! Căn bốn của ba mươi bảy phẩm trợ đạo là dục, nhơn là minh xúc, nghiệp thủ là thọ, tăng trưởng là thiện tư duy, chủ là niệm, đạo dẫn là định, thắng là trí huệ, thật là giải thoát, rốt ráo là Đại Bát Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Thiện dục là căn bốn của sơ phát tâm nhân đến Vô Thượng Bồ Đề, do đây nên ta nói dục là căn bốn.

Như người đời nói tất cả khổ não do ái làm căn bốn. Tất cả bệnh tật do ăn cách đêm làm căn bốn. Tất cả sự phán đoán do đấu tranh làm căn bốn. Tất cả việc ác do hư vọng làm căn bốn.

- Bạch Thế Tôn ! Trong kinh này trước kia đức Như Lai nói rằng tất cả pháp lành do bất phóng dật làm căn bốn. Sao nay đức Phật lại nói rằng dục là căn bốn ?

- Này Thiện nam tử ! Nếu luận về sanh nhơn thời là thiện dục, còn liễu nhơn thời là bất phóng dật. Như người đời nói rằng tất cả trái cây do hột làm nhơn, hoặc có người nói hột là sanh nhơn, đất là liễu nhơn.

- Bạch Thế Tôn ! Trong những kinh khác đức Phật từng nói rằng Phật là cội gốc của ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Nghĩa này như thế nào ?

- Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai ngày trước nói rằng chúng sanh mới biết ba mươi bảy phẩm trợ đạo thời Phật là căn bốn. Nếu tự chứng đặng thời Dục là căn bốn.

- Bạch Thế Tôn ! Sao mình xúc gọi là nhơn ?

- Này Thiện nam tử ! Có lúc đức Như Lai nói mình là huệ, hoặc nói mình là tín. Do tín tâm mà gần gũi

bạn lành đây gọi là xúc. Do gần gũi bạn lành được nghe chánh pháp, đây gọi là xúc. Do nghe chánh pháp mà thân, khẩu, ý thanh tịnh, đây gọi là xúc. Do ba nghiệp thanh tịnh mà được chánh mạng, đây gọi là xúc. Do chánh mạng được giới căn thanh tịnh, do giới căn thanh tịnh mà thích nơi tịch tịnh, do thích tịch tịnh nên có thể tư duy hiểu biết, do thiện tư duy mà được an trụ đúng pháp, do an trụ đúng pháp mà được ba mươi bảy phẩm trợ đạo, do đây có thể phá hoại vô lượng phiền não ác, đây gọi là xúc.

Này Thiện nam tử ! Thọ gọi là nhiếp thủ, vì lúc chúng sanh cảm thọ có thể làm việc lành việc ác. Do nơi thọ mà sanh các phiền não. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo có thể phá hoại những phiền não này, nên dùng thọ làm nhiếp thủ.

Do thiện tư duy có thể phá phiền não, nên gọi là tăng trưởng. Vì siêng năng tu tập nên được ba mươi bảy phẩm trợ đạo như vậy.

Nếu quán lực có thể phá những phiền não ác cần phải nhờ chuyên niệm, do đây nên dùng niệm làm chủ. Như trong đời tất cả binh chủng đều theo ý của chủ tướng. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo cũng đều theo nơi niệm chủ.

Này Thiện nam tử ! Đã nhập chánh định rồi thời ba mươi bảy phẩm trợ đạo có thể khéo phân biệt tất cả pháp tướng, nên dùng làm dẫn đạo.

Phân biệt pháp tướng này do trí huệ là tối thắng, nên dùng huệ làm thắng.

Trí huệ này rõ biết phiền não, vì năng lực của trí huệ và phiền não tiêu diệt. Như trong đời bốn binh chủng phá hoại oán địch, hoặc một hoặc hai người dũng kiện có công năng phá địch. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo cũng như vậy, do năng lực của trí huệ có thể phá hoại phiền não, nên lấy trí huệ làm thắng.

Này Thiện nam tử ! Dầu do tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo mà chứng được Tứ thiên thần thông an lạc nhưng cũng chẳng gọi là thật. Nếu phá hoại phiền não lúc chứng được giải thoát mới gọi là thật.

Ba mươi bảy phẩm trợ đạo này từ khi phát tâm tu hành, dầu được thế lạc và xuất thế lạc, chứng bốn quả Sa Môn được giải thoát, cũng chẳng gọi là rốt ráo. Nếu có thể dứt trừ được những công hạnh do ba mươi bảy phẩm trợ đạo này thật hành, đây gọi là Niết Bàn, nên ta nói rốt ráo là Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Lại tâm thiện ái niệm chính là dục. Do thiện ái niệm mà gần gũi bạn lành nên gọi là xúc, đây là nhơn. Do gần gũi bạn lành nên gọi là thọ, đây là nhiếp thủ. Do gần bạn lành mà có thể thiện tư duy nên gọi là tăng trưởng. Do bốn pháp này có thể sanh trưởng chánh đạo : Dục, niệm, định và trí, đây gọi là chủ, là dẫn đạo, là tối thắng vậy.

Do ba pháp này mà được hai thứ giải thoát, do dứt trừ ái nên tâm được giải thoát, do dứt trừ vô minh nên huệ được giải thoát, đây gọi là thật.

Tâm pháp như vậy rốt ráo được quả gọi là Niết Bàn, nên Đại Niết Bàn gọi là rốt ráo.

Này Thiện nam tử ! Lại dục chính là phát tâm xuất gia, xúc là bạch tứ yết ma, đây gọi là nhơn. Nhiếp thủ chính là thọ hai thứ giới : Một là Ba La Đề Mộc Xoa giới, hai là tịnh căn giới, đây gọi là thọ, đây gọi là nhiếp thủ.

Tăng trưởng là tu tập Tứ thiền. Chủ là quả Tu Đà Hoàn và quả Tư Đà Hàm. Dẫn đạo là quả A Na Hàm. Tối thắng là quả A La Hán. Thật là quả Bích Chi Phật. Rốt ráo là quả Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Lại dục gọi là thức, xúc gọi là lục nhập, nhiếp gọi là thọ, tăng trưởng gọi là vô minh, chủ gọi là danh sắc, dẫn đạo gọi là ái, thắng gọi là thủ, thật gọi là hữu, rốt ráo gọi là sanh, lão, bệnh, tử.

(*) - Bạch Thế Tôn ! Căn bốn cùng nhơn với tăng, ba pháp này khác nhau thế nào ?

Này Thiện nam tử ! Căn bốn tức là sơ phát tâm. Nhơn là tương tợ chẳng dứt. Tăng trưởng là tương tợ dứt rồi có thể sanh tương tợ.

Lại căn là tạo tác. Nhơn chính là quả. Tăng trưởng là có thể dùng.

(*) Hán bộ quyển thứ 38.

Này Thiện nam tử ! Đòi vị lai dầu có quả báo, nhưng vì chưa thọ nên gọi là nhơn. Đến khi thọ thời gọi là tăng trưởng.

Lại căn là mong cầu. Được tức là nhơn. Dùng được tức là tăng trưởng.

Này Thiện nam tử ! Trong kinh này, căn là kiến đạo, nhơn là tu đạo, tăng là vô học đạo. Lại căn là chánh nhơn, phương tiện gọi là nhơn, tử chánh nhơn này chứng được quả báo gọi là tăng trưởng.

- Bạch Thế Tôn ! Như đức Phật nói rõ ráo là Đại Niết Bàn, Đại Niết Bàn này làm thế nào chứng được ?

- Này Thiện nam tử ! Hoặc Bồ Tát hoặc Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, hoặc Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di có thể tu tập mười quán tưởng, thời người này có thể được Niết Bàn : Một là vô thường tưởng, hai là khổ tưởng, ba là vô ngã tưởng, bốn là yếm ly thực tưởng, năm là nhứt thiết thế gian bất khả lạc tưởng, sáu là tự tưởng, bảy là đa tội quá tưởng, tám là lý tưởng, chín là diệt tưởng, mười là vô ái tưởng. Người nào tu tập mười thứ quán tưởng như vậy thời rõ ráo quyết định được Niết Bàn. Chẳng do nơi người, tự mình có thể phân biệt thiện bất thiện v.v..., đây gọi là thật xứng nghĩa Tỳ Kheo, nhần đến xứng nghĩa Ưu Bà Di.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là Bồ Tát nhần đến Ưu Bà Di tu tập vô thường tưởng ?

- Nay Thiện nam tử ! Có hai hạng Bồ Tát : Một là sơ phát tâm, hai là đã hành đạo.

Vô thường tướng cũng có hai thứ : Thô và tế. Bồ Tát sơ phát tâm lúc quán vô thường tướng, suy nghĩ rằng : Vạn vật trong đời phàm có hai loại : Nội và ngoại. Những loại thuộc về nội vật đều vô thường biến đổi. Tôi thấy lúc sanh, lúc nhỏ, lúc lớn, lúc mạnh, lúc già, lúc chết đều khác nhau, do đây nên biết những loại thuộc về nội vật đều vô thường.

Lại suy nghĩ rằng tôi thấy chúng sanh hoặc có kẻ mập mạnh tươi tốt, hoặc có kẻ bệnh hoạn héo gầy, hoặc có người giàu có dư giả, hoặc thấy người nghèo cùng thiếu thốn, hoặc thấy người có vô lượng công đức, hoặc thấy người tạo vô lượng tội lỗi, do đây nên quyết định biết rằng những loại thuộc về nội vật là vô thường.

Lại suy nghĩ rằng những vật ngoài thời kỳ hột, thời kỳ mọc mộng, lên cây, ra lá, trở bông, kết trái đều chẳng đồng, lại có thứ đầy đủ, có thứ chẳng đầy đủ, do đây nên biết rằng tất cả vật ngoài quyết định là vô thường.

Đã quán sát những vật bị thấy là vô thường, kế lại là quán sát những pháp bị nghe : Tôi từng nghe chư Thiên có thần thông tự tại hưởng sự vui rất vi diệu nhưng cũng có năm tướng suy, do đây nên biết rằng là vô thường. Tôi lại từng nghe thuở kiếp

sơ có các chúng sanh đầy đủ công đức, thân thể sáng chói chẳng cầu mặt trời mặt trăng, vì vô thường biến đổi mà công đức hao tổn, ánh sáng tắt mất. Tôi lại nghe thuở xưa có Chuyển Luân Thánh Vương thống lãnh bốn châu thiên hạ, có đủ thất bảo thế lực tự tại, dầu vậy nhưng cũng không thể tránh khỏi vô thường. Lại quán quả địa cầu, ngày xưa người ở đông đảo, có đủ cây thuốc hay, rừng cây bông trái sum sê. Ngày nay vì chúng sanh phước bạc, nên những sanh vật trên mặt đất thành hư hao. Do đây nên biết rằng tất cả vật trong thân ngoài cảnh đều vô thường. Đây gọi là tướng vô thường thô.

Đã quán tướng tướng thô rồi, kế lại quán sát tướng vô thường tế.

Bổ Tát quán sát tất cả vật trong ngoài, nhãn đến vi trần, tại thời kỳ vị lai đã là vô thường, vì tất cả đều có đủ tướng phá hoại vậy. Nếu sắc uẩn vị lai chẳng phải là vô thường, thời chẳng nên nói sắc uẩn có mười thời kỳ sai biệt : Thời kỳ đông lại, thời kỳ nổi bóng, thời kỳ ung nhọt, thời kỳ khô thối, thời kỳ mọc đầu và tứ chi, thời kỳ bé thơ, thời kỳ trẻ, thời kỳ thiếu niên, thời kỳ tráng niên, thời kỳ già suy. Nếu không phải là vô thường thời đông vắng không thành bóng, nhọt nhãn đến không có già suy.

Nếu những thời kỳ chẳng phải niệm niệm hoại diệt, thời trọn chẳng có lần lần lớn lên, đáng lẽ phải đồng

thời trường thành tất cả. Do đây biết rằng quyết định có niệm niệm vi tế vô thường.

Lại thấy có người thân thể toàn vẹn, nhan sắc tươi đẹp, lúc sau lại thấy người ấy gầy gò tiều tụy. Do đây biết rằng người này quyết định có niệm niệm vô thường.

Lại quán sát tứ đại và bốn oai nghi, trong ngoài đều có hai khổ nhơn : Đói khát và lạnh nóng. Nếu không có niệm niệm vi tế vô thường, thời cũng lẽ ra không có bốn điều khổ ấy.

Suy xét như trên đây gọi là quán tướng vô thường tế.

Như trong thân và ngoại cảnh, tâm pháp cũng như vậy, vì tâm duyên theo sáu trần hoặc sanh lòng mừng, lòng giận, lòng yêu v.v... lần lượt thay đổi khác, không trụ một niệm. Do đây nên biết rằng tất cả sắc pháp và tâm pháp đều vô thường cả.

Nếu Bồ Tát có thể ở trong một niệm thấy rõ tất cả pháp đều sanh diệt vô thường, đây gọi là Bồ Tát có đủ vô thường tướng.

Này Thiện nam tử ! Người trí tu tập vô thường tướng rồi thời xa lìa quan niệm điên đảo chấp thường.

Kế lại tu tập khổ tướng. Duyên có gì có sự khổ như vậy ? Biết rõ rằng sự khổ này do nơi vô thường. Do vô thường mà có sanh, già, bệnh, chết. Vì có sanh già bệnh

chết nên gọi là vô thường. Vì vô thường mà chịu lấy những sự khổ : Đói, khát, lạnh, nóng v.v...

Lại quán sát thân thể này chính là khí cụ vô thường, là khổ. Vì là khí cụ khổ nên bao nhiêu sự nhận lấy của thân đều là khổ cả.

Lại quán sát sanh là khổ, diệt là khổ. Sanh diệt chính là vô thường, chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở, nên tu vô ngã tướng.

Lại quán sát khổ là vô thường, vô thường tức là khổ. Nếu đã là khổ vô thường, người trí đâu nên cho rằng có ngã ! Khổ không phải là ngã, vô thường cũng vậy. Cả năm ấm đều là khổ là vô thường, sao chúng sanh lại cho là có ngã !

Lại quán sát tất cả pháp có nhiều thứ hòa hiệp sai khác. Chẳng phải từ một hòa hiệp sanh tất cả pháp. Lại một pháp chẳng phải là quả của tất cả hòa hiệp. Tất cả hòa hiệp đều không tự tánh, cũng không một tánh, cũng không tánh sai khác, cũng không vật tánh, cũng không tự tại. Các pháp đã có những tướng như vậy, người trí đâu nên nói là có ngã.

Lại suy nghĩ rằng : Trong tất cả pháp không có một pháp nào là tác giả. Một pháp đã không phải tác giả, thời nhiều pháp hòa hiệp cũng không thể là tác giả. Tánh của các pháp không thể tự sanh tự diệt, do hòa hiệp mà diệt, do hòa hiệp mà sanh. Khi pháp đã sanh, chúng sanh điên đảo tưởng rằng là

hòa hiệp, từ hòa hiệp sanh. Chúng sanh điên đảo tướng niệm không có chơn thật. Như thế thời đâu có thật ngã ! Do đây nên người trí quán sát vô ngã.

Lại quán sát duyên có gì mà chúng sanh nói là ngã ? Ngã này nếu là có, thời là một hay nhiều. Nếu ngã chỉ có một, thời sao lại có Sát Đế Lợi, Bà La Môn v.v... nhần đến nhơn, Thiên, quỉ, súc ? Nếu ngã là nhiều, sao lại nói rằng ngã của chúng sanh là duy nhứt, là khắp, là không biên tế. Cho là một hay là nhiều, cả hai đều không có ngã cả.

Người trí đã quán vô ngã rồi, kế lại quán tướng yếm ly thực.

Nên suy nghĩ rằng : Nếu tất cả pháp là vô thường, khổ, vô ngã, sao lại vì sự ăn mà thân, khẩu, ý gây tạo ác nghiệp ! Nếu có chúng sanh nào vì tham ăn mà thân, khẩu, ý gây tạo nghiệp ác, bao nhiêu của cải có ra, mọi người đều cùng hưởng dụng, về sau lúc mắc quả khổ, không một ai cùng chia.

Lại quán sát tất cả chúng sanh vì ăn uống mà thân tâm chịu khổ. Nếu từ các sự khổ mà được ăn uống, sao ta lại đôi với sự ăn uống mà sanh lòng tham đắm.

Kế lại nên quán sát thân nhơn. Do nơi uống ăn mà thân thể tăng trưởng. Nay ta xuất gia vì muốn xả thân nên thọ giới tu hành, nếu tham đắm ăn uống thời sao gọi là xả thân ! Quán sát như vậy rồi, dầu có ăn uống,

nhưng coi như quí Khoáng Dã ăn thịt con của nó, trong lòng nhàm ghét không biết ngon ngọt.

Quán sát rõ món ăn uống có lỗi như vậy rồi, kế lại quán xúc thực : Như con bò bị lột da, có vô số kiến ruồi bu cắn. Kế quán tư thực như đồng lửa lớn. Quán thức thực như ba trăm mâu nhọn.

Người trí quán sát bốn thứ thực này rồi thời không còn có quan niệm tham ưa. Nếu còn tham ưa thời nên quán bất tịnh để lìa hẳn sự ái nhiễm đôi với tứ thực. Phải khéo phân biệt sự bất tịnh của tất cả thứ uống ăn. Lúc thọ ăn món ngon món dở, xem như thuốc thoa ghẻ, trợn không sanh lòng tham ái. Nếu có thể quán sát như trên đây thời gọi là người trí trợn nên quán tướng yếm ly thực.

- Bạch Thế Tôn ! Người trí quán sát món ăn là bất tịnh, đó là thật quán hay hư quán ? Nếu là thật quán thời thức ăn đương quán thật chẳng phải bất tịnh. Nếu là hư quán, thời sao lại gọi là thiện tướng ?

- Nay Thiện nam tử ! Quán tướng như vậy, cũng là thật cũng là hư : Vì có thể trừ quan niệm tham ăn nên gọi là thật; vì không phải trùng dòi mà thấy là trùng dòi nên gọi là hư.

Nay Thiện nam tử ! Tất cả pháp hữu lậu đều gọi là hư, mà cũng có thể được thật.

Nay Thiện nam tử ! Nếu có Tỳ Kheo lúc muốn đi khát thực, tự nghĩ rằng : Tôi sẽ đi khát thực,

mong được món ăn ngon, nhiều và mau được, đừng được món ăn dở, ít và chậm lâu. Tỳ Kheo này chẳng được gọi là có yếm ly tương đối với sự ăn uống, pháp lành sẽ suy hao lần, pháp chẳng lành sẽ càng ngày càng tăng trưởng.

Này Thiện nam tử ! Nếu có Tỳ Kheo lúc muốn đi khát thực, phải nguyện trước rằng : Cầu mong cho những người khát thực đều được no đủ, người bố thí vô lượng phước. Nếu tôi được món ăn, cũng chỉ là dùng để chữa bệnh cho thân thể ác độc này, để tu tập pháp lành, cho thí chủ được lợi ích. Tỳ Kheo lúc phát nguyện trên đây thời pháp lành lần tăng trưởng, pháp chẳng lành tiêu diệt lần. Tỳ Kheo này chẳng luống ăn của tín thí.

Này Thiện nam tử ! Người trí có đủ bốn pháp quán tưởng như vậy thời có thể tu pháp quán tưởng "Thế gian không đáng ưa thích". Suy nghĩ rằng : Tất cả thế gian không chỗ nào chẳng có sự sanh, già, bệnh, chết, mà thân của tôi không chỗ nào chẳng sanh. Thế gian đã không có một chỗ nào là được sự sanh, già, bệnh, chết, như vậy tại sao tôi lại ưa thích thế gian ! Tất cả thế gian không có gì tiến đắc mà chẳng phải thối thất, nên thế gian quyết định là vô thường. Đã là vô thường, người trí đâu nên ưa thích thế gian.

Mỗi chúng sanh trải qua khắp tất cả thế gian, hưởng thọ đủ cả sự khổ vui, đều được thân Phạm

Thiên cho đến trời Phi Phi Tướng, lúc mạng chung cũng lại phải sa vào ba ác đạo. Dầu được thân trời Tứ Thiên Vương cho đến trời Tha Hóa Tự Tại, lúc mạng chung hoặc phải sanh trong loài súc sanh làm thân sư tử, cọp, sói, voi, ngựa, bò, lừa v.v...

Kế lại suy nghĩ : Chuyển Luân Thánh Vương thống lãnh bốn châu thiên hạ, sang giàu tự tại, lúc hết phước phải nghèo khổ ăn mặc không đủ.

Người trí quán tưởng như trên đây rồi, thời có quan niệm thế gian không đáng ưa thích.

Người trí lại quán sát tất cả tài vật châu báu, nhà cửa, hương, hoa v.v... ở thế gian dầu dùng để đỡ khổ, nhưng những vật ấy chính nó là khổ, sao lại dùng khổ để lìa khổ.

Này Thiện nam tử ! Người trí quán sát như vậy rồi thời chẳng còn ưa thích tài vật ở thế gian. Như có người thân mạng bệnh nặng, dầu có những thứ âm nhạc, ca hát, hoa hương, chuỗi ngọc, nhưng trọn chẳng sanh lòng ưa thích. Người trí quán sát những điều trên đây không tham ưa tài vật châu báu ở thế gian cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Người trí quán sát tất cả thế gian đều chẳng phải chỗ quy y, chẳng phải chỗ giải thoát, chẳng phải chỗ tịch tịnh, chẳng phải chỗ đáng ưa, chẳng phải bờ kia, chẳng phải thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu tôi tham ưa nơi thế gian thời tôi

làm thế nào lìa được thế gian, như người chẳng thích ở trong tối muốn tìm ánh sáng mà lại trở về trong tối. Trong tối là thế gian, ánh sáng là xuất thế. Nếu tôi ưa thích thế gian thì là thêm lớn sự đen tối mà muốn xa lìa đen tối.

Đen tối là vô minh, ánh sáng là trí minh. Chính quan niệm chẳng ưa thích thế gian là nhơn của trí minh. Tất cả kiết sử tham ưa dầu hay trói buộc, nhưng nay tôi tham ưa trí minh mà chẳng tham ưa thế gian.

Người trí quán sát rõ những sự trên đây rồi thì có đủ quan niệm rằng thế gian là chẳng đáng ưa thích.

Này Thiện nam tử ! Người trí kế lại tu tập tư tưởng : Quán sát thọ mạng này thường bị vô lượng oán thù vây quanh, niệm niệm tổn diệt không có tăng trưởng, như nước dốc trên núi không thể đứng dừng, cũng như sương móc ban mai thế chẳng còn lâu, như người tù bị dắt ra chợ mỗi bước gần đến chỗ chết, như dắt bò dê đến chỗ hàng thịt.

- Bạch Thế Tôn ! Người trí quán sát niệm niệm diệt như thế nào ?

- Này Thiện nam tử ! Như bốn người đều có tài bắn giỏi họp nhau ở một chỗ, mỗi người riêng bắn qua một hướng đồng nghĩ rằng bốn mũi tên của chúng tôi đồng thời bắn ra đồng thời rơi xuống. Lại có một người nghĩ rằng lúc bốn mũi tên này chưa rơi xuống, trong một lúc tôi có thể dùng tay bắt lấy.

Này Thiện nam tử ! Đáng gọi người này là mau lẹ chăng ?

- Bạch Thế Tôn ! Người này thật mau lẹ.

- Này Thiện nam tử ! Địa hành quỷ còn lẹ hơn người này. Phi hành quỷ lại mau hơn Địa hành quỷ. Tứ Thiên Vương mau hơn Phi hành quỷ. Nhứt Nguyệt Thần Thiên mau hơn Tứ Thiên Vương. Hành Kiên Tật Thiên mau hơn Nhứt Nguyệt Thần. Thọ mạng của chúng sanh lại mau hơn Kiên Tật Thiên.

Này Thiện nam tử ! Một hơi thở một nháy mắt, thọ mạng của chúng sanh có bốn trăm lần sanh diệt. Nếu có thể quán sát thọ mạng như vậy thời gọi là có thể quán niệm niệm diệt.

Này Thiện nam tử ! Người trí quán sát thọ mạng thuộc nơi vua chết, nếu tôi là được vua chết này thời dứt hẳn được thọ mạng vô thường. Lại nên quán sát thọ mạng này như cây to bên sông lở, như người phạm tội lúc bị xử tử không ai xót thương, như lúc sư tử vương quá đói, như lúc rắn độc hớp gió to, như lúc ngựa khát nước nó giữ gìn nước, như lúc đại ác quỷ phát sân, vua chết của chúng sanh cũng dữ độc như vậy.

Người trí nếu có thể quán sát như vậy thời gọi là tu tập tử tưởng.

Này Thiện nam tử ! Người trí lại nên quán sát rằng nay tôi xuất gia dầu thọ mạng chỉ có bảy ngày

bảy đêm, trong thời gian ấy tôi sẽ tinh tấn tu hành giữ gìn cấm giới, thuyết pháp giáo hóa lợi ích chúng sanh, đây là người trí tu tập tử tưởng.

Lại vì bảy ngày bảy đêm còn là nhiều, nếu được sáu ngày, hoặc năm ngày, bốn ngày, ba ngày, hai ngày, một ngày, một giờ, nhần đến trong khoảng một hơi thở ra vào, trong thời gian này tôi sẽ tinh tấn tu hành, giữ gìn cấm giới, thuyết pháp giáo hóa lợi ích chúng sanh. Đây gọi là người trí khéo tu tập tử tưởng.

Người trí có đủ sáu pháp quán tưởng trên đây có thể làm nhơn cho bảy pháp quán tưởng. Đây là bảy pháp quán tưởng : Một là quán tưởng thường tu tập, hai là quán tưởng thích tu tập, ba là quán tưởng không sân hận, bốn là quán tưởng không tật đố, năm là quán tưởng phát nguyện lành, sáu là quán tưởng không kiêu mạn, bảy là quán tưởng Tam muội tự tại.

Này Thiện nam tử ! Nếu có Tỳ Kheo nào có đủ bảy pháp quán tưởng này, thời gọi là Sa Môn, là Bà La Môn, là tịch tịnh, là tịnh khiết, là giải thoát, là người trí, là chánh kiến, là đáo bỉ ngạn, là đại y vương, là đại thương chủ, là hiểu rõ pháp bí mật của Như Lai, là biết bảy thứ lời nói của chư Phật, là tri kiến chơn chánh, dứt được những lưới nghi trong bảy thứ lời nói của chư Phật.

Này Thiện nam tử ! Nếu người nào có đủ sáu pháp quán tưởng như trên, nên biết rằng người đó có thể quả trách ba cõi, xa lìa ba cõi, dứt trừ ba cõi, chẳng ưa đắm ba cõi. Đây gọi là người trí có đủ mười pháp quán tưởng.

Nếu Tỳ Kheo nào có đủ mười pháp quán tưởng này thời đáng được gọi là tướng Sa Môn.

Lúc đó Ca Diếp Bồ Tát liền ở trước Phật nói kệ tán thán :

Đấng Đại Y Vương thương thế gian
Thân và trí huệ đều tịch tịnh
Trong pháp vô ngã có chơn ngã
Nên tôi kính lễ Vô Thượng Tôn.

Phát tâm và rốt ráo không sai khác
Hai tâm này tâm trước khó hơn
Mình chưa được độ, độ người trước
Nên tôi kính lễ sơ phát tâm.

Sơ tâm đã là Thầy Trời, người
Hơn bậc Thanh Văn và Duyên Giác
Phát tâm như vậy hơn ba cõi
Nên được gọi là Tối Vô Thượng.

Trong đời phải cầu rồi mới được
Phật không chờ thỉnh mà làm Thầy

Phật theo thế gian như ghé con
Nên được gọi là đấng Đại bi.

Công đức của Phật khắp mười phương
Phàm phu vô trí chẳng thể khen
Nay tôi tán thán tâm từ bi
Để báo đáp hai nghiệp thân khẩu.

Thế gian thường ưa tự lợi ích
Đức Phật trọn chẳng có như vậy
Dứt báo thế gian cho chúng sanh
Nên tôi kính lễ Tự Tha Lợi.

Người đời làm lợi cho thân nhen
Đức Phật lợi ích không thân thù
Phật không riêng biệt như người đời
Do đây tâm Phật thường bình đẳng.

Người đời nói khác việc làm khác
Nói làm của Phật đều không sai
Phàm chỗ tu hành xả các hạnh
Do đây được gọi là Như Lai.

Trước đã rõ biết lỗi phiền não
Thị hiện ở đó vì chúng sanh
Từ lâu đã giải thoát thế gian
Vì Từ bi mà ở sanh tử.

Dầu hiện thân trời cùng thân người
Từ bi theo dõi như ghé con
Đức Phật là mẹ của chúng sanh
Từ tâm chính là ghé con nhỏ.

Tự chịu khổ não vì chúng sanh
Do xót thương nên lòng chẳng hồi
Quá xót thương mà chẳng biết khổ
Nên tôi cúi lạy đáng cứu khổ.

Đức Phật dầu làm vô lượng phước
Nhưng thân, khẩu, ý thường thanh tịnh
Thường vì chúng sanh chẳng vì mình
Nên tôi kính lễ nghiệp thanh tịnh.

Đức Phật chịu khổ chẳng biết khổ
Thấy người chịu khổ như mình khổ
Dầu vì chúng sanh ở địa ngục
Chẳng có niệm khổ và ăn năn.

Chúng sanh chịu khổ đều khác nhau
Mà Như Lai một mình chịu khổ
Biết rồi tâm Phật càng kiên cố
Do đây siêng tu đạo Vô thượng.

Phật đủ tâm đại từ duy nhứt
Thương xót chúng sanh xem như con

Chúng sanh chẳng biết Phật cứu mình
Nên hủy báng Phật cùng Pháp, Tăng.

Thế gian có đủ những phiền não
Cũng có vô lượng những lỗi ác
Phiền não và tội lỗi như vậy
Lúc sơ phát tâm đã dứt trừ.

Chư Phật mới tán thán được Phật
Ngoài Phật không ai tán thán được
Nay tôi chỉ tán thán một điều
Là tâm Đại từ thương thế gian.

Từ tâm của Phật là pháp lớn
Từ tâm này độ được chúng sanh
Chính đây là Vô thượng giải thoát
Giải thoát này là Đại Niết Bàn.

